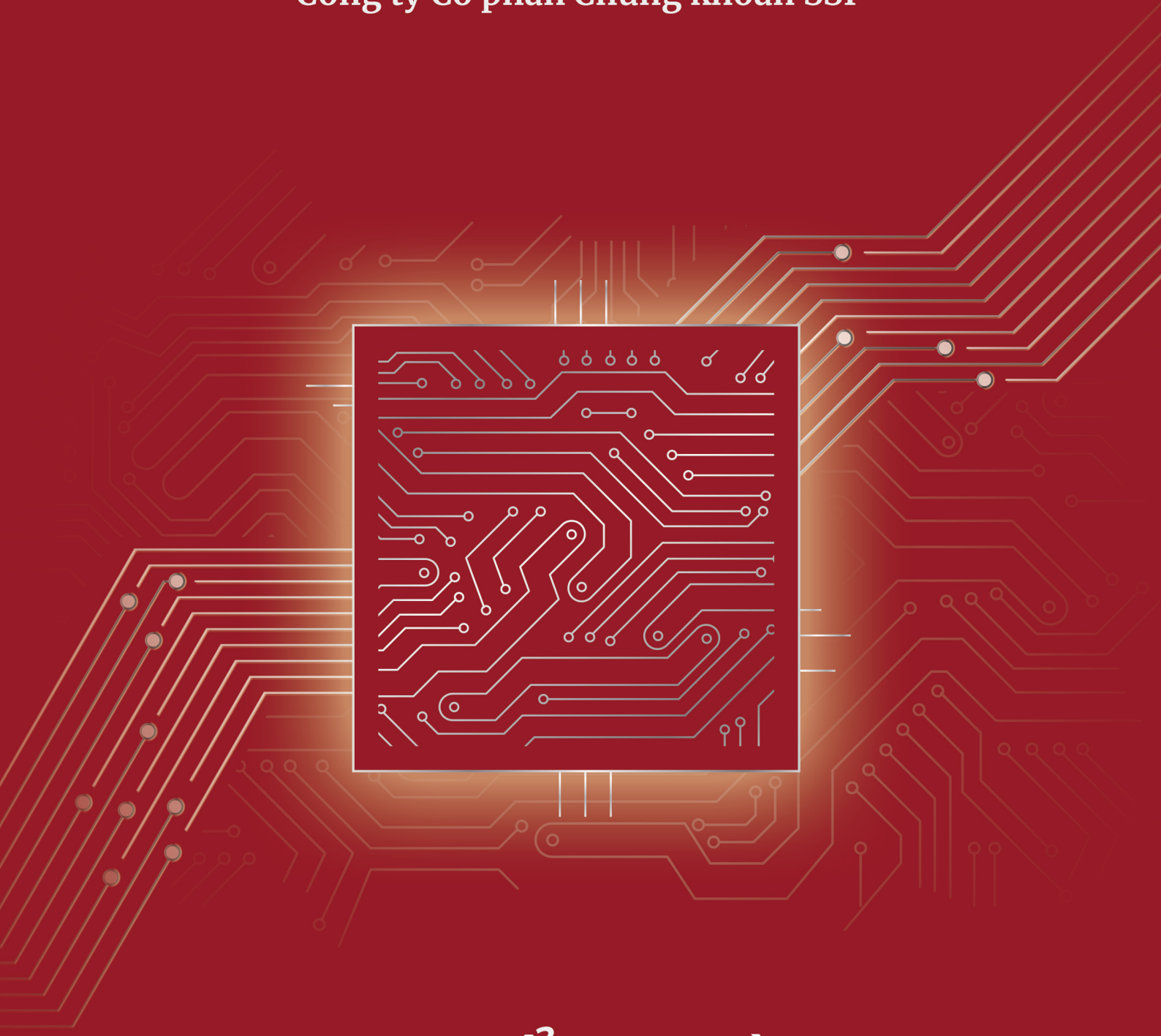
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI



CHUYỂN MÌNH BỨT PHÁ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 6

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2023 8

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI 10

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP 12

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN 14

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 16

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 18

TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC 22

02 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2023 30

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2023 40

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG 58

03 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2024 72

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN 76

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2024 82

04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 90

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 98

QUẢN TRỊ RỦI RO 100

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 124

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SSI 134

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 136

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 137

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 146

07 THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2023 248

ĐỊA BÀN KINH DOANH 260

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2023 là một năm khó khăn của nền kinh tế.

Các nhà đầu tư trong nước thận trọng do lo ngại về triển vọng tăng trưởng kinh tế, còn dòng vốn ngoại chảy khỏi thị trường chứng khoán khi chính sách tiền tệ nới lỏng của Việt Nam bắt đầu phân kỳ với chính sách tiền tệ thắt chặt ở thị trường phát triển, dẫn đến thanh khoản thị trường thu hẹp đáng kể, giảm 20% so với năm 2022.

Không bùng phát như giai đoạn 2021 – 2022, hoạt động huy động vốn 2023 trầm lắng khi chỉ có 3 thương vụ IPO, trong đó duy nhất 1 thương vụ thành công với khối lượng thấp. Thị trường vốn vẫn chưa đủ quy mô để tham gia giảm tải cho thị trường tiền tệ trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

Đối diện với khó khăn cả từ bên trong và bên ngoài, kinh tế Việt Nam vẫn có mức tăng trưởng khoảng 5%, tuy thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu ban đầu của Chính phủ, nhưng vẫn là điểm sáng của kinh tế thế giới theo nhận định của một số tổ chức quốc tế.

Động lực chính giúp thị trường chứng khoán đạt kết quả tốt trong năm 2023, VN-Index tăng 12,2%, là nhờ các chính sách chủ động, kịp thời của Chính phủ trong nỗ lực kiểm soát suy thoái trên thị trường bất động sản và tránh đổ vỡ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời giảm lãi suất để tạo động lực tốt hơn cho niềm tin người tiêu dùng.

Một điểm đáng chú ý trong năm nay, dù được đưa vào danh sách xem xét nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi của FTSE Russell từ năm 2018, tuy nhiên do một số lý do như yêu cầu ký quỹ trước giao dịch với nhà đầu tư tổ chức, Việt Nam vẫn chưa được nâng hạng. Từ tháng 07/2023 tới nay, Cơ quan quản lý đã có nhiều động thái tích cực trong quá trình tháo gỡ các rào cản cũng như lắng nghe ý kiến từ thành viên thị trường để cùng đưa ra giải pháp thúc đẩy nâng hạng thị trường Việt Nam. Nhiều lợi ích cho Việt Nam trong việc nâng hạng thị trường, khẳng định sự ổn định và uy tín của Việt Nam trên thị trường quốc tế, mở rộng mối quan hệ hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài giúp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế. Đây là cơ hội cho SSI tiếp tục thể hiện vai trò đồng hành, dẫn dắt, thực hiện sứ mệnh xuyên suốt "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư" kể từ khi thành lập đến nay.

Đối diện với khó khăn và thách thức chung từ thị trường và nền kinh tế. Năm 2023, SSI ghi nhận doanh thu thuần đạt 7.281 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế đạt 2.849 tỷ VNĐ, tăng trưởng lần lượt 11,5% và 35% so với 2022, vượt 105% kế hoạch doanh thu và 112% kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các Khối kinh doanh tiếp tục tăng cường phối hợp và đưa ra nhiều sản phẩm tài chính toàn diện cho cả khách hàng tổ chức và cá nhân. Đây là kết quả tích cực, thể hiện sự đồng lòng, nỗ lực vượt khó khăn của hơn 1.600 cán bộ nhân viên SSI.

Năm 2023, SSI thành lập Khối Bán lẻ trên cơ sở hợp nhất Khối kinh doanh Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân, Dịch vụ Quản lý tài sản và Dịch vụ trực tuyến, thể hiện quyết tâm đưa SSI trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm đầu tư – tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân.

Năm 2024, SSI chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh công nghệ tối ưu hiệu quả hoạt động.



Đối với thị trường, SSI luôn chọn tăng trưởng bền vững, tập trung phát triển thị trường, chú trọng quản trị rủi ro, giữ an toàn, minh bạch hiệu quả dài hạn cho nhà đầu tư. Đảm bảo lợi ích các bên, gồm cộng sự, khách hàng, đối tác, cổ đông và cộng đồng trong mọi quyết sách. Không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới danh mục sản phẩm để tạo ra lợi thế cạnh tranh, khẳng định SSI luôn là người đồng hành đáng tin cậy, đem lại nhiều cơ hội kinh doanh cho nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Đối với nội tại Công ty, SSI tạo nhiều cơ hội phát triển nguồn nhân lực trẻ trung nhiệt huyết. Ban lãnh đạo với những thành viên giàu kinh nghiệm cùng thế hệ lãnh đạo trẻ kế cận có tư duy đột phá, đồng lòng với toàn thể nhân viên Công ty, quyết tâm đưa SSI chuyển mình bứt phá, hướng tới sự phát triển bền vững, trường tồn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ nhân viên SSI, xin cảm ơn Quý khách hàng, Cổ đông và các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI. Sự tin tưởng của Quý vị là tài sản quý báu mà Công ty đã tích lũy suốt hơn 23 năm qua, là động lực để SSI cam kết nỗ lực, tạo nên những kết quả vượt trội hơn trong năm 2024.

Xin chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công trong cuộc sống!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN DUY HƯNG

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2023

Năm 2023 với nhiều biến động trên thị trường chứng khoán đã mang đến cả thách thức và cơ hội cho SSI, Công ty đã không ngừng đổi mới để thích nghi với những khó khăn và nắm bắt những cơ hội mới trên thị trường để tiến xa hơn nữa. SSI tiếp tục kiên định với hành trình bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản cho khách hàng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU
23.241 TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN
69.241 TỶ VNĐ
Giữ vững vị trí số 1 trong ngành Chứng khoán xét về quy mô tài sản

TỔNG DOANH THU
7.283 TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
2.849 TỶ VNĐ

CHI TRẢ CHO CÁN BỘ NHÂN VIÊN
1.040 TỶ VNĐ

CHUNG TAY XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG
4,80 TỶ VNĐ

Các chuỗi chương trình tư vấn và bồi dưỡng kiến thức đầu tư cùng hàng trăm buổi phát sóng trực tiếp, hàng chục nghìn lượt thảo luận và hàng triệu lượt xem trên các nền tảng mạng xã hội

Cổ Cún tháng mới
Một chương trình từ SSI Research

Bí mật Đồng tiền

Café Chứng 02

Đồng Bảng Cuối Tuần

Triển khai hàng loạt chương trình khuyến mãi, ưu đãi nhằm khuyến khích khách hàng giao dịch tại SSI







SẢN PHẨM ĐẦU TƯ ĐA DẠNG

Các sản phẩm Chứng khoán
- CỔ PHIẾU
- PHÁI SINH
- CHỨNG QUYỀN

Các sản phẩm S-Products
- S-BOND
- S-NOTES
- S-SAVINGS

Các sản phẩm Quỹ đầu tư
- QUỸ MỞ
- QUỸ ETF
- QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

TẦM NHÌN

CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

SỨ MỆNH

KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SẴN SÀNG GIẢI PHÁP

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

SÂU SÁT CHUYÊN MÔN

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

IN DẤU SÁNG TẠO

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999. Sau 23 năm vận hành theo cơ chế thị trường, SSI là một trong những công ty hoạt động lâu đời nhất đồng thời là định chế tài chính lớn nhất tại Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang.



Tên doanh nghiệp	Tên tiếng Anh
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	**SSI Securities Corporation**

Đại diện theo pháp luật	Mã chứng khoán	Ngày thành lập
Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	**SSI**	**30/12/1999**

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

+84 28 38242897

www.ssi.com.vn

+84 28 38242997

Vốn điều lệ
(tại ngày 31/12/2023)

15.011.301.370.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu
(tại ngày 31/12/2023)

23.240.892.110.813 VNĐ

Tổng số nhân viên
(tại ngày 31/12/2023)

1.637 nhân viên
trong đó có **672 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999 - 2005

- **30/12/1999**: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ
- **07/2001:** SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán
- **07/2002:** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc
- **06/2005:** SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán

2006 - 2012

- **11/2006**: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường
- **12/2006:** Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)
- **08/2007:** Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập
- **10/2007:** SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)
- **04/2008:** SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ
- **06/2008:** Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI
- **07/2009:** SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài
- **05/2010:** SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ

2013 - 2017

- **03/2013:** SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ
- **04/2015:** SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ
- **09/2015:** SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ
- **01/2017:** SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ
- **04/2017:** SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ
- **05/2017:** SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

  Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch TTCK phái sinh

2018 - 2020

- **02/2018:** SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm
- **12/2018:** SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường
- **06/2019:** SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm;
- **02/2020:** SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ
- **06/2020:** SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông
- **12/2020**: SSI là Công ty Chứng khoán tư nhân đầu tiên vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý ***"Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"*** do Đảng và Nhà nước trao tặng

2021 - 2023

- **05/2021:** SSI trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên đạt vốn hóa trên 1 tỷ USD
- **11/2021:** SSI phát hành thành công 218,29 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ phát hành 6:2 (tháng 09/2021) và 109,1 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1 với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu (tháng 10/2021). Kết thúc các đợt phát hành, vốn điều lệ Công ty tăng lên mức 9.847.500.220.000 VNĐ
- **09/2022:** SSI đã phát hành thành công hơn 496 triệu cổ phiếu cho cổ đông với giá 15.000 đồng mỗi cổ phiếu. Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 14.911.301.370.000 VNĐ, giữ vững vị trí là Công ty Chứng khoán lớn nhất Việt Nam
- **03/2023:** SSI đã phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP). Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 15.011.301.370.000 VNĐ

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán tới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, bao gồm:

- **Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết:** Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Phân phối chứng chỉ quỹ mở; Giao dịch chứng chỉ ETF, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
- **Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh:** Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;
- **Sản phẩm, Dịch vụ Tài chính:** Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- **Sản phẩm, Dịch vụ Giao dịch Điện tử:** Web Trading, Pro Trading, iBoard, Mobile Trading, Contact Center và SMS;
- **Sản phẩm Tư vấn Đầu tư:** Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- **Dịch vụ Quản lý Tài sản cho khách hàng cá nhân:** Tư vấn xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản; Cung cấp các gói giải pháp đầu tư phong phú, đáp ứng nhu cầu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các sản phẩm cấu trúc, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu; Cung cấp hệ thống dịch vụ đặc quyền tập trung vào kiến tạo và gia tăng giá trị về nền tảng kiến thức đầu tư cho khách hàng và thế hệ kế cận;
- **Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp:** Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

ĐẦU TƯ

- **Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh;**
- **Tạo lập thị trường;**
- **Phát hành Chứng quyền có bảo đảm.**

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động **giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn** thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức **đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu;**
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các **sản phẩm phái sinh, cấu trúc,** v.v… để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và khách hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- **Tư vấn Tài chính doanh nghiệp:** Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- **Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);**
- **Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước:** Tư vấn phát hành và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

- **Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;**
- **Quản lý danh mục đầu tư**, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
- **Tư vấn đầu tư** cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- **Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản**.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trải qua 23 năm hoạt động và đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam, SSI đã được vinh danh bởi rất nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước như ASIAMONEY, FINANCEASIA, THE ASSET, FORBES.

SSI CHIẾN THẮNG

49

GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG VỚI NGÀNH TÀI CHÍNH TRONG 2023

Hàng trăm giải thưởng qua các năm đã khẳng định vị thế tiên phong và công nhận cho nỗ lực không ngừng nghỉ của SSI nhằm mang đến những dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng. Đồng thời cho thấy uy tín vượt trội của thương hiệu SSI trên thị trường, minh chứng cho tiềm lực mạnh mẽ của Công ty cả về chất lượng nhân sự, nguồn lực tài chính, và mạng lưới đối tác rộng khắp.

Các giải thưởng SSI đã được trao tặng trong năm 2023 vừa qua:

GIẢI THƯỞNG ASIAMONEY BROKERS POLL 2023

7 hạng mục giải thưởng cho tổ chức & 16 giải thưởng cá nhân cho môi giới và chuyên gia phân tích

- Công ty chứng khoán nội địa tốt nhất Việt Nam
- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Phân tích và nghiên cứu thị trường
- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới
- Công ty chứng khoán có sự chuyển đổi tốt nhất trong lĩnh vực môi giới tại Việt Nam
- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về nghiên cứu ESG
- Công ty thực hiện lệnh tốt nhất Việt Nam
- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư
- 16 giải thưởng cá nhân dành cho Môi giới và Chuyên gia phân tích



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ FINANCEASIA TRAO TẶNG

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam từ năm 2008 – 2011, 2014 – 2016 và 2019 – 2023
- Nhà tư vấn & thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ INSTITUTIONAL INVESTOR TRAO TẶNG

- Xếp hạng 2 – Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ cho các thị trường cận biên năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ FORBES TRAO TẶNG

- Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023 trong 10 năm liên tiếp từ 2014 – 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA TRAO TẶNG

- Nhà tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam năm 2023
- Nhà Tư vấn về cổ phiếu tốt nhất Việt Nam năm từ 2021 – 2023
- Thương vụ trái phiếu nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2023
- Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam từ 2020 – 2023 (SSIAM)
- Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân năm 2020 | 2021 | 2023 (SSIAM)

GIẢI THƯỞNG DO THE ASSET TRAO TẶNG

- Nhà tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất – Khuôn khổ giải thưởng Tài chính bền vững Triple A 2024
- Công ty Quản lý Quỹ của Năm từ 2014 – 2018 và 2021 – 2023 (SSIAM)

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ ASIAMONEY TRAO TẶNG

- Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ NHỊP CẦU ĐẦU TƯ TRAO TẶNG

- Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2023 Doanh nghiệp tỷ đô năm 2014 | 2016 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ THE ASIAN BUSINESS REVIEW TRAO TẶNG

- Giải thưởng Công nghệ Xuất sắc Việt Nam hạng mục Fintech – Brokerage năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO MORS GROUP TRAO TẶNG

- Doanh nghiệp Xuất sắc & Bền vững Châu Á (ACES) năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO VNR – VIETNAMNET TRAO TẶNG

- Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) 6 năm liên tiếp từ 2018 – 2023
- Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) 8 năm liên tiếp từ 2016 – 2023
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam từ năm 2021 – 2023
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) 16 năm liên tiếp từ 2008 – 2023

GIẢI THƯỞNG DO TỔNG CỤC THUẾ – BỘ TÀI CHÍNH (V1000) TRAO TẶNG

- Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 12 năm liên tiếp 2010 – 2021 & 2023

GIẢI THƯỞNG DO VIET RESEARCH VÀ BÁO ĐẦU TƯ TRAO TẶNG

- Top 500 nhà Tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2022 & 2023
- Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Ngành Dịch vụ Tài chính, Chứng khoán năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO ANPHABE TRAO TẶNG

- Đứng thứ 02 trong ngành Dịch vụ Tài chính khối Doanh nghiệp lớn từ 2021 – 2023
- Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm từ 2021 – 2023

GIẢI THƯỞNG DO SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HOSE), SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX) TỔ CHỨC TRAO TẶNG

- Top 10 Báo cáo Thường niên tốt nhất – nhóm Vốn hóa lớn từ 2009 – 2018 và 2020 – 2023
- Top 10 Quản trị công ty tốt nhất 2023 – nhóm Vốn hóa lớn năm 2023

GIẢI THƯỞNG DO VIETSTOCK VÀ VAFE (CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘP CÁC NHÀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH VIỆT NAM) TRAO TẶNG

- Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin (IR Award) trong 4 năm liên tiếp từ 2020 – 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ EUROMONEY TRAO TẶNG

- "Nhóm dẫn đầu thị trường" năm 2022 & 2023

GIẢI THƯỞNG DO TẠP CHÍ GLOBAL BUSINESS OUTLOOK TRAO TẶNG

- Nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2023

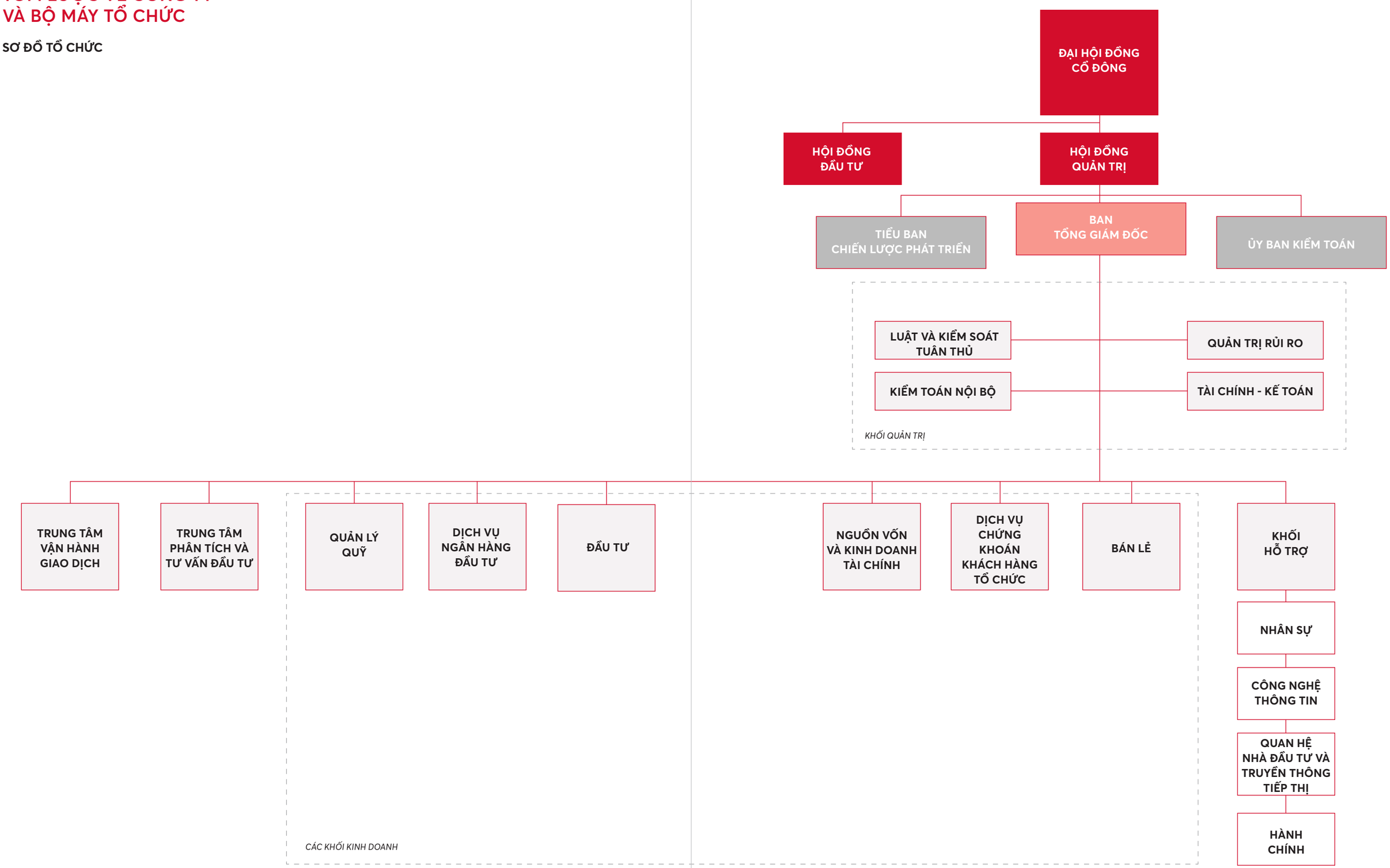
GIẢI THƯỞNG DO BÁO ĐẦU TƯ (VIR) TRAO TẶNG

- Doanh nghiệp và Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023
- Đơn vị Ngân hàng Đầu tư năm 2023



TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC *(TIẾP)*

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



ÔNG NGUYỄN HỒNG NAM

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH

Thành viên HĐQT

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.



ÔNG HIRONORI OKA

Thành viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.



ÔNG NGUYỄN QUỐC CƯỜNG

Thành viên HĐQT
Thành viên Uỷ ban Kiểm toán

Ông Cường là một chính khách nổi tiếng, một nhà ngoại giao kỳ cựu của Việt Nam. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay ông cũng là Cố vấn cao cấp tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, đồng thời là chuyên gia tư vấn Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ông Cường có bằng Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Hoa Kỳ.



ÔNG PHẠM VIẾT MUÔN

Thành viên HĐQT
Trưởng Uỷ ban Kiểm toán

Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Trước đó, ông nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ông Muôn có bằng Tiến sĩ Kinh tế.

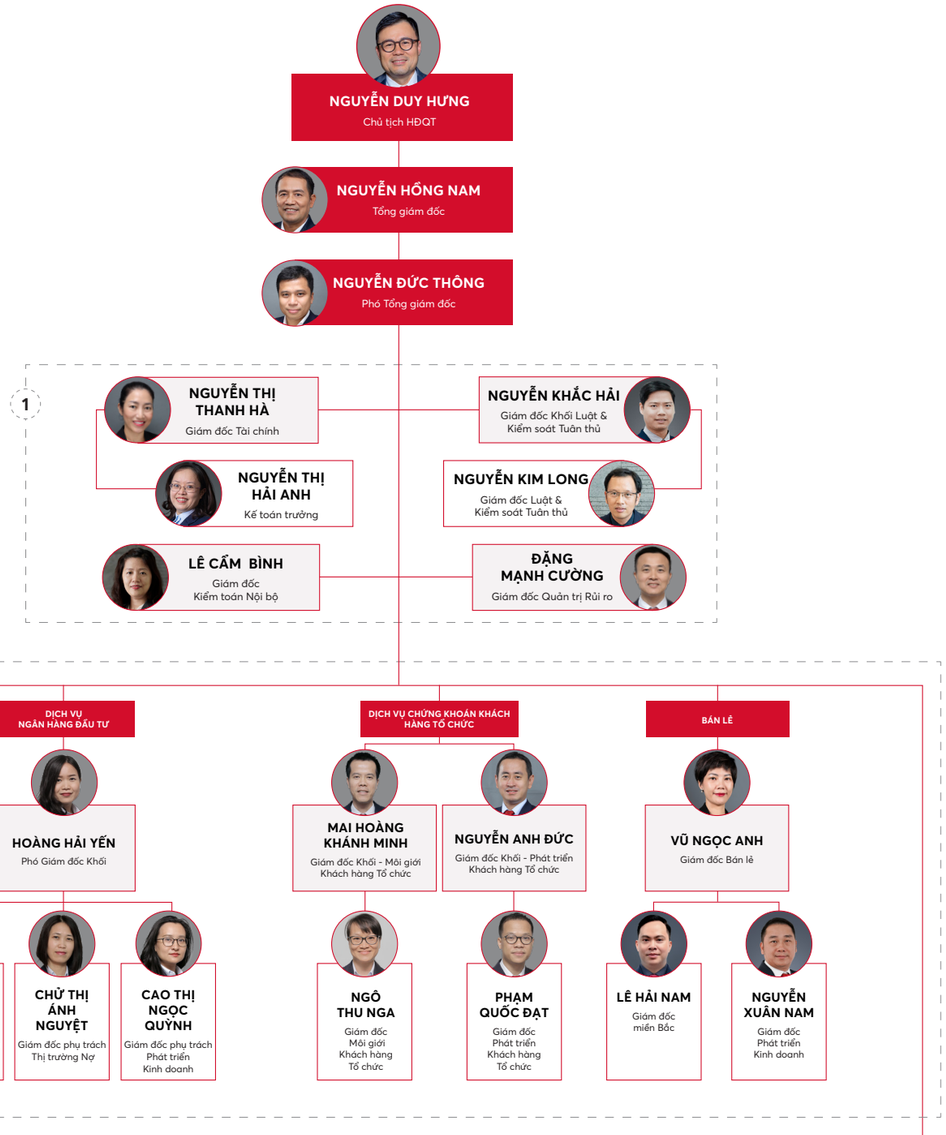
TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC*(TIẾP)*

CÁN BỘ CHỦ CHỐT

1 KHỐI QUẢN TRỊ

2 CÁC KHỐI KINH DOANH

3 KHỐI HỖ TRỢ

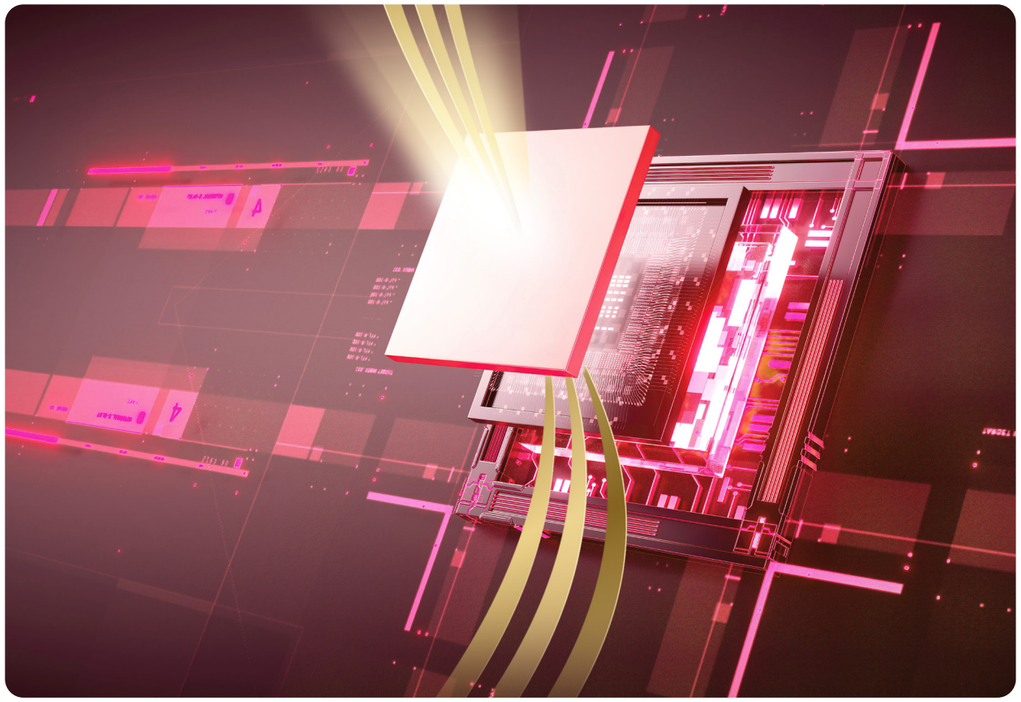


Thông tin cập nhật ngày 12/04/2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG 2023

MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH 2023

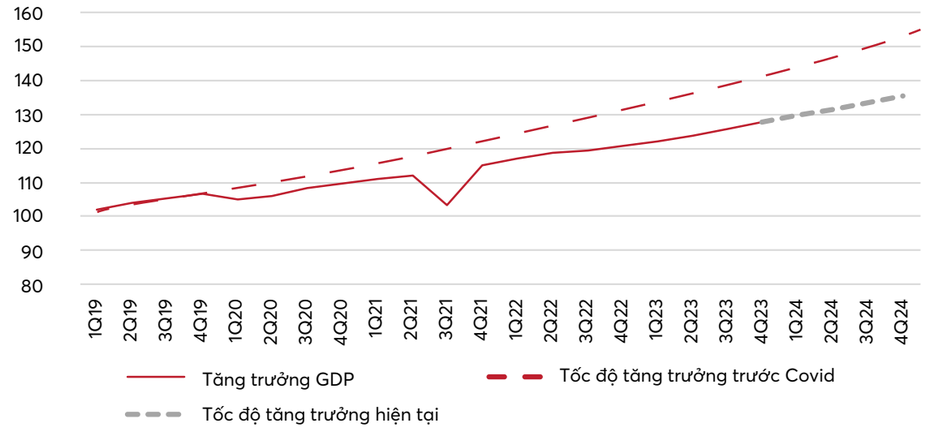
KINH TẾ VIỆT NAM 2023



Trong năm 2023, con đường phục hồi của các nền kinh tế lớn trên thế giới rất đa dạng, có thể là đồng hướng nhưng không đồng tốc.

Hoạt động sản xuất suy giảm, từ sản lượng công nghiệp đến vốn đầu tư và thương mại quốc tế, phản ánh tác động kết hợp của xu hướng thay đổi tiêu dùng sang dịch vụ từ sau đại dịch. Căng thẳng địa chính trị gia tăng, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao dẫn đến việc hầu hết các nước vẫn tiếp tục thực hiện thắt chặt tiền tệ. Kinh tế Việt Nam trong năm 2023 vẫn còn nhiều biến động. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) gần như đóng băng trong nửa đầu năm khi lượng TPDN phát hành của cả 6 tháng đầu năm chỉ đạt khoảng 43.000 tỷ VNĐ. Vụ án liên quan đến hệ sinh thái Vạn Thịnh Phát đã gây ra ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế của cả nước. Dù phải đương đầu với những cơn gió ngược từ cả bên trong và bên ngoài, kinh tế Việt Nam vẫn có tốc độ tăng trưởng ở mức khá, và ít nhất thì những thời khắc khó khăn nhất đã ở phía sau lưng.

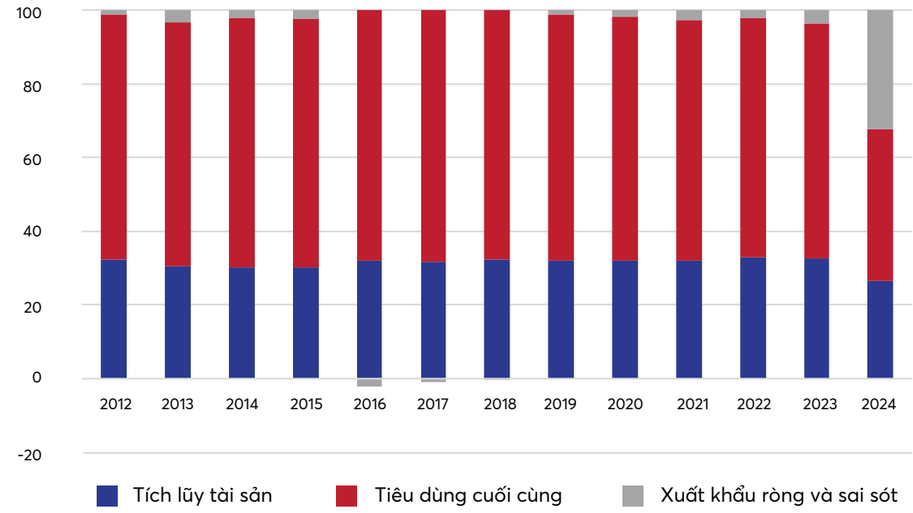
Tăng trưởng GDP (Quý 4 2018=100, điều chỉnh mùa vụ)



Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Tăng trưởng GDP ước đạt 5,05% so với cùng kỳ, với xu hướng quý sau cao hơn quý trước, trong đó ngành sản xuất chế biến chế tạo có chuyển biến tích cực hơn trong những tháng cuối năm. Hai động lực tăng trưởng lớn trong năm 2023 đến từ tiêu dùng và đầu tư. Bên cạnh đó, cán cân thương mại hàng hóa cũng xuất siêu lớn, khoảng 28 tỷ USD, đã đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, điểm trừ là tốc độ tăng trưởng GDP (sau khi đã điều chỉnh yếu tố mùa vụ) vẫn ở mức thấp hơn giai đoạn trước Covid-19 khi các động lực tăng trưởng truyền thống như chế biến chế tạo và tiêu dùng vẫn chưa thể phục hồi trở lại như trước khi đại dịch.

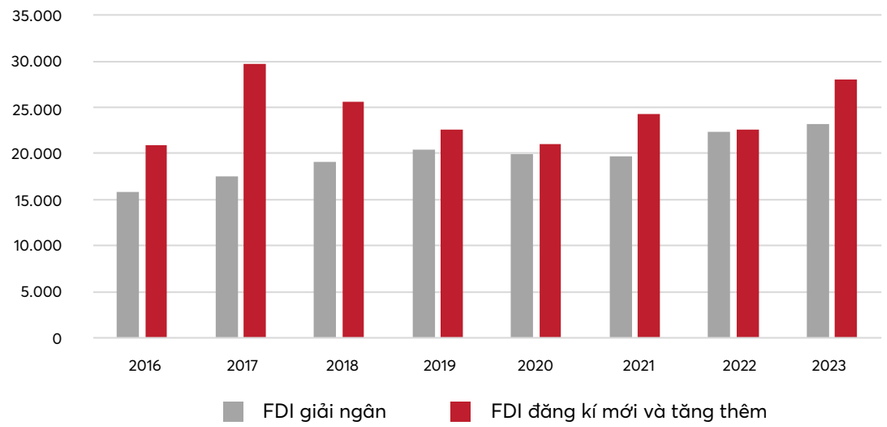
Cơ cấu tăng trưởng GDP theo năm (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

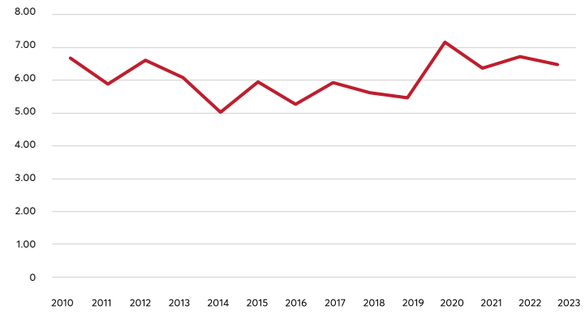
Về đầu tư, giải ngân vốn FDI trong năm 2023 là điểm sáng nổi bật, với mức tăng trưởng tốt, đạt 23,2 tỷ USD và tăng 3,5% so với cùng kỳ, nhờ việc Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng chuyển dịch sản xuất nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Các dự án giải ngân tập trung ở nhóm ngành chế biến chế tạo, với xu hướng là quy mô nhỏ hơn. Giải ngân đầu tư công cũng ghi nhận mức tăng 23% so với cùng kỳ, và đạt 93% kế hoạch Thủ tướng, trong đó có lượng lớn các dự án đã triển khai GPMB và đáp ứng tiến độ khởi công trong năm 2023.

FDI giải ngân và đăng ký (triệu USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch Đầu tư, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

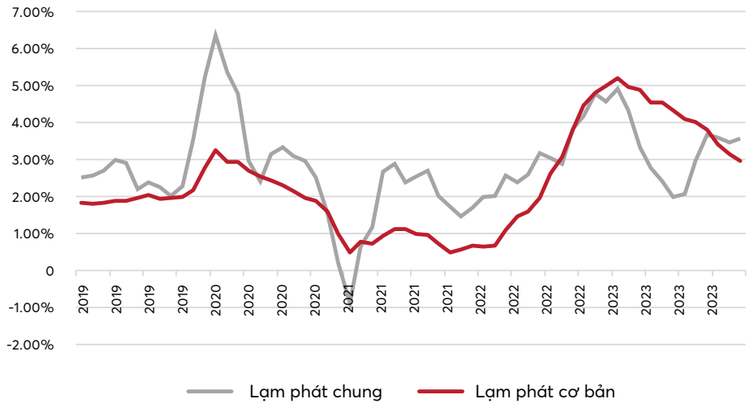
Vốn đầu tư công/GDP (%)



Nguồn: Bộ Tài chính, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Ổn định vĩ mô là một điểm sáng trong công tác điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Lạm phát bình quân của Việt Nam năm 2023 tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Lạm phát cơ bản tăng cao hơn (bình quân tăng 4,2%), tuy nhiên xu hướng hạ nhiệt đã được thấy rõ ràng hơn từ cuối Quý 2/2023.

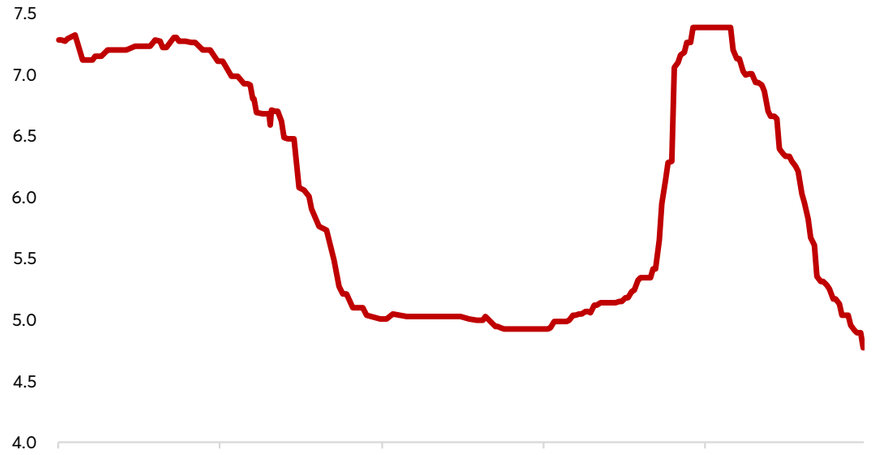
Chỉ số CPI tổng thể và cơ bản (% so với cùng kỳ)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Về phía chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm lãi suất điều hành 4 lần, duy trì thanh khoản dồi dào để hỗ trợ các tổ chức tín dụng (TCTD) giảm lãi suất cho vay và đưa mặt bằng lãi suất cho vay mới trở về mức trước dịch Covid-19, giảm khoảng hơn 2% so với cuối năm 2022.

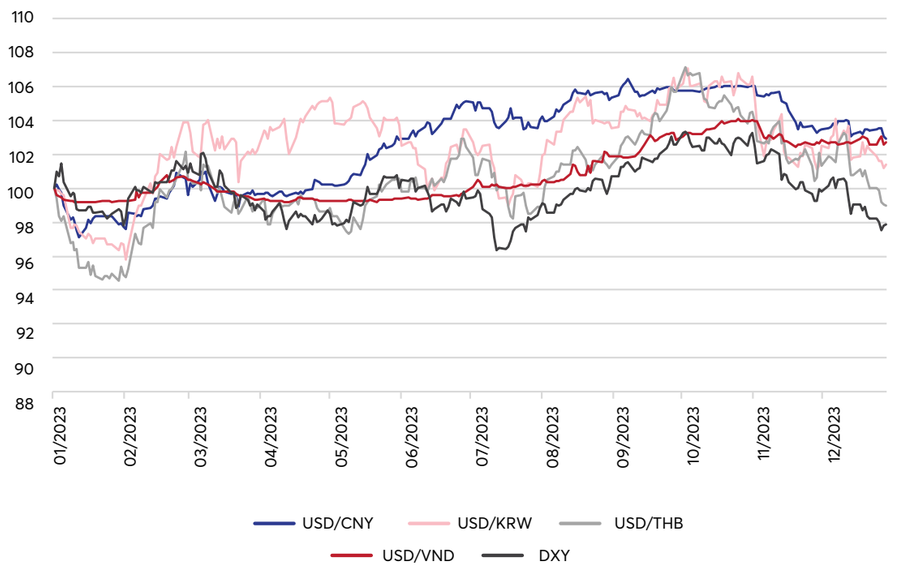
Lãi suất huy động 12 tháng dành cho khách hàng tổ chức (%)



Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Về phía tỷ giá, đồng VNĐ biến động mạnh trong Quý 2 và Quý 3 năm 2023, tương đồng với xu hướng quốc tế nhưng đã hạ nhiệt về cuối năm nhờ các yếu tố nền tảng vẫn duy trì. Tính chung trong năm 2023, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng đã tăng 2,6% so với cuối năm 2022, thấp hơn nhiều so với các đồng tiền trong khu vực. NHNN đã bổ sung được thêm 6 tỷ USD trong dự trữ ngoại hối.

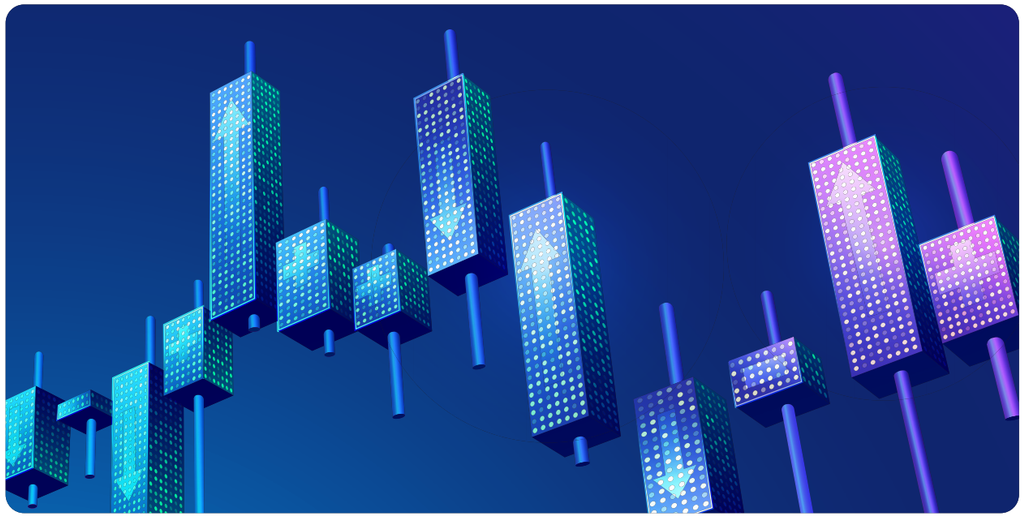
Biến động tỷ giá trong khu vực (2023=100)



Nguồn: Bloomberg, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH 2023

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2023



Thị trường chứng khoán (TTCK) diễn biến khá tốt trong năm 2023, chỉ số VN-Index tăng 12,2% so với cùng kỳ, so với mức giảm 32,78% năm 2022.

Sau bài học đắt giá trong năm 2022, năm 2023 nhìn chung được tiếp cận theo hướng cẩn trọng hơn, thanh khoản thu hẹp đáng kể trong bối cảnh lạm phát cao và chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu yếu do lo ngại nền kinh tế hạ cánh cứng kéo dài và dòng vốn nước ngoài chảy khỏi thị trường khi chính sách tiền tệ nới lỏng của Việt Nam bắt đầu phân kỳ với chính sách tiền tệ ngày càng thắt chặt ở thị trường các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Động lực chính giúp thị trường đạt kết quả tốt trong năm 2023 là nhờ các chính sách hỗ trợ chủ động, kịp thời của Chính phủ trong nỗ lực tháo gỡ khó khăn trên thị trường bất động sản và thị trường TPDN, đồng thời giảm lãi suất để tạo động lực tốt hơn cho niềm tin người tiêu dùng. Trong đó, bao gồm bốn lần giảm lãi suất điều hành, một lần giảm 2% thuế giá trị gia tăng (GTGT)) và các biện pháp mới hỗ trợ thị trường tín dụng. Chỉ số VN-Index từng đạt mốc 1.245,5 điểm (hồi phục 36,6% từ mức đáy vào tháng 11/2022), nhưng kết thúc năm quay trở lại mức 1.129,9 điểm (thấp hơn 26,1% so với mức đỉnh vào tháng 4/2022).

Thanh khoản ở mức thấp khoảng 500 triệu USD/ngày trong nửa đầu năm 2023, sau đó trở nên sôi động hơn vào nửa cuối năm ở mức 900 triệu USD/ngày, nhờ môi trường lãi suất thấp. Cả năm 2023, giá trị giao dịch trung bình đạt 720 triệu USD/ngày, giảm 17% so với cùng kỳ.

Năm 2023, TTCK đã trải qua bốn giai đoạn chính:

Giai đoạn 1 – Tích lũy (1/1/2023 – 1/6/2023): Trong giai đoạn này, Chính phủ thảo luận và ban hành nhiều chính sách mới nhằm tháo gỡ vướng mắc trên thị trường bất động sản và TPDN và hỗ trợ nền kinh tế quay lại quỹ đạo tăng trưởng.

Giai đoạn 2 – Bứt phá (2/6/2023 – 6/9/2023): Các chính sách hỗ trợ dần thẩm thấu và FED tạm dừng nâng lãi suất.

Giai đoạn 3 – Điều chỉnh trở lại (7/9/2023 – 31/10/2023): Dữ liệu kinh tế trong nước kém tích cực, biến động tăng của tỷ giá, NHNN hút tiền qua kênh tín phiếu cùng áp lực bán kỹ thuật từ nhóm cổ phiếu họ Vingroup.

Giai đoạn 4 – Hồi phục (1/11/2023 – 29/12/2023): Cân bằng trở lại sau giai đoạn quá bán trên nền định giá được chiết khấu hấp dẫn.

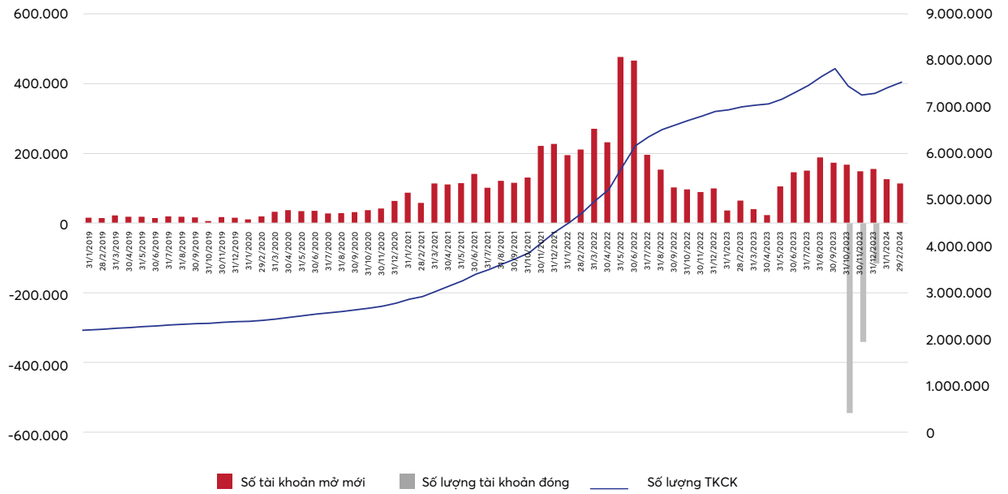
Tích lũy (01/01 – 01/06)	Bứt phá (02/06 – 06/09)	Điều chỉnh (07/09 – 31/10)	Hồi phục (01/11 – 29/12)
Đề xuất, thảo luận và ban hành chính sách	**Thẩm thấu chính sách**	**Phản ánh khó khăn từ nội tại**	**Cân bằng trở lại**
1. FED nâng lãi suất thêm 25bps	12. FED giữ nguyên lãi suất	16. Việt – Mỹ nâng cấp mối quan hệ đối tác toàn diện	19 & 20. FED tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong 2 kỳ họp tháng 11 và 12
2. NĐ 08: Cho phép kéo dài kỳ hạn TPDN	13. NHNN giảm lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn 50bps và giảm trần lãi suất huy động 25bps	17. NHNN phát hành tín phiếu để hấp thụ thanh khoản dư thừa trên thị trường liên ngân hàng	21. Kỳ họp Quốc hội
3. NQ 33: Tháo gỡ khó khăn trên thị trường BĐS	14. Giảm thuế GTGT 2%	15. TT 10/2023/TT – NHNN: Ngưng hiệu lực một số điều khoản thuộc TT39/2016/TT-NHNN	**Biến số trên thế giới**
4. SVB phá sản			18. Chiến tranh Hamas – Israel
5. Thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công			
6. NHNN giảm lãi suất tái chiết khấu 100bps			
7. FED nâng lãi suất thêm 25bps			
8. NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn và trần lãi suất huy động 50bps			
9. TT 02 & NĐ 03: Cơ cấu thời hạn trả nợ; Cho phép Ngân hàng mua lại TPDN			
10. FED nâng lãi suất thêm 25bps			
11. NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn và trần lãi suất huy động 50bps			



Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Trong năm 2023, TTCK tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Tính chung cả năm 2023, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tăng 385.700 tài khoản, đạt 7,2 triệu nhà đầu tư. Đáng chú ý, trong tháng 10 và tháng 11, thị trường đã ghi nhận sự sụt giảm về số tài khoản nhà đầu tư trong nước (giảm lần lượt 377.727 tài khoản trong tháng 10 và 192.801 trong tháng 11), chủ yếu do hoạt động rà soát, triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu nhà đầu tư.

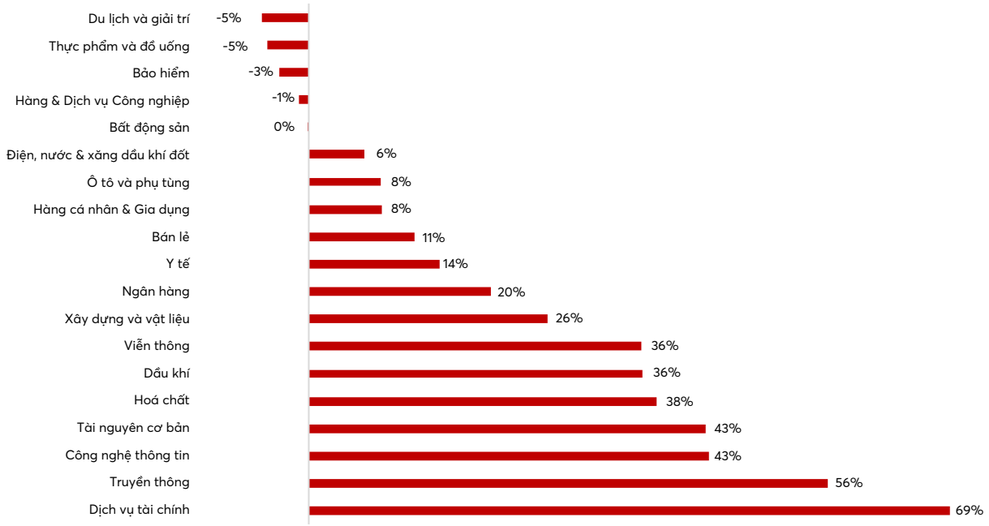
Số lượng tài khoản mở mới theo tháng



Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Về diễn biến ngành, ngành Dịch vụ tài chính (+69,4%), Tài nguyên cơ bản (+42,9%), Hóa chất (+37,6%), Dầu khí (+36%) cùng với nhóm Công nghệ thông tin (+43,2%) là các nhóm ngành diễn biến tích cực nhất trong năm 2023 khi tăng vượt trội trong giai đoạn đi ngang và bứt phá của thị trường cũng như đã hồi phục đáng kể từ nhịp chỉnh ngắn hạn trong năm. Dù hút tiền trở lại trong tháng cuối năm, nhưng các nhóm Bán lẻ (+11,4%), Thực phẩm đồ uống (-4,5%), Du lịch giải trí (-5,2%) vẫn kém sắc hơn mặt bằng chung giữa bối cảnh cầu tiêu dùng trầm lắng.

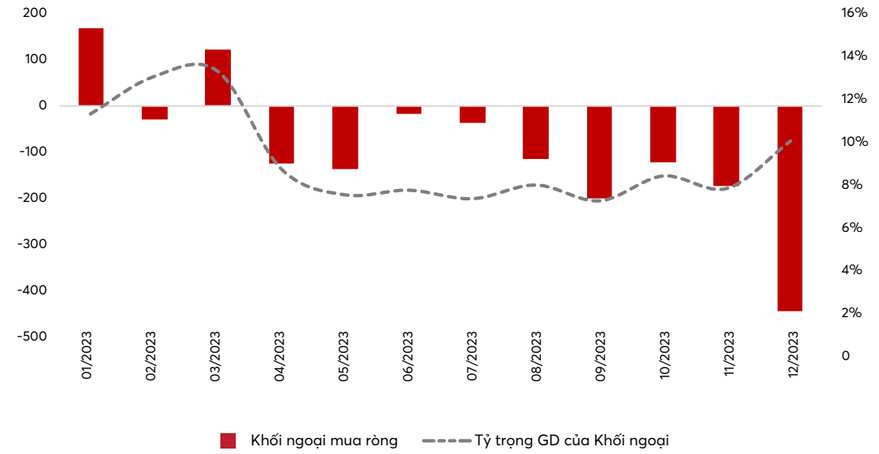
Diễn biến các ngành năm 2023



Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Dòng tiền nước ngoài đảo chiều sau kết quả nổi bật trong 2022 trong khi dòng tiền cá nhân ưa chuộng nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ.

Giao dịch ròng của Khối ngoại và Tỷ trọng



Nguồn Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Sau khi mua mạnh 1,24 tỷ USD vào năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài vẫn duy trì trạng thái tích cực trong Q1/2023. Tuy nhiên, bức tranh đảo chiều đáng kể kể từ Q2/2023 khi áp lực bán gia tăng về cuối năm. Tổng cộng, Nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng tổng cộng 940 triệu USD trong năm 2023 và phần lớn thanh toán xảy ra trong Quý 4.. Các quỹ ETF cũng đảo chiều rút ròng 65 triệu USD trong 2023, sau 6 năm liên tiếp mua ròng.

Trong bối cảnh đó, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ là lựa chọn của các nhà đầu tư cá nhân. Năm 2023, chỉ số VNMidcap và VNSmallcap tăng lần lượt +32,2% và +28,9% so với cùng kỳ (svck), so với mức tăng khiêm tốn +12,6% của VN30. Tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có thể do thị trường đã giảm sâu trong 2022 (VNMidcap -41,4% svck, VNSmallcap -51% svck, VN30 -34,5% svck). Ngoài ra, tỷ lệ nhà đầu tư cá nhân ở mức cao (92,2% tổng giá trị giao dịch) thúc đẩy nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ tăng trong giai đoạn thị trường tăng giá. Một số cổ phiếu blue chips có kết quả kém vượt trội do một số vấn đề riêng, đã tác động nhất định đến chỉ số VN30.

Theo ngành, Chứng khoán (+69,4% svck), Vật liệu (+42,9% svck), Hóa chất (+37,6% svck), Dầu khí (+36% svck) và CNTT (+43,2% svck) là những ngành tăng trưởng mạnh mẽ nhất.

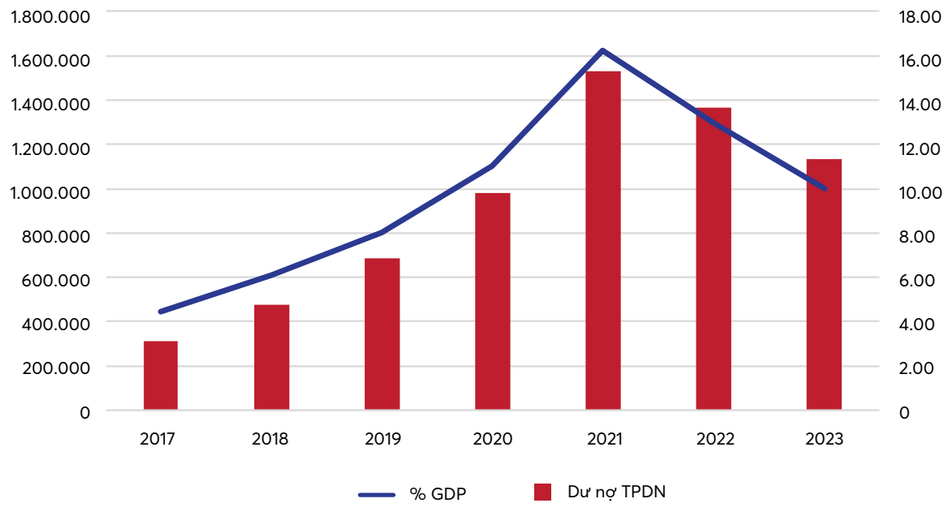
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2023

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP 2023

Trong năm 2023, thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam đã có một năm hạ cánh mềm sau giai đoạn khủng hoảng vào cuối năm 2022 nhờ những giải pháp hỗ trợ từ phía Chính phủ. Sự phục hồi trong giai đoạn đầu vẫn diễn ra khá chậm với tổng khối lượng phát hành riêng lẻ trong năm 2023 đạt gần 310 nghìn tỷ VNĐ, tăng 22% so với năm 2022. Đối với trái phiếu phát hành ra công chúng, tổng khối lượng phát hành đạt 37 nghìn tỷ VNĐ, trong đó có một giao dịch phát hành trái phiếu quốc tế từ Vingroup trị giá 250 triệu USD. Tính đến cuối năm 2023, tổng dư nợ trái phiếu/GDP đạt khoảng 11%. Nếu so với các quốc gia khác trong khu vực, dư nợ TPDN của Việt Nam vẫn ở mức thấp, so với Malaysia (54% GDP) hay Thái Lan (25,6% GDP).

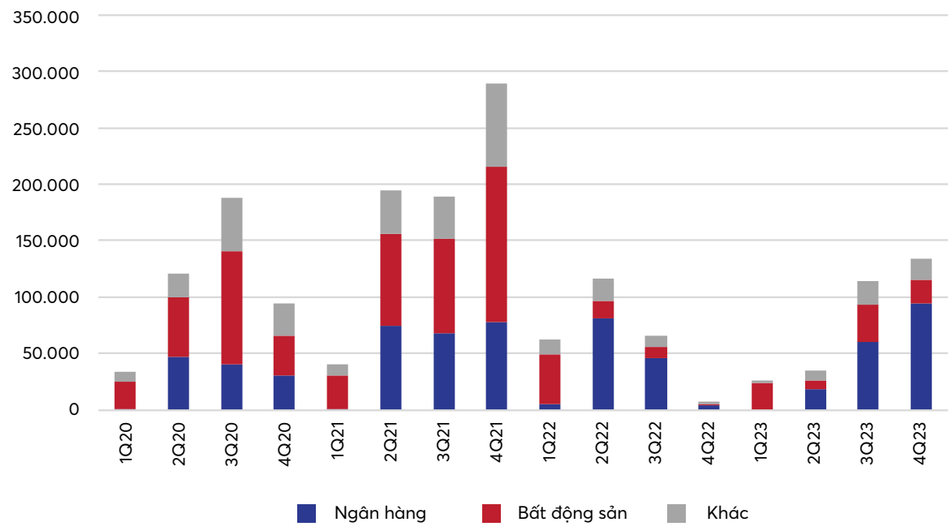
Mặc dù khối lượng phát hành trong năm 2023 chủ yếu đến từ các TCTD, với mức an toàn cao, tín hiệu tích cực đã bắt đầu xuất hiện ở một số doanh nghiệp sản xuất với nhu cầu huy động vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng hoạt động kinh doanh sản xuất, đặc biệt kể từ Quý 3 năm 2023. Một số giao dịch lớn đang chú ý trong năm 2023 đến từ giao dịch phát hành 8,68 nghìn tỷ VNĐ từ Thaco hay công ty khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (thuộc tập đoàn Masan) trị giá 3,6 tỷ VNĐ.

Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp và % GDP (tỷ đồng, %)



Nguồn: HNX, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quý (nghìn tỷ VNĐ)



Nguồn: HNX, Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Việc ban hành Nghị định số 08/2023/NĐ-CP đã tạo ra hành lang pháp lý phù hợp cho việc giãn, hoãn thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu giúp hoạt động phát hành trên thị trường TPDN sơ cấp tích cực hơn. Cùng với đó, việc đưa vào vận hành thị trường thứ cấp giúp tăng tính thanh khoản sẽ tăng thanh khoản đối với các sản phẩm TPDN, khi các nhà đầu tư chuyên nghiệp có thể dễ dàng đăng kí mua/bán TPDN trực tiếp thông qua các tổ chức lưu kí, và đồng thời cũng dễ dàng theo dõi biến động giá TPDN.

Các doanh nghiệp tích cực bố trí nguồn lực thanh toán trái phiếu đến hạn và đàm phán với các nhà đầu tư khi tái cơ cấu và gia hạn trái phiếu giảm áp lực trả nợ gốc và lãi trái phiếu. Theo đó, khối lượng mua lại TPDN trước hạn của năm 2023 đạt 239 nghìn tỷ VNĐ và có khoảng 174 nghìn tỷ VNĐ trái phiếu cơ cấu theo Nghị định 08.

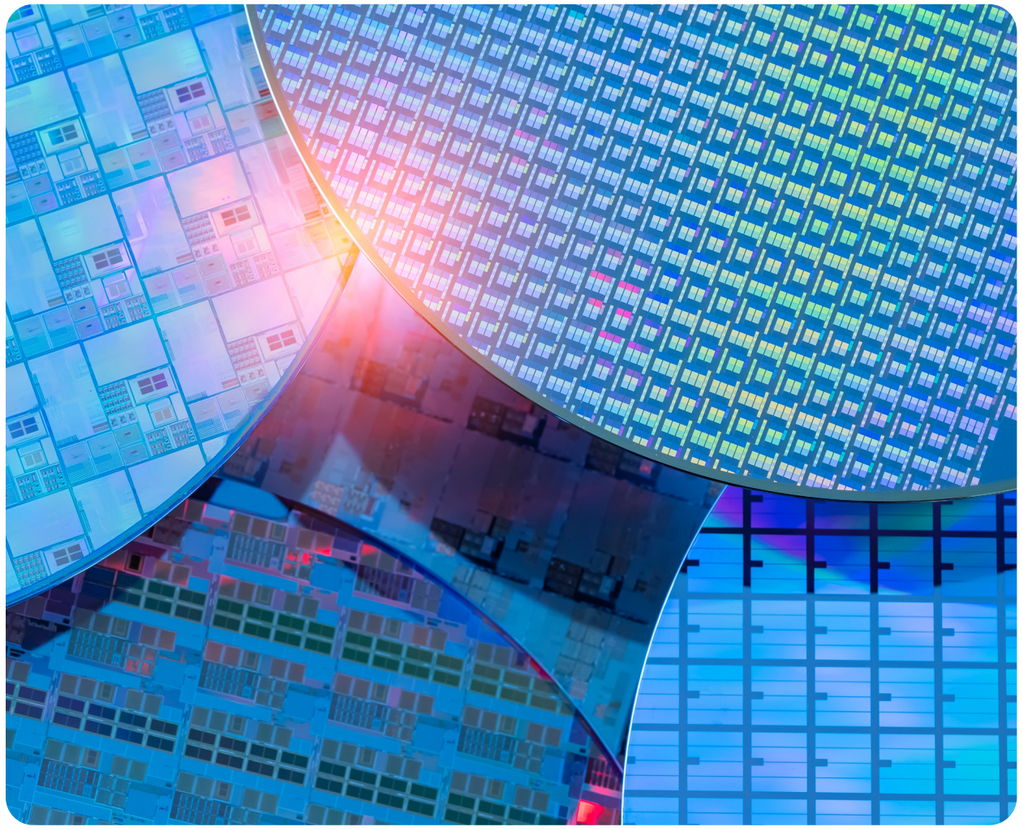
Khép lại năm 2023, nhờ nhưng nỗ lực của Chính phủ, thị trường TPDN đã đi qua những thời điểm khó khăn nhất và mở đường cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Tầm quan trọng của thị trường TPDN với vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn cũng đã được nhấn mạnh tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030, với kỳ vọng dư nợ TPDN tối thiểu đạt 20% GDP vào năm 2025 và 25% GDP vào năm 2030.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ
KINH DOANH 2023

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2023

CƠ CẤU TÀI SẢN

Trước những thách thức đến từ nền kinh tế, đặc biệt là từ TTCK, SSI đã phát huy tối đa những thế mạnh đến từ tiềm lực tài chính nội tại, cùng với sự nhạy bén, sát sao chỉ đạo từ Ban Điều hành để vượt qua các khó khăn và ghi nhận những kết quả khả quan. Năm 2023, Tổng tài sản đạt mức 69.241 tỷ VNĐ, ghi nhận mức tăng trưởng 32,6% so với năm 2022, giữ vững vị trí số 1 trong ngành Chứng khoán xét về quy mô tài sản. Trong năm, SSI thực hiện cơ cấu danh mục tài sản theo hướng tập trung vào các tài sản tài chính an toàn như tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và cổ phiếu đầu tư là tài sản phòng ngừa rủi ro (hedging) cho chứng quyền. Đây vừa là những tài sản tài chính sinh lời với thanh khoản tốt, vừa là công cụ để sử dụng đòn bẩy tài chính và hỗ trợ thanh khoản.

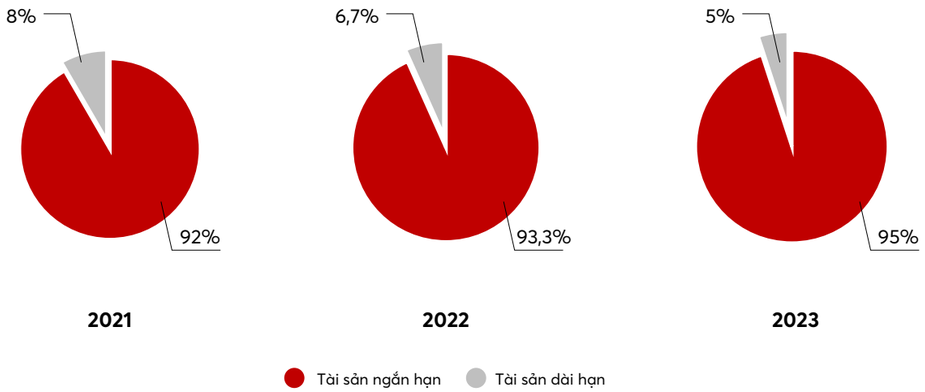


Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị: tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2021	2022	2023
Tài sản ngắn hạn	**46.540**	**48.732**	**65.755**
Tài sản tài chính ngắn hạn	46.464	48.622	65.659
Tiền và tương đương tiền	1.114	1.418	494
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	12.023	30.493	44.072
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.834	3.508	4.973
Các khoản cho vay	23.698	11.057	15.134
Các khoản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	272	382	416
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(62)	(37)	(33)
Tổng các khoản phải thu	1.586	1.801	603
Tài sản ngắn hạn khác	75	110	96
Tài sản dài hạn	**4.253**	**3.494**	**3.486**
Đầu tư vào các công ty liên kết	602	617	650
Đầu tư chứng khoán dài hạn	3.087	2.156	2.171
Tài sản cố định	189	282	269
Bất động sản đầu tư	233	265	236
Tài sản dở dang dài hạn	35	26	32
Tài sản dài hạn khác	107	148	127
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**50.793**	**52.226**	**69.241**
Nợ phải trả ngắn hạn	36.479	29.788	45.939
Vay ngắn hạn	31.121	27.892	43.169
Nợ phải trả ngắn hạn khác	5.358	1.896	2.770
Nợ phải trả dài hạn	94	54	61
Nợ phải trả dài hạn khác	94	54	61
Vốn chủ sở hữu	14.220	22.384	23.241
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**50.793**	**52.226**	**69.241**

Cơ cấu tài sản SSI từ năm 2021 – 2023



Tài sản ngắn hạn là nhân tố chủ đạo khi chiếm 95,0% cơ cấu Tổng tài sản, với giá trị đạt hơn 65.755 tỷ VNĐ, tăng 34,9% so với cùng kỳ. Trong đó, tiền và tương đương tiền ở mức gần 494 tỷ VNĐ, giảm 924 tỷ VNĐ so với thời điểm cuối năm 2022. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đem lại doanh thu tài chính cho SSI.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) tại thời điểm 31/12/2023 đạt mức 44.072 tỷ VNĐ, tăng mạnh 44,5% so với năm 2022. Đây cũng là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, 67,0%, trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Với việc chủ động nắm bắt và đánh giá thị trường, danh mục FVTPL được duy trì tập trung vào các nhóm tài sản an toàn, thanh khoản tốt và ít bị tác động bởi biến động thị trường. Cụ thể, danh mục cổ phiếu và chứng khoán/ chứng chỉ quỹ đã được mở rộng 60% so với cùng kỳ, ghi nhận số dư ở mức 1.751 tỷ VNĐ, được phân bổ tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành, tiềm năng sinh lời tốt và phù hợp với chiến lược đầu tư của SSI. Trong danh mục đầu tư cổ phiếu, có gần 494 tỷ VNĐ là phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro (hedging) cho sản phẩm chứng quyền mà Công ty phát hành. SSI được biết đến là một trong ba công ty hoạt động tích cực nhất trong hoạt động phát hành và tạo lập thị trường cho sản phẩm chứng quyền.

Danh mục trái phiếu thuộc nhóm FVTPL giảm nhẹ so với cùng kỳ, ghi nhận 12.330 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2023. Đây là kênh đầu tư an toàn và mang lại hiệu quả tốt khi SSI đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu ngân hàng lớn và có tín nhiệm tốt, thực hiện cam kết thanh toán đúng hạn. Bên cạnh đó, quy mô chứng chỉ tiền gửi tăng gấp 1,8 lần so với năm 2022, đạt 29.990 tỷ VNĐ. Đây là một kênh phân bổ vốn an toàn, đem lại lợi nhuận ổn định cho Công ty trên cơ sở tận dụng lợi thế của SSI về quy mô nguồn vốn cũng như các dự đoán chính xác về xu thế lãi suất.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận 416 tỷ VNĐ tại 31/12/2023, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2022. Danh mục AFS chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư tư nhân tại Công ty Cổ phần Pan Farm và ConCung. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) có số dư 4.973 tỷ VNĐ, bao gồm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của SSI.

Các khoản cho vay, bao gồm cho vay hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng, ghi nhận tại ngày 31/12/2023 là 15.134 tỷ VNĐ, chiếm 23,0% Tài sản ngắn hạn và tăng 36,9% so với số dư tại thời điểm cuối năm 2022. Nguyên nhân khoản mục này tăng là do thị trường đã có sự hồi phục đáng kể, thanh khoản tăng so với giai đoạn cuối năm 2022. Dư địa mở rộng việc cho vay ký quỹ luôn dồi dào khi SSI có sẵn nguồn vốn để tăng dư nợ margin lên mức tối đa cho phép và trong phạm vi khẩu vị rủi ro. Công ty luôn bám sát các xu hướng biến động và nhu cầu thị trường, sẵn sàng nguồn lực để phục vụ nhà đầu tư khi thị trường khởi sắc trở lại.

Đồng thời, hoạt động cho vay ký quỹ của SSI hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra, kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, Quản trị Rủi ro (QTRR) và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ (KTNB) cùng Kiểm soát Nội bộ (KSNB). Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện toàn diện, từ xây dựng hệ thống chấm điểm cổ phiếu được phép vay ký quỹ, xác định các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày, đến tuân thủ kỷ luật quản lý rủi ro khi phát sinh các khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Công tác quản lý rủi ro chặt chẽ vừa hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn, vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, tiếp tục một năm không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi.

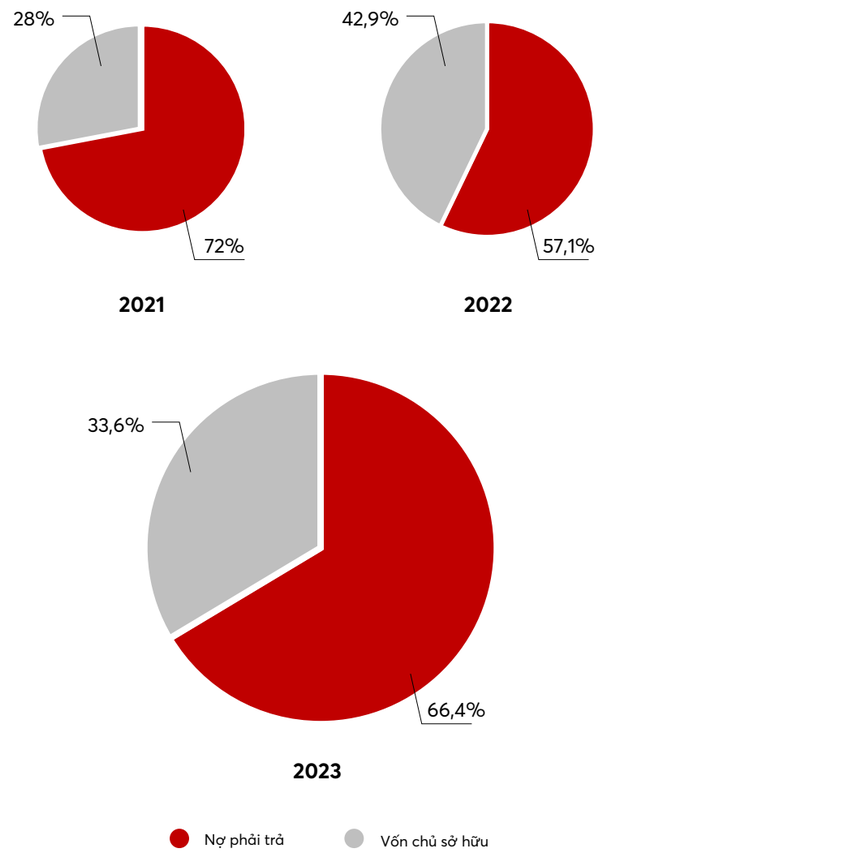
Tài sản dài hạn ghi nhận ở mức 3.486 tỷ VNĐ, chiếm 5,0% Tổng tài sản. Danh mục đầu tư bao gồm trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn có số dư 2.171 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, SSI vẫn trực tiếp nắm giữ 12,73% cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) và 20% cổ phần tại Quỹ Đầu Tư Công Nghệ Số Việt Nam (VDF). Đây là các công ty phù hợp với định hướng đầu tư dài hạn của SSI, do đó SSI sẽ tiếp tục đồng hành trên chặng đường phát triển của các đơn vị này.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Hoạt động Nguồn vốn đóng vai trò then chốt trong việc phân bổ hiệu quả nguồn lực, góp phần giúp SSI kinh doanh hiệu quả, đồng thời duy trì được một nền tảng tài sản an toàn và tăng trưởng bền vững qua các năm. Vốn chủ sở hữu của SSI tại ngày 31/12/2023 đạt mức 23.241 tỷ VNĐ, chiếm 33,6% Tổng nguồn vốn và tăng trưởng 3,8% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2023 đạt mức 15.011 tỷ VNĐ, tăng trưởng 0,7% so với cùng kỳ năm 2022, duy trì vị thế của SSI là công ty có vốn điều lệ lớn nhất trong số các công ty chứng khoán đang niêm yết trên thị trường. Việc sở hữu nền tảng Vốn chủ sở hữu dồi dào không chỉ giúp SSI đảm bảo tính bền vững trong hoạt động kinh doanh mà còn giúp Công ty nâng cao năng lực triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính tới khách hàng, đặc biệt là năng lực cho vay giao dịch ký quỹ và năng lực đầu tư, với chi phí hợp lý nhất.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 ghi nhận ở mức gần 46.000 tỷ VNĐ, chiếm 66,4% Tổng nguồn vốn. Bên cạnh việc sở hữu nền tảng Vốn chủ sở hữu vững mạnh, SSI luôn kết hợp sử dụng đòn bẩy tài chính để tối ưu chi phí sử dụng vốn. Số dư Vay ngắn hạn thời điểm cuối năm 2023 là 43.169 tỷ VNĐ. Các khoản vay này chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn, với số dư cuối năm là 43.119 tỷ VNĐ. Nhờ sở hữu nguồn Vốn chủ sở hữu đối ứng lớn cùng với uy tín, mối quan hệ lâu dài với các ngân hàng, SSI thực hiện việc tăng hạn mức với nhóm ngân hàng trong nước, đồng thời mở rộng thêm các khoản tín dụng mới thông qua việc hợp tác với nhóm các ngân hàng nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là nhóm các ngân hàng từ Hàn Quốc và Đài Loan. Khi tham gia vào thị trường vốn quốc tế, SSI cũng thực hiện mở vị thế vào các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn để phòng ngừa biến động lỗ tỷ giá, giảm thiểu tối đa tác động lên kết quả kinh doanh.

Cơ cấu nguồn vốn SSI giai đoạn 2021 – 2023



Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Kết quả kinh doanh	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	3.939	3.301	4.576	7.786	6.517	7.281
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ VNĐ)	1.567	1.099	1.552	3.252	2.100	2.846
Lợi nhuận khác (tỷ VNĐ)	56	7	5	113	10	1
Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)	1.623	1.106	1.558	3.365	2.110	2.849
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1.303	907	1.256	2.695	1.698	2.294
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	1.305	909	1.257	2.696	1.699	2.193

Bảng cân đối tài sản	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	23.826	27.044	35.770	50.793	52.226	69.241
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	5.101	5.101	6.029	9.848	14.911	15.011
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	499.834.406	591.654.887	600.489.827	880.992.801	1.187.083.380	1.497.494.833
Nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ VNĐ)	9.156	9.401	9.873	14.220	22.384	23.241

Cơ cấu tài sản	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	93,5%	82,4%	81,2%	91,6%	93,3%	95,0%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	6,5%	17,6%	18,8%	8,4%	6,7%	5,0%

Cơ cấu nguồn vốn	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	61,6%	65,2%	72,4%	72,0%	57,1%	66,4%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	38,4%	34,8%	27,6%	28,0%	42,9%	33,6%

Tỷ suất lợi nhuận	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,5%	3,4%	3,5%	5,3%	3,25%	3,21%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	14,3%	9,7%	12,8%	19,0%	7,6%	9,87%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	25,5%	17,8%	20,8%	27,4%	11,39%	15,28%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	33,1%	27,5%	27,4%	34,6%	26,05%	31,51%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	2.428	1.430	1.955	2.852	1.389	1.531

Khả năng thanh toán	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,65	1,36	1,12	1,28	1,64	1,43
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	1,65	1,35	1,11	1,23	1,57	1,42

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

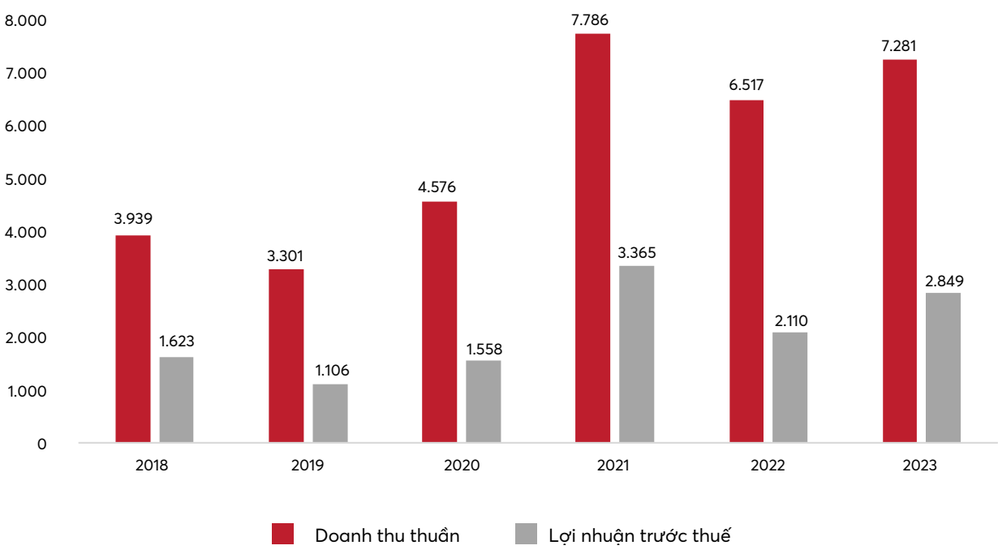
BÁO CÁO
KẾT QUẢ
KINH DOANH 2023

KẾT QUẢ KINH DOANH 2023

Sự biến động của thị trường và thanh khoản đã có những ảnh hưởng tới hoạt động của các công ty chứng khoán. Với tâm thế đón nhận thách thức, Ban Điều hành đã sát sao chỉ đạo, nắm bắt từng nhịp chuyển động của thị trường để biến các khó khăn thành cơ hội. Kết thúc năm 2023, Doanh thu thuần đạt hơn 7.281 tỷ VNĐ và Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt xấp xỉ 2.849 tỷ VNĐ, lần lượt vượt 5,3% và 12,2% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hoạt động kinh doanh duy trì được sự ổn định và hiệu quả nhờ đóng góp của tất cả các mảng kinh doanh, bao gồm: Dịch vụ Chứng khoán (DVCK), Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, và Quản lý Quỹ; đồng thời ghi nhận những chỉ đạo đúng đắn của Ban Lãnh đạo cùng sự hiệp lực, đồng lòng vượt qua khó khăn của toàn thể nhân viên Công ty.

Trong năm 2023, Công ty đã có sự thay đổi trong Ban Điều hành. Cụ thể, bà Nguyễn Thị Hải Anh đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng của công ty thay cho bà Hoàng Thị Minh Thuỷ, quyết định bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 14/08/2023. Bên cạnh đó, các lĩnh vực kinh doanh đều tích cực kiện toàn, tối ưu bộ máy hoạt động và quy trình vận hành để đem lại hiệu quả cao nhất trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

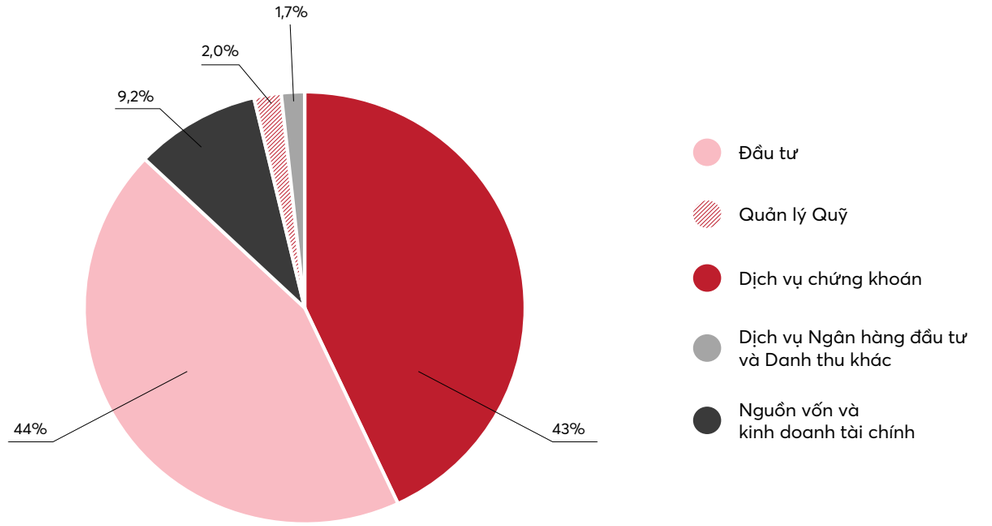
Kết quả kinh doanh SSI giai đoạn 2018 – 2023 (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

Trong đó, Doanh thu đến từ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là DVCK, Đầu tư, Quản lý quỹ, Ngân hàng đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính.

Cơ cấu doanh thu 2023



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

Cụ thể, năm 2023 DVCK SSI đạt doanh thu ở mức hơn 3.133 tỷ VNĐ, đóng góp 43,0% vào Tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới, lưu ký và tư vấn đầu tư đạt xấp xỉ 1.565 tỷ VNĐ, đóng góp 21,5% của Tổng doanh thu. Doanh thu đến từ hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu đạt hơn 1.568 tỷ VNĐ, chiếm 21,5% Tổng doanh thu. SSI cũng ghi nhận những nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư, kết nối giao dịch hiệu quả, phát triển các sản phẩm mới và tính năng mới trên nền tảng giao dịch, mở rộng tập khách hàng đại chúng, phủ rộng mạng lưới chi nhánh và nhân viên môi giới, đáp ứng nhu cầu khác nhau của từng phân khúc khách hàng.

Hoạt động Đầu tư mang lại doanh thu lớn nhất cho Công ty với 3.206 tỷ VNĐ, chiếm 44,0% Tổng doanh thu. Danh mục giao dịch thường xuyên tiếp tục tập trung vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, đồng thời có thanh khoản lớn, có triển vọng tăng trưởng và minh bạch nhằm hạn chế rủi ro khi thị trường biến động mạnh. Ngoài ra, Công ty cũng giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Với kết quả doanh thu đạt được hơn 672 tỷ VNĐ, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp doanh thu lớn thứ ba của Công ty với tỉ lệ 9,2%. Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc quản lý hiệu quả dòng vốn của Công ty và khách hàng, đảm bảo khả năng thanh khoản trong mọi thời điểm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về thanh khoản cho hoạt động của Công ty và đảm bảo dòng vốn được phân bổ vào những kênh đầu tư an toàn, đem lại hiệu quả cao.

Mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư ghi nhận một năm vượt qua khó khăn khi đạt được doanh thu ở mức xấp xỉ 76 tỷ VNĐ. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã thực hiện triển khai các thương vụ lớn trên thị trường với chất lượng tư vấn cao và tích cực bám sát, hỗ trợ doanh nghiệp. Đồng thời, SSI cũng thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và có những bước điều chỉnh, cải tiến cơ cấu nhân sự phù hợp với tình hình mới cho mảng này, nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu của một nhà tư vấn tài chính uy tín và linh hoạt đáp ứng tính biến động của thị trường trong bối cảnh đầy thử thách.

Doanh thu khác ghi nhận ở mức 50 tỷ VNĐ, gồm doanh thu của các công ty con là Công ty Quốc tế SSI và Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI.

Hoạt động Quản lý Quỹ và Danh mục đầu tư đóng góp gần 146 tỷ VNĐ vào Tổng doanh thu, tương ứng với tỷ trọng 2,0%. SSIAM tích cực tìm kiếm nhà đầu tư, đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm, phát triển các sản phẩm mới như sản phẩm Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện nhằm mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm cho khách hàng.

Chi tiết báo cáo hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh được trình bày dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Trước những thách thức từ TTCK trong năm 2023, doanh thu và lợi nhuận của mảng Dịch vụ Chứng Khoán SSI cũng chịu ảnh không nhỏ từ xu thế thị trường.

Tuy nhiên, bằng sự chủ động trong công tác điều hành và nhanh nhạy trong việc nắm bắt tình hình thị trường, mảng DVCK SSI đã được những thành tích đáng ghi nhận. Doanh thu Khối DVCK đạt 3.133 tỷ VNĐ và lợi nhuận trước thuế đạt gần 989 tỷ VNĐ. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới, lưu ký và tư vấn đầu tư đạt xấp xỉ 1.565 tỷ VNĐ; doanh thu đến từ hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu đạt hơn 1.568 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, thị phần môi giới cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của SSI trong năm 2023 tiếp tục duy trì trong nhóm ba công ty có thị phần môi giới lớn nhất, đạt 10,44% trên sàn HOSE và 7,73% trên sàn HNX.

THỊ PHẦN TRÊN **HOSE** 10,44%

THỊ PHẦN TRÊN **HNX** 7,73%



KHỐI BÁN LẺ

Về kết quả kinh doanh năm 2023, thị phần môi giới của Bán lẻ sàn HOSE trong năm 2023 đạt 8.66%, tiếp tục tăng trưởng so với năm trước đó, góp phần đưa SSI duy trì vị trí Top 2 công ty có thị phần môi giới lớn nhất trên sàn HOSE. Dư nợ cho vay ký quỹ của Bán lẻ có sự tăng trưởng qua các tháng, dư nợ cho vay ký quỹ cuối năm 2023 đạt gần 15 nghìn tỷ VNĐ.

Năm 2023, Khối Bán lẻ đã đặt ra những mục tiêu thách thức làm tiền đề cho chuỗi các hoạt động liên tục và mạnh mẽ trong năm 2023, cụ thể:



- **Quý 1/2023**: Xây dựng phương án thành lập Khối Bán lẻ với sự hợp nhất 3 khối kinh doanh: "Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân, Dịch vụ Trực tuyến và Dịch vụ Quản lý Tài sản", cũng như thực hiện tinh gọn bộ máy hoạt động và kiện toàn nhân sự.



- **Quý 2/2023:** Xây dựng và triển khai chương trình thúc đẩy giao dịch thông qua miễn phí giao dịch dành cho khách hàng mới và khách hàng ngừng giao dịch. Chương trình Mega Campaign không chỉ là một "hơi thở mới" của SSI khi sẵn sàng chia sẻ lợi ích với khách hàng, miễn hoàn toàn phí giao dịch, mà còn có tác động tích cực đến tăng trưởng về số lượng khách hàng mới, số lượng khách hàng quay trở lại giao dịch và đóng góp vào tăng trưởng thị phần.



- **Quý 3/2023:** Xây dựng và triển khai chương trình thúc đẩy giao dịch thông qua ưu đãi lãi suất cho vay ký quỹ – "Xúc Margin – Hoàn lãi ting ting" và "M9 – Sức mạnh Margin". Hai chương trình này đã có nhiều kết quả ấn tượng về tăng trưởng số lượng khách hàng có phát sinh dư nợ vay ký quỹ mới cũng như dư nợ ký quỹ tăng thêm.



- **Quý 4/2023:** Ra mắt ứng dụng giao dịch mới iBoard Pro với giao diện hoàn toàn mới, mang tới nhiều tính năng mới vượt trội như: tính năng cá nhân hóa giao diện người dùng, tính năng giao dịch giả lập "Paper Trading" và tính năng khuyến nghị đầu tư Broker Hub. Cuối năm 2023, sản phẩm đầu tư theo danh mục mẫu iFollow đã ra mắt, mang đến một giải pháp đầu tư mới cho khách hàng bận rộn.

Cùng với đó, chính sách đặc quyền hội viên SSI WOWTER lần đầu tiên xuất hiện trên TTCK Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của khách hàng VIP về đặc quyền thiết kế chuyên biệt. Khối Bán lẻ đã triển khai thành công 4 Hội thảo Big Talk tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, với sự tham gia của các diễn giả nổi tiếng và hàng trăm khách mời, thu hút được sự quan tâm của thị trường.

Về hoạt động phát triển hệ thống, việc nâng cấp hệ thống giao dịch và hệ thống bảo mật thông tin khách hàng được chú trọng đầu tư mạnh mẽ nhằm gia tăng năng lực, tốc độ xử lý, đảm bảo các giao dịch trực tuyến của khách hàng thực hiện nhanh chóng và an toàn.

Tất cả những hoạt động trên đều được triển khai liên tục nhằm mục đích tăng thêm công cụ, giải pháp, trải nghiệm và góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho khách hàng.

KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Nhà đầu tư nước ngoài không giữ được vị thế mua ròng như trong năm 2022 mà thực hiện bán ròng khá mạnh với giá trị lên tới gần 1 tỷ USD trong năm 2023. Việc bán ròng diễn ra liên tục xuyên suốt cả năm 2023 với nhiều lý do chủ quan và khách quan, bao gồm (1) lãi suất tại các thị trường phát triển bao gồm Mỹ được duy trì ở mức cao, dẫn tới xu hướng rút tiền tại các thị trường mới nổi và cận biên, (2) Thị trường Trung Quốc giảm mạnh gây ảnh hưởng tiêu cực tới các thị trường xung quanh, bao gồm các thị trường Đông Nam Á và Việt Nam, (3) Nhà đầu tư nước ngoài lo ngại về một số vấn đề mà Việt Nam đang gặp phải như sự đóng băng của thị trường bất động sản, rủi ro nợ xấu và TPDN, tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế, suy giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, v.v... Xu hướng bán ròng diễn ra đặc biệt mạnh vào những tháng cuối năm khi các quỹ thực hiện cơ cấu, chuyển đổi danh mục cho năm tài chính tiếp theo cũng như những thay đổi về quy định thuế đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan. Điều này đã ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn của các quỹ Thái Lan đang đầu tư vào Việt Nam và đến thị trường nói chung.

Ở góc độ kinh doanh, cạnh tranh trong mảng môi giới tổ chức nước ngoài đang trở nên mạnh mẽ hơn do sự xuất hiện và cạnh tranh khá mạnh từ các đối thủ cạnh tranh mới bên cạnh các công ty chứng khoán lớn vốn có thế mạnh về mảng kinh doanh này. Các đối thủ mới này tập trung chủ yếu ở 2 nhóm đối tượng:

- Các công ty chứng khoán nước ngoài lớn mới gia nhập vào Việt Nam (chủ yếu tới từ các nước Châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, v.v…): tận dụng lợi thế có kênh bán hàng và quan hệ mạnh với các nhà đầu tư trong khu vực, từ đó lấy được thị phần giao dịch nhất định từ các quỹ đầu tư tới từ các quốc gia này và các nhà đầu tư mà công ty chứng khoán mẹ có lợi thế.

- Các công ty chứng khoán vừa và nhỏ tại Việt Nam mở rộng hoạt động môi giới sang đối tượng nhà đầu tư nước ngoài để giúp tăng cường thị phần. Các công ty này chủ yếu tập trung cung cấp vào một vài dịch vụ mà họ có thế mạnh hoặc tập trung đẩy mạnh chiến lược giảm phí để thu hút giao dịch từ khách hàng nước ngoài để bù đắp lại cho sự thiếu hụt về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình.

Trong bối cảnh thị trường có khá nhiều khó khăn và biến động lớn như trên, bộ phận DVCK KHTC của SSI vẫn chủ động phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của toàn bộ phận, từ đó phát huy khả năng cạnh tranh cao nhất của mình. Bộ phận đã thực hiện quyết liệt một loạt các giải pháp để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và nâng cao vị thế là một trong số các công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực môi giới tổ chức nước ngoài, bao gồm:

- **Đối với nhóm Khách hàng hiện hữu:**

  - Đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, tính thời sự, kịp thời của các sản phẩm cốt lõi. Các dịch vụ chính như phân tích và tư vấn đầu tư, tiếp cận doanh nghiệp, cập nhật thị trường, khuyến nghị đầu tư, v.v…đã được thực hiện triệt để, từ đó nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng;

  - Cải thiện chiều sâu trong xây dựng mối quan hệ với khách hàng, đặc biệt là các khách hàng lớn mang lại phần lớn giá trị giao dịch cho Bộ phận;

  - Hoàn thiện trình độ và kỹ năng của đội ngũ nhân viên, từ đó cung cấp đa dạng hơn các sản phẩm mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về thông tin và đầu tư của khách hàng;

  - Phối hợp hiệu quả với các bộ phận khác của SSI để cung cấp hệ thống sản phẩm xuyên suốt và đa dạng nhất cho khách hàng.





- **Đối với việc phát triển khách hàng mới, khối tập trung vào cả 2 chiến lược chính bao gồm:**

  - **Đối với việc phát triển khách hàng trực tiếp (direct fund)**: khối tích cực phát triển mạng lưới khách hàng tại các khu vực có mức độ quan tâm cao tới thị trường Việt Nam như Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan, Châu Âu, v.v… và đã mở được khá nhiều tài khoản mới cũng như giao dịch tốt với các quỹ đầu tư lớn tới từ các khu vực này trong năm 2023.

  - **Đối với việc phát triển mạng lưới đối tác (prime broker):** Khối đã đẩy mạnh việc phát huy hiệu quả mối quan hệ với đối tác từ Mỹ mới thiết lập từ cuối năm 2021 và tìm kiếm các đối tác mới tại các khu vực thị trường mà SSI chưa có thế mạnh. Theo đó, trong năm 2023 vừa qua Khối đã ký kết thành công với 2 đối tác lớn trong khu vực và tiếp cận cũng như đàm phán hiệu quả với một số đối tác lớn khác để tiến tới việc ký kết thỏa thuận hợp tác trong thời gian ngắn sắp tới. Các đối tác này đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu, chăm sóc khách hàng, và việc triển khai các sản phẩm mới như quỹ chỉ số ETF và Pnote dành cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Chính vì thế, trong năm 2023 nhóm khách hàng quỹ chỉ số và khách hàng giao dịch qua các đối tác quốc tế của khối đã tăng trưởng tích cực về giá trị giao dịch trong bối cảnh suy giảm chung của khối ngoại, trong đó riêng nhóm khách quỹ chỉ số đã có đạt tăng trưởng kép về giá trị giao dịch và số lượng ETF mới.





CÁC GIẢI THƯỞNG/ THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG NĂM

Các bộ phận chính của Khối như Phát triển khách hàng, Giao dịch, và Quan hệ doanh nghiệp (Corporate Access) trong nhiều năm giành áp đảo các hạng mục liên quan tại các giải thưởng danh giá do chính khách hàng bình chọn; qua đó đề cao hình ảnh SSI trong mắt nhà đầu tư quốc tế. Một số giải thưởng chính mà bộ phận đã đạt được trong năm 2023 bao gồm:

Tên giải thưởng	Tổ chức trao tặng
Công ty thực hiện lệnh tốt nhất Việt Nam	Asiamoney
Nhà môi giới nội địa tốt nhất Việt Nam	Asiamoney
Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới	Asiamoney
Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư	Asiamoney
Môi giới giao dịch chứng khoán tốt nhất	Asiamoney
Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam	Finance Asia
Nhà tư vấn cổ phiếu tốt nhất Việt Nam	Alpha Southeast Asia

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

TẬN DỤNG NGUỒN VỐN GIÁ RẺ ĐỂ TĂNG QUY MÔ DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tâm điểm của thị trường vốn trong năm 2023 là câu chuyện tăng trưởng tín dụng thấp đi cùng với thanh khoản dư thừa. Tính tới cuối tháng 11/2023, tăng trưởng tín dụng của toàn ngành Ngân hàng mới chỉ đạt 9,15% nhưng tới cuối năm 2023 con số này đã tăng lên tới 13,71%. Như vậy, chỉ tính riêng trong tháng 12, tín dụng tăng gần 4,6%, cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình 11 tháng đầu năm là 0,83%. Trong giai đoạn này, SSI đã nhạy bén, nhanh chóng tận dung cơ hội các ngân hàng đẩy mạnh giải ngân trong tháng cuối năm để lấy các nguồn vay lãi suất ưu đãi nhằm tối ưu chi phí vốn đồng thời tăng cường nguồn lực về tài chính cho các kế hoạch mở rộng danh mục đầu tư giấy tờ có giá trong năm tới.

Do cầu tín dụng yếu và chịu sự chỉ đạo của Chính phủ, hệ thống ngân hàng đã liên tục cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế. Nhờ dự doán đúng xu hướng trên, SSI đã tận dụng tối đa môi trường lãi suất thấp để tối ưu chi phí vốn của Công ty, đồng thời mở rộng quy mô danh mục đầu tư tài sản tài chính. Về mảng huy động vốn, SSI tiếp tục duy trì và mở rộng các hạn mức tín dụng sẵn có, trong đó tập trung tiếp cận các định chế tài chính trong nước để tận dụng nguồn vốn giá rẻ. Lợi thế về vốn đã giúp SSI đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện để cung cấp các sản phẩm tài chính đa dạng với chi phí hợp lý cho khách hàng. Về mảng đầu tư giấy tờ có giá, quy mô danh mục đầu tư giấy tờ có giá tại thời điểm cuối năm 2023 tăng 44% so với cùng kỳ năm trước. SSI tiếp tục phân bổ vào nhóm tài sản thanh khoản cao như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu của các TCTD lớn như BIDV, Vietinbank, Viecombank, Agribank, v.v… Phần lớn tài sản được đầu tư trong giai đoạn nửa đầu năm với mức lãi suất cao, khoảng 8% – 10%/năm, tạo nên tỷ suất lợi nhuận lãi thuần ấn tượng và đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Năm 2023, SSI đạt mức đỉnh cao lịch sử về tổng tài sản: 69.241 tỷ VNĐ tương đương tăng trưởng 32,5% so với 2022.

MỞ RỘNG DANH MỤC TRÁI PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Thị trường Trái phiếu tương đối trầm lắng trong năm 2023 theo cả số lượng phát hành mới và khối lượng mua lại trước hạn do tác động tiêu cực từ các sự kiện tiêu cực trong năm 2022. Năm 2023 tổng khối lượng trái phiếu phát hành đạt 347 nghìn tỷ VNĐ, tỷ trọng trái phiếu phát hành ra công chúng chiếm 10,6% tổng khối lượng phát hành. khối lượng mua lại trước hạn đạt 230,2 nghìn tỷ VNĐ, tăng 5,8% so với năm 2022. . SSI đã tận dụng cơ hội này để mở rộng danh mục, đặc biệt đầu tư ngắn hạn các trái phiếu của tổ chức phát hành có kết quả kinh doanh và dòng tiền khả quan để thu về biên lợi nhuận tốt trong năm 2023.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tại thị trường trong nước, doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh kinh tế nhiều trở ngại. Tăng trưởng xuất, nhập khẩu nhìn chung giảm, giải ngân vốn đầu tư công có chuyển biến tăng cả về tổng giá trị và tỷ lệ giải ngân nhưng vẫn chậm so với chủ trương. Nền kinh tế chủ yếu dựa vào vốn tín dụng ngân hàng nhưng hệ thống ngân hàng cũng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro về nợ xấu.

Trong bối cảnh đó, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI đã liên tục đồng hành cùng các khách hàng qua các diễn biến của thị trường, cung cấp kịp thời những phân tích thấu đáo đồng thời tư vấn sản phẩm phù hợp cho doanh nghiệp. Bộ phận cũng đã có những bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, cơ cấu lại nhân sự phù hợp với tình hình mới, giữ vững sự linh hoạt để đáp ứng tính biến động của thị trường, phục vụ tốt nhất khách hàng và giữ vững vị trí dẫn đầu của một nhà tư vấn tài chính uy tín.

Trong năm 2023, SSI đã nỗ lực hoàn tất tư vấn các thương vụ thu xếp vốn trong đó tiêu biểu là:

THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN (ECM)

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Petrolimex thoái vốn thành công tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) thông qua đấu giá ra công chúng. Thương vụ thoái vốn trị giá gần 110 triệu USD mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cũng như đánh dấu bước ngoặt trong chặng đường phát triển của Ngân hàng PG Bank.

THƯƠNG VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ (DCM)

Ảnh hưởng bởi những diễn biến tiêu cực trong thị trường bất động sản, thị trường nợ, đặc biệt là trái phiếu riêng lẻ đã có xu hướng chậm lại tại nửa đầu năm 2023. Nửa sau năm 2023, sau khi Nghị định số 08/2023/NĐ-CP có hiệu lực, tạo ra hành lang pháp lý phù hợp cho việc giãn, hoãn thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu giúp hoạt động phát hành trên thị trường TPDN sơ cấp tích cực hơn.

Trong năm 2023, Khối Ngân hàng Đầu tư đã thực hiện thành công 6 thương vụ thị trường nợ với tổng giá trị phát hành hơn 500 triệu USD với vai trò chủ yếu là Đại lý phát hành, điển hình các thương vụ lớn bao gồm:

- Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (Vingroup) phát hành trái phiếu ra công chúng; SSI đã hoàn tất đợt 1 của Trái Phiếu với giá trị lên tới 60 triệu USD.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco (Taseco Group) và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Taseco (Tasecoland) chào bán các đợt trái phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, giá trị phát hành lên đến hơn 17 triệu USD.
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị hơn 268 triệu USD.

GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT

Tiếp nối các bước cơ cấu Bộ máy tổ chức và Cơ cấu nhân sự năm 2022, năm 2023 Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư tiếp tục kiện toàn mô hình, sắp xếp đội ngũ và điều chỉnh chiến lược trong bối cảnh mới đầy biến động của thị trường tài chính, nhằm tận dụng các thế mạnh vốn có của SSI về mối quan hệ sâu rộng với các khách hàng doanh nghiệp Việt Nam cũng như mạng lưới khách hàng tổ chức tài chính và quỹ đầu tư phủ khắp toàn cầu, đồng thời mang lại nhiều cơ hội cung cấp các sản phẩm tài chính mới thông qua việc bán chéo với các khối kinh doanh nội bộ.

Hạng mục giải	Tên giải thưởng	Tổ chức trao giải
Giao dịch phát hành trái phiếu trong nước tốt nhất năm cho giao dịch của Vingroup *("Best local currency bond deal of the year – Bond VIC")*	Giải thưởng ***"17th Deal & Solution Awards"***	Alpha Southeast Asia
Đơn vị Ngân hàng Đầu tư *("Investment Banking")*	Giải thưởng ***"Euromoney Market leader"***	Euromoney
Đơn vị tư vấn trái phiếu tốt nhất *("Best Bond Adviser")*	Giải thưởng ***"The Asset Triple A Sustainable Finance Awards 2024"***	The Asset

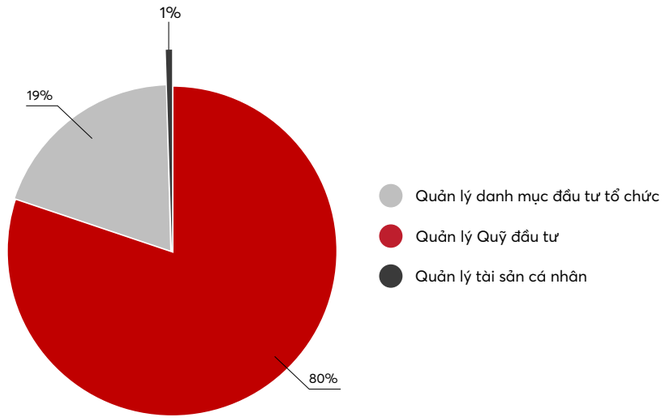
Những giải thưởng trên đã khẳng định vị thế tiên phong và công nhận cho nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI nhằm mang đến những dịch vụ chất lượng nhất cho khách hàng. Đồng thời cho thấy uy tín vượt trội của SSI trên thị trường, minh chứng cho tiềm lực mạnh mẽ của Công ty cả về chất lượng nhân lực, nguồn lực tài chính và mạng lưới đối tác.

QUẢN LÝ QUỸ

TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ ĐẠT

13.649
tỷ VNĐ

Tính đến cuối năm 2023, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 13.649 tỷ VNĐ. Trong năm 2023, Công ty tiếp tục tập trung phát triển đội ngũ, xây dựng mạng lưới để mở rộng tệp khách hàng trong nước và quốc tế.



Số liệu tại thời điểm 31/12/2023
Nguồn: SSIAM

DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

Dịch vụ quản lý quỹ đầu tư là hoạt động kinh doanh cốt lõi của SSIAM, chiếm 80% tổng tài sản quản lý, tương ứng 10.943 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2023. Hiện SSIAM đang quản lý 3 quỹ mở đại chúng, 3 quỹ ETF, 1 quỹ hưu trí tự nguyện và 5 quỹ thành viên.

TÀI SẢN QUẢN LÝ ĐẠT

10.943
tỷ VNĐ

80%
TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ



Ở phân khúc quỹ mở, các quỹ mở cổ phiếu do SSIAM quản lý đều đạt hiệu suất đầu tư vượt trội so với thị trường. Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA), với quy mô hơn 440 tỷ VNĐ, đạt mức tăng trưởng 28,4%, so với 12,2% của chỉ số thị trường VN-Index. Đây là mức hiệu suất đầu tư thuộc nhóm cao thứ ba thị trường. Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Dài hạn Việt Nam (VLGF) là quỹ mở lớn thứ hai trên thị trường với quy mô hơn 3.000 tỷ VNĐ cũng đạt hiệu suất đầu tư 14,4%. Quỹ thu hút sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh thị trường Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh bởi dòng vốn rút ra của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2023, quỹ VLGF vẫn duy trì được tăng trưởng quy mô tài sản quản lý 27% so với đầu năm.

Đáng chú ý nhất, Quỹ Đầu tư Trái phiếu SSI (SSIBF) là quỹ mở trái phiếu đạt hiệu suất đầu tư tốt nhất thị trường, với tăng trưởng 9,7% năm 2023. Quỹ đã nhận được sự quan tâm trở lại của nhiều nhà đầu tư sau giai đoạn biến động mạnh của thị trường trái phiếu vào năm 2022.

Đối với phân khúc ETF, Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF vẫn là quỹ ETF hàng đầu trên thị trường với quy mô lớn thứ ba và hiệu suất đầu tư hấp dẫn 28,7%. Cùng với hai quỹ ETF khác của SSIAM là quỹ VN30 ETF và VNX50 ETF, quỹ VNFIN LEAD tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài, với hơn 90% tổng tài sản của quỹ thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với mảng Private Equity (Quỹ Đầu tư Cổ phần Tư nhân), đây là mảng SSIAM chú trọng trong nhiều năm qua. SSIAM đang quản lý 4 quỹ đầu tư cổ phần tư nhân cùng với sự song hành của các đối tác quốc tế lớn bao gồm Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (DBJ), Daiwa Corporate Investment, CP Group, v.v… Trong năm 2023, SSIAM tiếp tục tìm kiếm các công ty có triển vọng để giải ngân đầu tư theo lộ trình đã xác định của từng quỹ, và chuẩn bị sẵn sàng cho việc huy động và triển khai các quỹ tiếp theo.

Là công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện lớn nhất Việt Nam, SSIAM đang quản lý hơn 620 tỷ VNĐ tổng giá trị tài sản của hơn 20 nghìn khách hàng đã tin tưởng trao gửi. Trong năm vừa qua, SSIAM đã đúc kết nhiều kinh nghiệm quý giá trong việc quản lý quỹ hưu trí một cách hiệu quả, minh bạch và an toàn. Đây cũng là cơ hội để SSIAM góp phần xây dựng nền tảng hưu trí an toàn và thịnh vượng cho người lao động tại Việt Nam.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ DANH MỤC ỦY THÁC KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

TÀI SẢN QUẢN LÝ ĐẠT

2.600
tỷ VNĐ

Dịch vụ quản lý danh mục ủy thác khách hàng tổ chức là mảng dịch vụ khá lớn tại SSIAM. SSIAM hiện đang quản lý quỹ liên kết đơn vị cho các tập đoàn bảo hiểm nhân thọ toàn cầu hàng đầu trên thị trường, ngoài ra SSIAM cũng quản lý tài sản cho các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư khác. Tổng tài sản SSIAM đang quản lý ở mảng này đạt hơn 2.600 tỷ VNĐ, chiếm 19,2% tổng tài sản quản lý của Công ty.

SSIAM tăng cường mở rộng hợp tác với đối tác/khách hàng mới, với trọng tâm của năm 2023 là các thị trường nước ngoài như Đài Loan, Thái Lan, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Công ty tổ chức các sự kiện cho cả khách hàng tổ chức và cá nhân để chia sẻ thông tin về nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam, tăng cường kiến thức về các sản phẩm tài chính và cách tiếp cận thị trường Việt Nam cho khách hàng, nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, năm 2023, SSIAM đã tham gia cùng Bộ Tài chính và UBCKNN, tổ chức các cuộc họp bên lề hội nghị APEC tại Hoa Kỳ với để giới thiệu cơ hội đầu tư vào thị trường Việt Nam và nhận được sự quan tâm của nhiều quỹ đầu tư lớn.

GIẢI THƯỞNG

Những giải thưởng nổi bật Công ty đạt được trong năm

Tên giải thưởng	Tổ chức trao tặng
Công ty Quản lý Quỹ của Năm (năm thứ 3 liên tiếp)	The Asset
Công ty Quản Lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam (năm thứ 4 liên tiếp)	Alpha Southeast Asia
Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân	Alpha Southeast Asia

ĐẦU TƯ

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HỢP LÝ ĐEM LẠI KẾT QUẢ VƯỢT TRỘI

Danh mục đầu tư của SSI tiếp tục tập trung vào các công ty đầu ngành, định giá hợp lý, đồng thời có thanh khoản lớn, có triển vọng tăng trưởng và minh bạch nhằm hạn chế rủi ro khi thị trường biến động mạnh. Công ty cũng giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn. Các nhóm ngành đã đem lại lợi nhuận tốt cho bộ phận trong năm 2023 bao gồm Công nghệ Thông tin, Ngân hàng và Bất động sản. Hiệu suất đầu tư của danh mục cổ phiếu trung bình đạt trên 22%/năm trong năm 2023.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục giữ khoản đầu tư vào PAN, các nhân sự đại diện của SSI tại HĐQT của PAN đã làm việc sâu sát cùng doanh nghiệp, kịp thời đưa ra những định hướng và chỉ đạo phù hợp với tình hình thị trường cũng như chiến lược chung của SSI, qua đó tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty.

Kết quả hoạt động Công ty liên kết:

Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2023	Thành viên (SSI) trong HĐQT/ BKS	Hình thức sở hữu
THE PAN GROUP **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN** (PAN – HOSE) Lô A1-9, Đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Nông nghiệp Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm)	2.163.585.800.000	12,73%	Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2023 lần lượt đạt 13.759 tỷ VNĐ và 408 tỷ VNĐ, tăng trưởng 9% so với cùng kỳ	2 thành viên	Trực tiếp

DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU VỀ SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN

ĐẠT THỊ PHẦN CHỨNG QUYỀN

lên tới 30%

So với cuối năm 2022, số mã chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên thị trường đã tăng từ 99 mã lên đến 229 vào cuối năm 2023 cho thấy nhu cầu lớn của thị trường với sản phẩm này. Trong xu thế chung đó, SSI đã thực hiện phát hành chứng quyền trên phần lớn các mã chứng khoán cơ sở trong danh mục cho phép của Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh ở nhiều kỳ hạn (từ 4 tháng, 6 tháng, đến dài hơn 1 năm) và mức giá thực hiện khác nhau để chiếm lĩnh thị trường và tạo sự đa dạng về mặt lựa chọn cho Nhà đầu tư. Cụ thể, trong năm 2023, SSI đã phát hành mới 55 mã chứng quyền và đáo hạn 42 mã. Việc bổ sung kịp thời và liên tục các chứng quyền mới giúp SSI duy trì vị thế ổn định trên thị trường chứng quyền với thị phần thường xuyên từ 20% tới 30%.

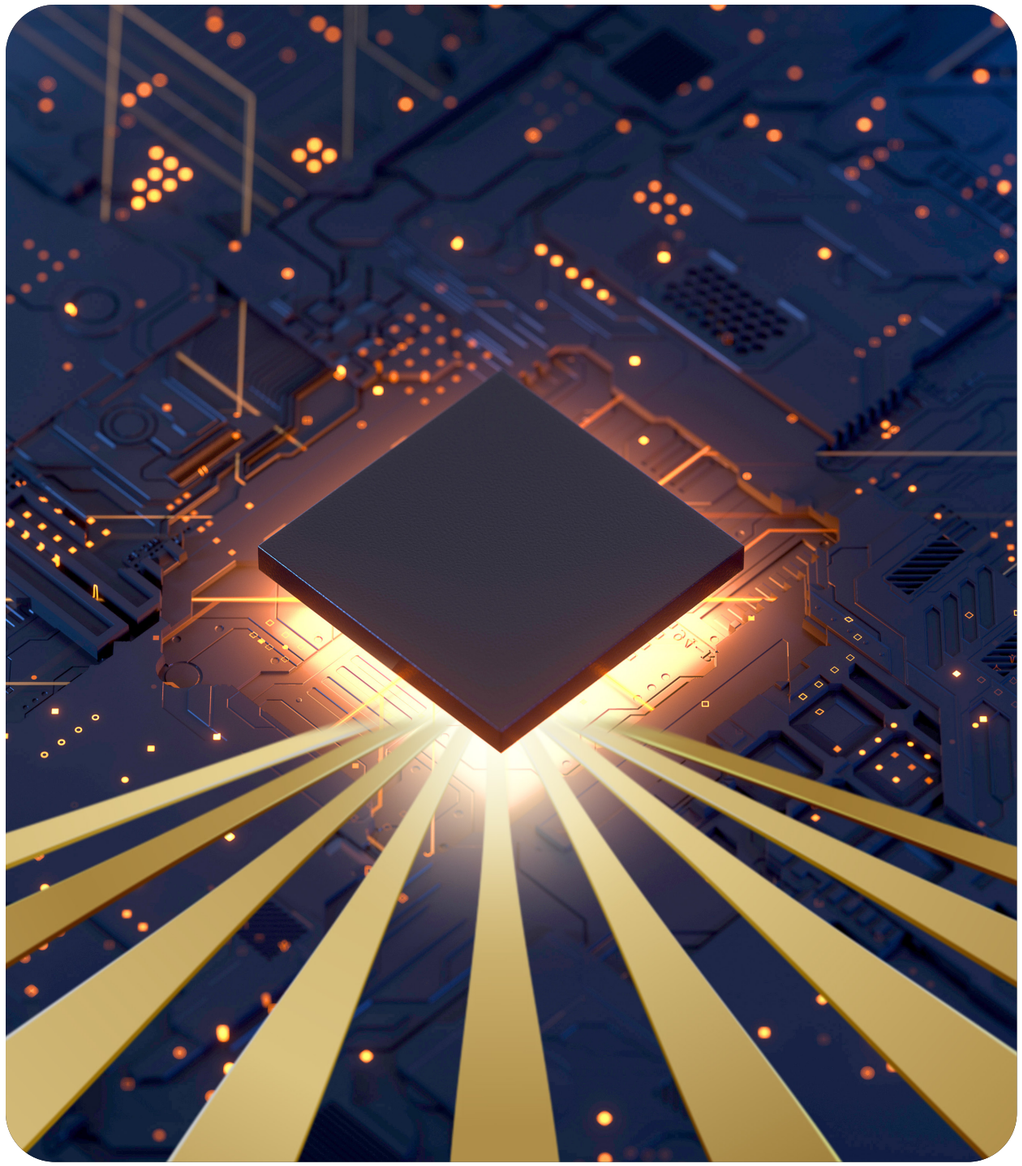
Cuối năm 2023, SSI có 41 mã chứng quyền đang lưu hành, chiếm tỷ trọng 17,9% số lượng chứng quyền. Tổng khối lượng đạt 942 triệu đơn vị, chiếm 48% khối lượng chứng quyền đang niêm yết trên thị trường. Bên cạnh quy mô phát hành, SSI cũng chủ trương tạo lập thị trường cho chứng quyền có đảm bảo ở mức chênh lệch giá mua bán cạnh tranh nhất. Do vậy, năm 2023 mỗi khi thị trường chứng khoán biến động mạnh và xuất hiện những cơ hội ở các mã cổ phiếu cơ sở, Nhà đầu tư đều rất dễ dàng mua bán số lượng lớn các chứng quyền tương ứng của SSI.

Trải qua 4 năm từ khi chứng quyền có đảm bảo ra đời, Nhà đầu tư đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm và có lãi tốt khi tham gia giao dịch sản phẩm này trong khi SSI cũng có thêm một nghiệp vụ kinh doanh có lời ổn định nhờ tuân thủ tốt và thực hiện phòng vệ giá hợp lý chính xác. Việc mang lại lợi ích tương hỗ cho cả nhà đầu tư và nhà phát hành giúp duy trì và nâng cao niềm tin của Nhà đầu tư vào sản phẩm chứng quyền góp phần gián tiếp đảm bảo thành công cho các đợt phát hành chứng quyền tiếp theo do SSI thực hiện.



YẾU TỐ
THÚC ĐẨY
THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Năm 2023, Bộ phận Công nghệ thông tin (CNTT) tiếp tục các hoạt động cải tiến công nghệ để đạt được các mục tiêu đề ra.

- Kinh doanh dựa trên dữ liệu và liên tục cải tiến sản phẩm để thâm nhập thị trường tốt hơn;
- Tự động hóa và Số hóa quy trình trong toàn tổ chức để cải thiện hiệu quả;
- Chuẩn bị tốt cho việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới để giảm thiểu thời gian cung cấp ra thị trường;
- Nâng cao chất lượng và tính sẵn có của các sản phẩm và dịch vụ để làm hài lòng khách hàng.

Hiện tại, hầu hết hoạt động CNTT chủ yếu dựa vào dữ liệu và quy trình. Những rủi ro trong các hoạt động được giảm lược để tránh ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Doanh nghiệp. Năm 2023, mức độ sẵn sàng trong vận hành của bộ phận đạt 99,99% và năng lực cơ sở hạ tầng đáp ứng linh hoạt mọi tải trọng từ thị trường mà vẫn đảm bảo tối ưu về mặt chi phí.

Tự động hóa các quy trình kinh doanh đang được thực hiện với các sản phẩm như đăng ký tài khoản khách hàng tại quầy, quản lý hợp đồng, quy trình lưu trữ hồ sơ chứng chỉ quỹ mở và các lĩnh vực khác. Các hoạt động kinh doanh trở nên thông suốt và cần ít tương tác của con người hơn.

Ra quyết định kinh doanh dựa trên dữ liệu là giá trị cốt lõi của Bộ phận CNTT. Các quy trình và chính sách quản lý dữ liệu được triển khai cho tất cả các khía cạnh của Doanh nghiệp. Dự đoán dựa theo dữ liệu giúp SSI có cái nhìn sâu sắc về xu hướng thị trường và định hướng cho Công ty. Đây cũng trở thành nguồn tài nguyên chính giúp Doanh nghiệp trả lời cho hàng loạt câu hỏi "Chuyện gì xảy ra nếu…?" trong quá trình vận hành kinh doanh.

Văn phòng Chuyển đổi số (DTO) không chỉ tập trung vào tự động hóa kinh doanh, quản lý dữ liệu và các hoạt động dựa trên dữ liệu. Trọng tâm của DTO là quá trình chuyển đổi từ hoạt động kinh doanh sang hoạt động CNTT nhằm đạt được năng suất cao hơn, thích ứng tốt với môi trường kinh doanh hiện tại trong lĩnh vực tài chính.

Tư duy "Agile" và "Scrum" đã được truyền thông và lan tỏa khắp Tổ chức. Các dịch vụ dành cho khách hàng được quản lý theo tư duy phát triển sản phẩm với vòng đời phù hợp. Điều này làm giảm đáng kể thời gian hoàn thành việc phát hành các tính năng cho khách hàng của Bộ phận CNTT.

Đo lường hành vi của khách hàng đối với các dịch vụ của SSI là trọng tâm chính của Bộ phận CNTT trong năm 2023. Bộ phận cũng thường xuyên thực hiện khảo sát về sở thích của người dùng. Việc thu thập thông tin này nhằm mục đích lập kế hoạch, phát triển và điều chỉnh dịch vụ. Hành trình phát triển dịch vụ của Bộ phận CNTT hiện được định hướng bởi khách hàng.

THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2023

- Đạt được 99,99% tính sẵn sàng trong toàn bộ các giao dịch với sự cải thiện đáng kể về thời gian hoàn thành giao dịch.
- Đáp ứng tuân thủ yêu cầu chuyển đổi hệ thống của các Sàn giao dịch, với sự sẵn sàng cho việc ra mắt công cụ phù hợp mới.
- Di chuyển toàn bộ hệ thống giao dịch về TP.Hồ Chí Minh, địa điểm gần hệ thống nhất.
- Di dời Trung tâm dữ liệu tại Hà Nội đến cơ sở thứ 3, nhằm mục tiêu đảm bảo hoạt động liên tục và khắc phục thảm họa.
- Đổi mới 15 quy trình phục vụ việc tuân thủ quy định cũng như cải tiến hoạt động CNTT.
- Giành được "Giải thưởng Sáng tạo Kỹ thuật Châu Á" cho dịch vụ mới, P-Suite. P-Suite có các thành phần sau.
  - FastConnect, một dịch vụ API;
  - iExcel, plug-in cho Excel;
  - iData, plug-in cho AMIBroker;
  - iAddon, plug-in cho VSCode.
- Tất cả những thứ này đều có khả năng truyền tải thông tin thị trường theo thời gian thực cũng như khả năng giao dịch. P-Suite cho phép các nhà giao dịch chuyên nghiệp nắm vững chiến lược giao dịch của họ với thông tin cần cũng như đặt lệnh từ ứng dụng quen thuộc của họ. Nhà giao dịch thậm chí có thể thực hiện kiểm tra lại và giao dịch trên giấy.
- Duy trì phát hành các tính năng mới hàng tháng trên Hệ thống thông tin và giao dịch iBoard.
- Ra mắt iBoard App Pro mới cho iOS và Android với UI/UX hiện đại phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
- Ra mắt dịch vụ ngân hàng mới, đơn giản hóa các giao dịch tiền tệ với các ngân hàng có thể được thực hiện mọi lúc, mọi nơi.
- Phát hành hệ thống Loyalty mới để thưởng cho khách hàng, hệ thống đã cải thiện khả năng giữ chân khách hàng.
- Việc phát hành Ký quỹ động mới cho phép tính linh hoạt trong ký quỹ giao dịch.
- Đã phát hành 335 tính năng cho tất cả các khía cạnh vào năm 2023, với 224 tính năng dành cho khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các thành phần trong p-Suite, lệnh điều kiện động của QEngine, sản phẩm ký quỹ mới, dịch vụ ngân hàng 24x7, eSign cho hợp đồng khách hàng, BrokerHub, Thông báo trên Zalo, v.v...
- Ứng dụng thành công AI trên các dịch vụ từ chatbot đến dịch vụ tư vấn giao dịch.

NHÂN SỰ & VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TRONG BỘ PHẬN CNTT

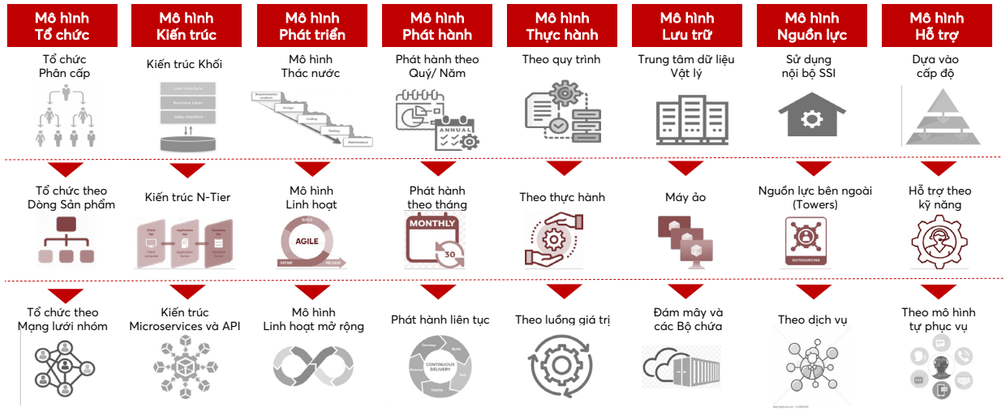
Để đáp ứng sự tăng trưởng không ngừng về nhu cầu công nghệ cho nhu cầu kinh doanh, đội ngũ nhân sự Bộ phận CNTT đã được mở rộng ở mọi góc độ, bao gồm chuyên môn, đặc biệt là Kiến trúc sư Giải pháp và Doanh nghiệp, Tự động hóa, DevOps & CICD, Phân tích nghiệp vụ, Phát triển phần mềm từ phổ biến đến ngôn ngữ hiếm, Chuyên gia dữ liệu, Nghiên cứu & Phát triển công nghệ cho các dịch vụ kinh doanh, Kỹ thuật đám mây và các dịch vụ khác. Nguồn lực CNTT đủ để thích ứng với sự phát triển nhanh chóng và yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường.

Để duy trì và cải thiện đội ngũ nhân tài Bộ phận CNTT, Bộ phận đã áp dụng Mục tiêu & Kết quả then chốt (OKR) trong phần công nghệ để thay thế cho đánh giá bằng chỉ số KPI thông thường. Mỗi nhân sự Bộ phận CNTT đã có mục tiêu rõ ràng cho thành tích của mình.

Nâng cao hiểu biết luôn là một trong những động lực thành công chính của Bộ phận CNTT. Ngoài các khóa đào tạo nghề nghiệp, tất cả nhân viên trong Bộ phận CNTT đều có thể đăng ký cổng thông tin đào tạo trực tuyến và cổng kiến thức trực tuyến đẳng cấp thế giới.

TRIỂN VỌNG 2024

Hướng tới năm 2024, nhằm tiếp tục thực hiện bốn mục tiêu CNTT, Bộ phận ưu tiên các công việc chính sau:



- **Tối ưu hóa chi phí và năng suất:** Tối ưu hóa chi phí là chương trình đang được diễn ra thường xuyên và liên tục tại Bộ phận CNTT từ tháng 2 năm 2022. Chương trình bao gồm sự thúc đẩy cải tiến về kiến trúc và công nghệ, tối đa hóa việc sử dụng tài sản (sử dụng 75%), áp dụng điện toán đám mây và sử dụng mã nguồn mở.
- **Khung bảo mật, an toàn thông tin 2.0 (CSF - Cyber Security Framework 2.0):** Kiến trúc/ mô hình bảo mật hoạt động trên nguyên tắc xác thực mọi thiết bị, người dùng và ứng dụng trước khi truy cập vào tài nguyên Zero Trust không còn là kế hoạch mà tổ chức thực hiện để tăng cường bảo mật – nó phải là nền tảng của bảo mật. Hướng dẫn rõ ràng về việc triển khai Kiến trúc/ mô hình Zero Trust sẽ mang lại kết quả an ninh mạng mạnh mẽ hơn.
- **Chuyển mô hình từ dự án sang sản phẩm:** Chuyển từ các dự án dài hạn (3 đến 5 năm) với ban chỉ đạo và bộ máy cũ sang các nhóm có cách tiếp cận hướng kiểm soát ngữ cảnh (context control). Kinh doanh làm chủ nền tảng, công nghệ mang lại sự ưu đãi và kinh phí.
- **Phát triển các nhóm linh hoạt có hiệu suất cao:** Linh hoạt và loại bỏ các dự án dài hạn cũng như xiềng xích của chúng, sau đó tổ chức nhóm công nghệ và nhóm kinh doanh ngang hàng, bằng cách đặt mục tiêu chung thay vì các mục tiêu khác nhau. Từ mục tiêu chung nhóm sẽ hoạt động với hiệu suất cao, mang lại lợi thế cạnh tranh và linh hoạt trong hoạt động.
- **Thiết kế hệ thống hiện đại:** Để thiết kế và xây dựng các hệ thống có khả năng mở rộng, linh hoạt và sẵn sàng thử nghiệm. Cần phải tận dụng chiến lược này bằng cách sử dụng điện toán đám mây (cloud), bộ chứa (containers), microservices và API, v.v…
- **Nâng cao cơ sở hạ tầng** cho phép kinh doanh, quản lý tài sản, những cải tiến hơn nữa về hệ thống giao dịch, sẵn sàng cho các yếu tố giao dịch mới từ KRX, cải thiện hiểu biết sâu sắc về dữ liệu cho hoạt động của Công ty cũng như tín hiệu giao dịch cho khách hàng. Việc tuân thủ các quy định mới như Quyết định 13 luôn là ưu tiên hàng đầu của Bộ phận CNTT.`

YẾU TỐ
THÚC ĐẨY
THÀNH CÔNG

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

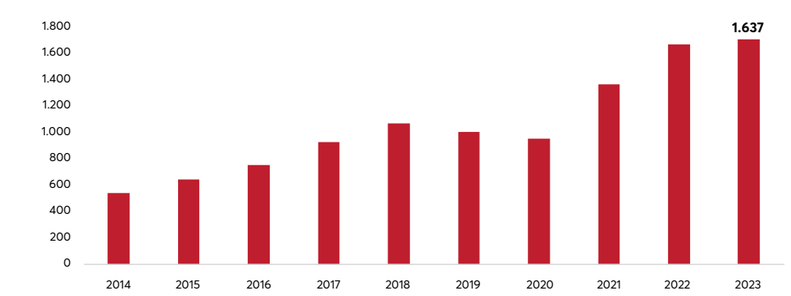
Chiến lược phát triển nhân sự của SSI tập trung vào xây dựng nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn tốt đồng thời có khả năng thích ứng cao với những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh. Công ty tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất và là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của doanh nghiệp, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự hài lòng của khách hàng và tối đa hóa giá trị mang lại cho cổ đông. Cùng với các chính sách thu hút những tài năng trong ngành Tài chính, các hoạt động phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc minh bạch, cởi mở, là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới và có chế độ đãi ngộ tương xứng.

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lượng nhân sự SSI đạt 1.637 người tính tại thời điểm 31/12/2023, tăng nhẹ so với cuối năm 2022.

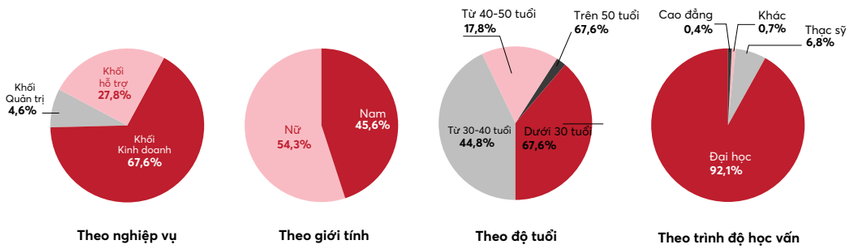
Trong đó, nhân sự thuộc các Khối Kinh doanh chiếm 67,6% toàn nguồn lực SSI. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao – 98,9%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động SSI thuộc đối tượng lao động trẻ với 80,7% nhân sự có độ tuổi dưới 40.

Tăng trưởng nhân sự SSI qua các năm



Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự năm 2023



Nguồn: SSI

HOẠT ĐỘNG TUYỂN CHỌN NHÂN TÀI

SSI tin rằng bằng việc thu hút nhân sự mới với nền tảng học vấn tốt, kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong nước và nước ngoài cộng hưởng cùng với việc gắn kết các nhân sự trưởng thành từ SSI sẽ tạo nên sức mạnh vượt trội nhằm thực thi và hiện thực hóa các chiến lược phát triển của Công ty qua từng thời kỳ.

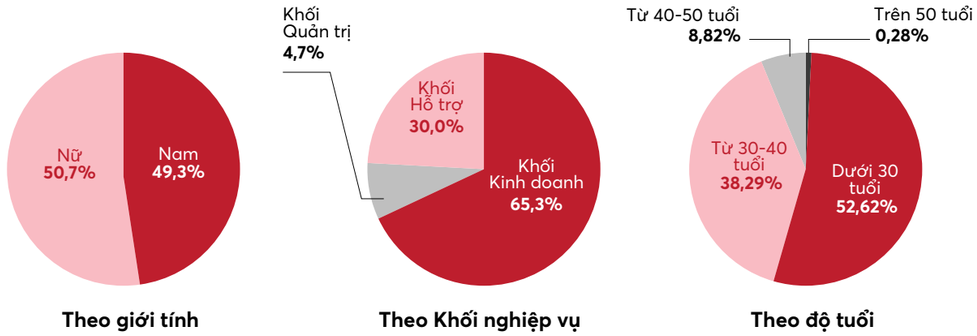
TTCK Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính nói chung trong nhiều năm trở lại đây luôn chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa không chỉ trong việc cung cấp sản phẩm – dịch vụ tới khách hàng mà còn trên thị trường lao động thông qua nhiều chính sách, chương trình hấp dẫn nhằm thu hút nhân sự có kinh nghiệm trong ngành. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển các mảng kinh doanh mới, phát triển sản phẩm, chuyển đổi số, v.v… cũng khiến SSI phải đối mặt với sự cạnh tranh không chỉ trong ngành Tài chính, Ngân hàng, mà còn mở rộng ra các công ty công nghệ, khởi nghiệp, v.v… Điều này đòi hỏi các hoạt động thu hút nhân tài của Công ty không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm ứng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại, mà còn cần xây dựng nguồn nhân lực để bổ sung cho đội ngũ trong tương lai.

SSI đã phát triển và hoàn thiện nhiều kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến; kết nối với các cộng đồng tuyển dụng; hợp tác hiệu quả với các đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên tiềm năng trong và ngoài nước. Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng. Bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng được xây dựng và áp dụng, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên, cũng như tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phối hợp với nhiều trường đại học lớn trên cả nước và một số tổ chức du học sinh quốc tế nhằm triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam v.v… theo định hướng xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh, thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo. SSI đã có nhiều năm tham gia tài trợ và bảo trợ chuyên môn cho hàng loạt các cuộc thi về đầu tư chứng khoán, hội thảo nghề nghiệp của sinh viên; phát triển sản phẩm làm quen với chứng khoán, tổ chức chương trình tham quan doanh nghiệp, thực tập sinh, v.v… Các hoạt động này không chỉ dừng ở mục đích phục vụ công tác tuyển dụng nhân sự, mà còn góp phần thực hiện xây dựng cộng đồng nhà đầu tư với trọng tâm là thế hệ trẻ, đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân, hướng tới TTCK phát triển bền vững.

SSI chào đón 363 thành viên mới trong năm 2023, đáp ứng yêu cầu bổ sung lực lượng cũng như thay thế nhân sự nhằm thực thi chiến lược phát triển Công ty. Hoạt động thu hút nhân tài đã thực hiện tốt vai trò đảm bảo nguồn lực phục vụ công việc cũng như xây dựng nền tảng vững chắc cho những giai đoạn phát triển mới, đáp ứng nhu cầu về nhân sự của các Bộ phận.

Về cơ cấu, 65,3% số lượng nhân sự tuyển mới nhằm phục vụ các khối Kinh doanh, 99,72% có độ tuổi dưới 40 và có sự phân bổ đều về mặt giới tính (nam: 49,3%, nữ 50,7%).

Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2023



Nguồn: SSI

Công ty tiếp tục góp mặt trong **"Top 50 thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn"** trong khuôn khổ cuộc khảo sát thường niên về nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023 do Công ty Anphabe thực hiện.

XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỌC TẬP LIÊN TỤC

Xác định rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh, SSI tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kĩ năng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.

Công tác đào tạo nội bộ cũng tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các chương trình đào tạo tân tuyển áp dụng chung cho nhân viên cũng như được thiết kế riêng cho từng Khối/Bộ phận độc lập, đặc biệt với nhóm Chuyên viên Tư vấn Chứng khoán cần liên tục cập nhật kiến thức về thị trường, sản phẩm, chính sách, kĩ năng bán hàng, v.v.... Các hội thảo chuyên môn, huấn luyện nghiệp vụ nhằm tạo điều kiện để nhân viên nhanh chóng bắt nhịp với công việc, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, cùng chia sẻ định hướng hoạt động & kinh nghiệm vận hành, kết nối tinh thần, cùng nhau tạo dựng môi trường làm việc "minh bạch, trung thực, hiệu quả, sáng tạo" cũng được chú trọng trong năm.

Hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning cùng các hình thức tổ chức đào tạo trực tuyến như sử dụng Microsoft Team, Zoom, Webex dần trở thành những công cụ phổ biến tại Công ty, tạo môi trường thuận tiện để học tập mọi lúc, mọi nơi cho nhân viên; linh hoạt về thời gian, địa điểm và nhanh chóng trong quá trình tổ chức; đồng thời giúp Công ty tối ưu được chi phí đào tạo. Năm 2023, các khóa đào tạo mới tiếp tục được bổ sung trên hệ thống SS E-learning, chủ yếu tập trung vào các nhóm đào tạo tân tuyển, đào tạo sản phẩm, quy định, chính sách với hàng nghìn lượt tham gia học tập, đặc biệt từ nhóm chuyên viên tư vấn chứng khoán. SSI E-learning đã trở thành kênh chia sẻ, trao đổi về chuyên môn, kỹ năng giữa các học viên, giảng viên thuận tiện và nhanh chóng.

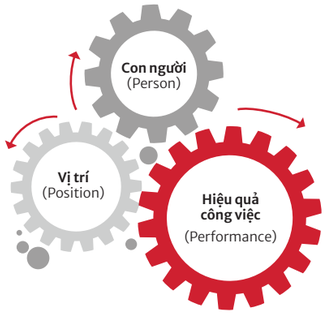
Năm 2023 SSI dành trên 3,2 tỷ VNĐ cho hoạt động đào tạo, tổ chức 103 khóa đào tạo với gần 50 nghìn giờ đào tạo, tương ứng mỗi nhân viên tham gia xấp xỉ 30 giờ đào tạo trong năm.

NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THÔNG QUA CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ TOÀN DIỆN

Lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh và quản trị, SSI vận hành hệ thống các chính sách xoay quanh hiệu quả chung của tổ chức. Các chính sách đãi ngộ – phúc lợi, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của Bộ phận và của Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự, không phân biệt giới tính, vùng miền.

SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc. Với phương pháp này SSI có thể:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng;
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.



Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) được áp dụng đảm bảo sự công bằng và dễ tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tới tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều giữa người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên.

SSI duy trì hệ thống đãi ngộ – phúc lợi toàn diện, hấp dẫn với cơ cấu thu nhập của một nhân viên như sau:

365 ngày phúc lợi

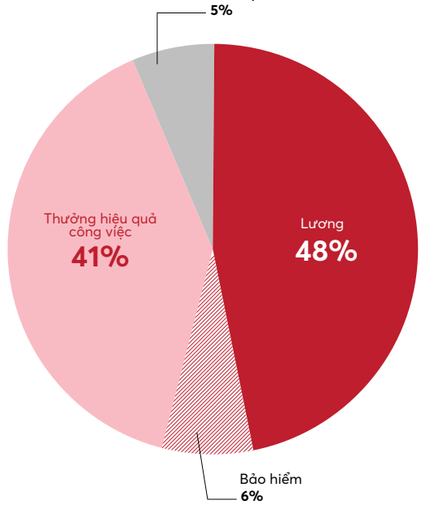
Tiền lương

- Lương cơ bản/ Lương cố định hàng tháng
- Lương tháng thứ 13
- Lương theo hiệu quả làm việc/ Lương doanh số

Chế độ đãi ngộ khác

- Thưởng Đánh giá công việc
- Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm Xã hội bắt buộc: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Phúc lợi các dịp lễ tết trong năm
- Thực hiện Khám sức khỏe định kỳ
- Thưởng thâm niên
- Bảo hiểm sức khỏe cao cấp, đồng thời hỗ trợ thêm nhân viên qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân quả làm việc/ Lương doanh số
- Các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, chi phí đi lại, đồng phục
- Bảo hiểm du lịch đối với các đối tượng thường xuyên đi công tác nước ngoài

Cơ cấu các hạng mục đãi ngộ tại SSI



Nguồn: SSI

Song song với việc duy trì các chính sách lương – thưởng công bằng và cạnh tranh trên thị trường, năm 2023, SSI tiếp tục phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu lựa chọn cho nhân viên (ESOP), nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên với SSI; thu hút, duy trì và thúc đẩy những nhân sự có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

Không chỉ dừng ở phúc lợi về tài chính, từ nhiều năm qua Công ty tiếp tục và liên tục tăng cường chương trình bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung cho nhân viên để nhân viên yên tâm công tác, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính trong trường hợp nhân viên gặp những rủi ro về sức khỏe.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.

Ngoài việc nâng cao nhận thức về y tế, tình hình dịch bệnh cho nhân viên, các hoạt động nội bộ cũng hướng tới việc xây dựng một lối sống lành mạnh để bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân viên và gia đình. Bản tin sức khỏe thường xuyên được đăng tải nhằm cảnh báo tình hình bệnh, dịch theo thời kỳ, các lưu ý khi sử dụng thuốc được chuẩn bị với nguồn tin uy tín, kịp thời nhằm giúp cán bộ nhân viên bảo vệ sức khỏe cho gia đình và người thân. Các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban Lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông qua việc tài trợ và tổ chức các câu lạc bộ chạy, bóng đá, bóng bàn, v.v... Các hoạt động này được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, thư giãn tái tạo năng lượng và gắn kết hơn với tập thể.

YẾU TỐ
THÚC ĐẨY
THÀNH CÔNG

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trải qua hành trình 23 năm đồng hành cùng các nhà đầu tư, SSI luôn tự hào về văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng và luôn phát triển bền vững qua nhiều biến động của thị trường. Nét văn hóa của SSI được xây dựng, bồi đắp qua nhiều giai đoạn và càng được chú trọng khi quy mô của Công ty ngày một phát triển và mở rộng.

Với định hướng chiến lược dài hạn là "Phát triển bền vững", SSI đã cam kết xây dựng hình ảnh thương hiệu công ty dựa trên chương trình **Phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 – 2030** của Liên hợp quốc. Đây là chương trình có độ bao phủ chính sách phổ quát, toàn diện, vì lợi ích của người dân trên toàn thế giới, cho thế hệ hôm nay và mai sau để không ai bị bỏ lại phía sau.

Trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể của chương trình này, SSI đưa ra định hướng chiến lược dài hạn là:

Đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty song hành với sự phát triển bền vững của thị trường Tài chính Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho xã hội.
Bên cạnh đó, không bỏ qua vai trò của từng cá nhân trong Công ty trong công cuộc bảo vệ môi trường.

Chính vì vậy, trong năm 2023, SSI đã triển khai các hoạt động văn hóa doanh nghiệp với tinh thần phát huy những nội lực sẵn có của SSI, góp phần đề cao những phẩm chất quý báu của các thành viên SSI và tạo động lực cho tập thể người SSI cùng nhau đồng lòng tiến đến một tương lai phát triển trường tồn và bền vững.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XUẤT PHÁT TỪ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Ở SSI, 3 giá trị cốt lõi và 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là những giá trị quan trọng nhất, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh tư vấn, văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với khách hàng, và văn hóa ứng xử ra cộng đồng và xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

"9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI"

Những nét riêng mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện rõ nét không chỉ ở "9 tôn chỉ kinh doanh" mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty.

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng.
2. Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính.
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự.
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện.
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa công ty.
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính Việt Nam.
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng.

Cùng với Tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"** và Sứ mệnh **"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư"**, các giá trị cốt lõi và những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế, trách nhiệm và giá trị của mình và tập thể. Tình yêu đối với SSI, sự tự hào với những giá trị và thành quả của Công ty trong suốt hành trình 23 năm lan tỏa ánh sáng tiên phong là những giá trị được truyền tải tới nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ trực tuyến và trực tiếp. Đây cũng chính là di sản và động lực để trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian và từ đó dù ở bất cứ vai trò hay vị trí nào, mỗi cá nhân luôn tự hào là người SSI.

"ĐỒNG TIẾN TRƯỜNG TỒN" VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Nối tiếp truyền thống của các năm trước, sự kiện đào tạo văn hóa doanh nghiệp thường niên lớn nhất năm SSI GALA 2023 với chủ đề "Đồng tiến trường tồn" đã được tổ chức thành công tại TP. Hạ Long. GALA là sự kiện nội bộ quan trọng, mang đậm dấu ấn, tinh thần và bản sắc con người SSI bởi đây không chỉ là nơi các thành viên trên khắp cả nước được trực tiếp gặp gỡ, mà là cơ hội người SSI cùng nhau đặt mục tiêu và quyết tâm, đồng lòng bước tiếp trên hành trình phía trước, hòa mình vào dòng chảy sức sống bền bỉ của SSI, phát huy tinh thần không ngừng vươn xa, hướng về một tương lai tươi sáng và trường tồn.

Trong 3 ngày diễn ra SSI GALA 2023, hơn 1.800 người SSI đã cùng nhau chinh phục cung đường chạy ven biển tuyệt đẹp của SSI Run với cự ly tối đa 23km – đại diện cho 23 năm hình thành và phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, giải bóng đá SSI CUP, giải golf SSI GOLF CHAMPIONS và giải văn nghệ trong phần Hội đêm GALA NIGHT cũng nhận được sự tham gia của hơn 10 đội thi đến từ khắp nơi trên cả nước, thể hiện được tài năng và các phẩm chất quý giá của người SSI. Đặc biệt, trong đêm tiệc GALA NIGHT, Chủ tịch Nguyễn Duy Hưng đã có phần đối thoại với phiên bản trí tuệ nhân tạo (AI) của chính mình. Cả phiên bản thực và phiên bản AI đều đồng thuận rằng SSI có chiến lược và lợi thế cạnh tranh riêng, Công ty sẽ không đánh đổi hiệu quả lợi nhuận để đổi lấy thị phần: "Phát triển bền vững là điều chúng ta không bao giờ đánh đổi, đó mới là điều quan trọng nhất chứ không phải danh hiệu". Bên cạnh đó, Chủ tịch Nguyễn Duy Hưng đã có phần chia sẻ với các thành viên SSI với nhiều hình thức đổi mới, sáng tạo cũng như truyền cảm hứng cho các thành viên Công ty về các sứ mệnh phụng sự của SSI đối với người thân, thị trường và xã hội.

Không chỉ gắn kết qua các hoạt động đào tạo văn hóa doanh nghiệp lớn như GALA, tinh thần đồng lòng cùng nhau hướng đến tương lai trường tồn, bền vững của người SSI còn được thể hiện thông qua các hoạt động gắn kết được tổ chức online và offline. Các chương trình thi đua và hoạt động nhằm hưởng ứng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết trung thu, v.v... cũng nhận được sự quan tâm của đông đảo các thành viên và lan tỏa tới các gia đình người SSI.





CHÚ TRỌNG ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO RÈN LUYỆN SỨC KHỎE ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bên cạnh ba giá trị cốt lõi luôn được người SSI ghi nhớ và thực hiện là **Sẵn sàng giải pháp – Sâu sát chuyên môn – In dấu sáng tạo**, người SSI trên hành trình phát triển bền vững còn phát huy mạnh mẽ tinh thần rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần thông qua nhiều hoạt động nội bộ phong phú.

Trong năm 2023, các hoạt động rèn luyện sức khỏe và tinh thần được Truyền thông Nội bộ cũng như các Cậu lạc bộ, phòng ban, cá nhân người SSI duy trì và đẩy mạnh như chạy bộ, leo núi, cầu lông, goft, v.v... Các hoạt động rèn luyện sức khỏe không chỉ dừng lại ở khuôn khổ các hoạt động thực tế quy mô lớn và tập trung, mà còn được các thành viên SSI hưởng ứng tham gia vào các thử thách trực tuyến như Giải chạy bộ trực tuyến **"Dám tăng tốc – Cùng chinh phục"** thu hút gần 400 thành viên tham gia trên khắp cả nước. Các buổi giao lưu hướng dẫn kĩ thuật chạy bộ do Truyền thông Nội bộ SSI tổ chức tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cũng nhận được sự tham gia đông đảo của người SSI.

Người SSI còn in dấu màu cờ sắc áo tại nhiều giải chạy đường mòn và đường núi lớn tại Việt Nam và trên thế giới, thể hiện tiềm năng và ý chí chinh phục không giới hạn của các "vận động viên" SSI. Các hoạt động thể thao phong trào khác của công ty như bóng đá, cầu lông, golf cũng được Ban Lãnh đạo SSI quan tâm và chú trọng đẩy mạnh.

Bên cạnh các bản tin sức khỏe về dinh dưỡng, tập luyện, phòng chống các dịch bệnh theo mùa, Truyền thông Nội bộ còn thường xuyên tổ chức các workshop nhằm cung cấp các biện pháp, bí quyết cho sức khỏe thể chất và tinh thần lành mạnh.



KHÔNG NGỪNG TRAU DỒI VÀ SÁNG TẠO TRONG MỌI MẶT ĐỂ CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Xuyên suốt năm 2023, người SSI còn có cơ hội sáng tạo và trau dồi trong mọi mặt thông qua các hoạt động thi đua nội bộ, nhằm phát huy các phẩm chất phong phú, đa dạng của người SSI. Từ các hoạt động trổ tài khéo léo như **"SSI Cookbook"** – đóng góp các công thức nấu nướng cho người SSI bận rộn tới thử thách **"1 bí quyết gia tăng hiệu quả công việc mỗi ngày"**. Người SSI không những chịu khó tìm tòi, đổi mới sáng tạo mà còn đảm việc nhà, giỏi việc công ty, minh chứng qua việc các hoạt động được hưởng ứng rất tích cực.







TÍCH CỰC TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN VÌ CỘNG ĐỒNG

Trong năm 2023, Ban Lãnh đạo nói chung và mỗi tập thể, cá nhân các phòng ban, bộ phận người SSI nói riêng luôn sẵn sàng và tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện và các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tiêu biểu là các hoạt động như: Quyên góp sách và đồ chơi cho các em nhỏ vùng cao, gây quỹ khuyến học cho học sinh nghèo vượt khó, và đặc biệt là hoạt động chạy bộ gây quỹ phẫu thuật cho các bệnh nhi hở hàm ếch.







Trải qua hơn hai thập kỷ gắn bó và phát triển, mỗi thành viên SSI đều đồng lòng cùng nhau hướng đến tương lai trường tồn và vĩnh cửu của SSI. Hành trình tiến tới tương lai với những dấu ấn còn mãi của SSI không chỉ giới hạn trong các con số, mà còn được thể hiện trong từng người SSI. Mỗi bước tiến vững chắc, mỗi sự phát triển của từng cá nhân, tập thể các thành viên SSI là thành công, là giá trị mà SSI trân trọng, trở thành sức mạnh to lớn để Công ty hướng đến một tương lai trường tồn và bền vững.

5

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH 2024

TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU 2024



Sang năm 2024, trên bình diện thế giới, các dự báo hiện tại dù nghiêng về khả năng hạ cánh mềm cho kinh tế Hoa Kỳ, vẫn cho thấy đà tăng trưởng chung của kinh tế thế giới sẽ chậm lại và thấp hơn giai đoạn trước đại dịch Covid-19, do tác động có độ trễ từ chính sách tiền tệ thắt chặt của giai đoạn 2022 – 2023. Ẩn số thú vị có thể đến từ Trung Quốc, với những chính sách tập trung vào chất lượng tăng trưởng có thể mang lại kết quả bất ngờ. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị khó có thể dịu bớt, trong đó xung đột Israel – Hamas là mối đe doạ lớn đối với triển vọng kinh tế thế giới trong vòng hai năm tới. Thêm vào đó, hàng loạt cuộc bầu cử then chốt ở các quốc gia lớn trên toàn thế giới sẽ diễn ra trong năm 2024 cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến triển vọng kinh tế toàn cầu, điển hình như cuộc bầu cử tổng thống Mỹ lần thứ 60 diễn ra vào tháng 11/2024.

Trong bối cảnh quốc tế như vậy, Việt Nam với vị thế là một mắt xích quan trọng để duy trì tính bền vững của chuỗi cung ứng toàn cầu, đóng vai trò kết nối giữa các cường quốc kinh tế vốn đang có sự cạnh tranh chiến lược, nhờ vào sự trung lập tích cực của mình. Việt Nam hiện đang sở hữu tới 16 hiệp định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực với hơn 60 đối tác phủ rộng khắp các châu lục. Đây là nền tảng đưa Việt Nam trở thành một trong những nước dẫn đầu khu vực về tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương. Cùng với sự hồi phục của ngành công nghệ sau một năm 2023 trầm lắng khi nhu cầu đầu tư/mua sắm để đáp ứng nhu cầu liên quan đến trí tuệ nhân tạo gia tăng, thì hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ có sự hồi phục tích cực.

Hiện nay các chính sách liên quan đến đầu tư và tiêu dùng nội địa vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát và mục tiêu hàng đầu khi nền kinh tế vĩ mô đã ổn định là thúc đẩy tăng trưởng. Theo ước tính, Việt Nam chỉ còn trong thời kỳ dân số vàng khoảng 10 năm nữa trước khi bước vào giai đoạn già hóa dân số, tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa thực sự khai thác hiệu quả lợi thế của cơ cấu dân số vàng khi chất lượng nguồn nhân lực cũng như năng suất lao động vẫn còn nhiều hạn chế. Nếu không tận dụng cơ hội để có mức tăng trưởng đột phá thì nguy cơ tụt hậu là rất lớn. Quy mô nợ công/GDP của Việt Nam đến cuối năm 2023 đang ở mức 37%, thấp hơn nhiều so với mức 60% Quốc hội đề ra là một lợi thế cho Việt Nam trong việc mở rộng dư địa chi tiêu công. Với đầu tư công, đó là kéo dài Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế thêm một năm, bổ sung vốn đầu tư công từ nguồn dự phòng chung hay thực hiện Nghị quyết 106 của Quốc hội về thí điểm chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Với tiêu dùng nội địa, việc hỗ trợ có thể thông qua các công cụ như thuế, cải cách tiền lương và duy trì mặt bằng lãi suất thấp và tỷ giá ổn định.

Tuy nhiên vẫn còn những rủi ro cho nền kinh tế trong năm 2024. Thị trường bất động sản hồi phục chậm có thể tiếp tục gây ảnh hưởng tới tiêu dùng cũng như làm gia tăng nợ xấu đối với ngành Ngân hàng. Thị trường tiền tệ đâu đó đã tới giới hạn trong việc hỗ trợ tăng trưởng, và rất cần sự chung tay từ phía thị trường vốn (thị trường chứng khoán) với khẩu vị rủi ro cao hơn, để cùng góp phần vào việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

Các chỉ tiêu kinh tế chính trong 2024

	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng GDP (%- 2010p)	2,6	8,0	5,1	6,0 - 6,5
CPI (trung bình, % YoY)	1,8	3,2	3,3	3,8
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (% YoY)	-9,1	21,7	8,4	9,1
Xuất khẩu (tỷ USD)	336,3	371,8	354,7	384,0
Nhập khẩu (tỷ USD)	332,3	360,6	326,3	374,0
Cán cân thương mại (tỷ USD)	4	11,2	28,3	10
Giải ngân FDI (tỷ USD)	19,74	22,40	23,18	24,80
Đầu tư công (nghìn tỷ VNĐ)	540	638	662	667
Tỷ giá hối đoái (USD/VND, cuối năm)	22.930	23.780	24.270	24.200
Cán cân tài khoản vãng lai (tỷ USD)	-3,8	-1,0	26,0	5,0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	107,0	84,0	90,0	100,0
Tăng trưởng tín dụng (% đầu năm)	13,0	14,2	13,71	15,0
Lãi suất huy động (đồng -%, cuối năm 12 tháng)	5,5	10,5	5,0	5,5

Nguồn: Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI (SSI Research)

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 2024

Các giả định chính về triển vọng kinh tế năm 2024 của Trung tâm Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI (SSI Research)

- **Bối cảnh toàn cầu:** Lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn sẽ dẫn đến tăng trưởng toàn cầu chậm lại nhưng thế giới vẫn tránh được một cuộc suy thoái trên diện rộng (kịch bản hạ cánh mềm). Bất ổn địa chính trị vẫn tiếp tục hiện hữu, với rất nhiều các cuộc bầu cử diễn ra trong năm nay. Kinh tế Trung Quốc sẽ là một ẩn số thú vị, với các chính sách hỗ trợ tăng trưởng một cách linh hoạt sẽ có thể liên tục được ban hành trong năm 2024.



- **Bối cảnh trong nước:** Trong khi các động lực tăng trưởng từ bên ngoài là quan trọng, các yếu tố nội tại mới có vai trò quyết định vì đây là những yếu tố mà chúng ta có thể kiểm soát được. Việt Nam có thể tận dụng dư địa chính sách tài khóa hiện tại để tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công vào cơ sở hạ tầng cũng như thúc đẩy tiêu dùng nội địa. Việc thị trường bất động sản ít nhất có thể ổn định trở lại sẽ là ưu tiên hàng đầu nhằm hạn chế tác động của tình trạng không trả được nợ hoặc nợ xấu gia tăng trong hệ thống ngân hàng, đồng thời tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

  - ***Chính sách:*** Các chính sách tài khóa mở rộng và tiền tệ nới lỏng được kéo dài thêm một năm nữa khi tăng trưởng được coi là ưu tiên hàng đầu.
  - ***Xuất khẩu:*** Sự tăng trưởng trở lại của mảng công nghệ điện tử sẽ đem lại nhiều lợi ích cho xuất khẩu của Việt Nam, nhờ gián đoạn nguồn cung được giảm bớt, hiệu ứng cơ sở thấp và nhu cầu đầu tư vào trí tuệ nhân tạo đang tăng cao trong những năm gần đây.
  - ***Tiêu dùng:*** Tăng trưởng cùng đà hồi phục của nền kinh tế, cải cách tiền lương, lãi suất thấp và các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa.
  - ***Đầu tư:*** Động lực cho đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ đến từ pha tăng trưởng mới của chu kỳ công nghệ mà còn từ việc kéo dài của chuỗi cung ứng. Với đầu tư công, việc các dự án cơ sở hạ tầng đồng loạt đi vào giai đoạn xây dựng sau thời gian chuẩn bị thủ tục/giải phóng mặt bằng sẽ là nhân tố giúp duy trì đà tăng trưởng.
  - ***Rủi ro & Thách thức:*** Những khó khăn nội tại của nền kinh tế, như đà hồi phục chậm của thị trường bất động sản, nguy cơ nợ xấu gia tăng trong hệ thống ngân hàng vẫn cần được theo dõi trong năm 2024. Các thách thức từ bên ngoài vẫn là rủi ro suy thoái của một số nền kinh tế lớn, bên cạnh vấn đề cạnh tranh nước lớn và rủi ro địa chính trị.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2024

Vận động giữa dòng tiền và yếu tố cơ bản có thể dẫn tới những phản ứng khác nhau của TTCK Việt Nam trong năm 2024.

Về các yếu tố cơ bản có thể ảnh hưởng tới TTCK

Năm 2023 là một năm có nhiều biện pháp giúp "kéo dài thời gian" nhằm giúp thị trường bất động sản và tài chính trở lại trạng thái bình thường, một sự hồi phục đang được kỳ vọng để giúp hệ thống tài chính có thể tránh được những thách thức lớn trong năm 2024. Nhiều khả năng phục hồi kinh tế sẽ diễn ra rõ nét hơn vào nửa cuối năm 2024, với xuất khẩu tăng nhờ lãi suất toàn cầu giảm và niềm tin người tiêu dùng dần quay lại.

Trong nước, tâm điểm chính vẫn sẽ là sự phục hồi của ngành bất động sản trong bối cảnh các doanh nghiệp bất động sản đang cần phải nhanh chóng giải quyết các vấn đề pháp lý của dự án và tỷ lệ cho vay bất động sản tại các ngân hàng thương mại hiện vẫn ở mức cao. Nếu như thanh khoản tại thị trường bất động sản và TPDN không phục hồi nhanh, niềm tin của nhà đầu tư sẽ bị ảnh hưởng. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng có thể đạt mức cao nhất trong Q3/2024 sau đó giảm trở lại.

Triển vọng ngành Bất động sản và Ngân hàng nhìn chung chưa thuận lợi ngay trong năm 2024. Quá trình phục hồi kỳ vọng diễn ra dần dần, chưa kể một số yếu tố cần theo dõi chặt chẽ bao gồm dự thảo thuế đất hiện đang được Bộ Tài chính xây dựng sẽ có tác động lớn đến thị trường bất động sản. Những yếu tố cần theo dõi chặt chẽ khác bao gồm tình hình địa chính trị trên thế giới và các chính sách hỗ trợ phục hồi kinh tế trong nước.

Về mặt dòng tiền

Lãi suất thấp kỷ lục sẽ là động lực tăng trưởng chính, đặc biệt đối với nhà đầu tư cá nhân. Tiền gửi tại ngân hàng vẫn đang tiếp tục tăng do các kênh đầu tư khác khá hạn chế (giá vàng đã tăng đáng kể, trong khi ngành bất động sản và TPDN cần nhiều thời gian để hồi phục). Dòng vốn này từ nhà đầu tư cá nhân có thể quay lại TTCK trong các giai đoạn của năm 2024, tạo động lực cho thị trường có các bước nhảy vọt.

Mặc dù nhà đầu tư nước ngoài đã có một năm rút ròng trong năm 2023, xu hướng này sẽ đảo chiều trong năm 2024 theo sau động thái hạ dần lãi suất của FED và cơ hội TTCK Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng trong 2024 – 2025. Việc nâng hạng lên Thị trường mới nổi là sự kiện nhà đầu tư đã mong chờ từ lâu. Mặc dù dòng vốn vào của đầu tư nước ngoài có thể chưa hồi phục ngay lập tức nhưng ít nhất áp lực bán của khối ngoại sẽ không còn mạnh mẽ như năm trước.

Dòng vốn nhà đầu tư cá nhân và nước ngoài đều thuận lợi cho TTCK trong năm nay, trong khi nền tảng cơ bản vẫn còn quan ngại về một số yếu tố cần theo dõi. Năm 2024 dự kiến là một năm biến động mạnh, với sự phục hồi mạnh có thể nối tiếp ngay sau điều chỉnh sâu. Giá trị hợp lý cho VN-Index cuối năm 2024 là 1.300 điểm mặc dù trong năm có thể có những thời điểm thị trường vượt được ngưỡng này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP NĂM 2024

Áp lực đáo hạn vào năm 2024 – 2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1 – 2 năm. 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, kịch bản biến động như năm 2022 sẽ khó có thể lặp lại được, khi hiện tại các doanh nghiệp phát hành cũng đã được trang bị một số công cụ nhằm hạn chế rủi ro về thanh khoản, hay môi trường lãi suất thấp cũng giúp các doanh nghiệp có thể dễ dàng hơn trong việc tái cấu trúc khoản nợ và do vậy tác động tới TTCK sẽ không quá đáng kể. Bên cạnh đó, môi trường lãi suất thấp đang là nhân tố chính giúp nhu cầu đầu tư TPDN cũng bắt đầu cải thiện hơn. Tuy nhiên, sự phục hồi ban đầu đến phần nhiều từ nhà đầu tư tổ chức, với tiêu chí yêu cầu các doanh nghiệp phát hành phải có sự minh bạch thông tin và triển vọng về dòng tiền trả nợ rõ ràng. Tính pháp lý của tài sản đảm bảo cũng là yếu tố được xem xét cẩn trọng khi các nhà đầu tư tổ chức muốn rót tiền vào thị trường trái phiếu. Đối với các nhà đầu tư cá nhân, sự phục hồi sẽ ở mức thận trọng hơn nhiều khi đây là những người chịu ảnh hưởng mạnh nhất sau cú sụp đổ vào cuối năm 2022.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN



Trung thành với sứ mệnh **"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư"**, SSI đã không ngừng nỗ lực kết nối các đối tác, nhà đầu tư tới những cơ hội đầu tư trên TTCK, góp phần hình thành một kênh dẫn vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nên kinh tế. Công ty đã luôn giữ vững mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam, dần vươn ra thị trường quốc tế; với nguyên tắc lấy sự thành công của khách hàng làm tôn chỉ kinh doanh để không chỉ hoạt động hiệu quả, có lãi, mà còn giúp nhà đầu tư tăng trưởng tài sản theo thời gian.

Kiên định với mục tiêu và chiến lược hoạt động linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp SSI trụ vững qua nhiều thăng trầm của TTCK, tiếp tục khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm, luôn là một kế hoạch 3 năm hành động đã đưa SSI có những bước phát triển ấn tượng. Công ty xác định 3 yếu tố tạo nên thành công của một chiến lược phát triển bền vững chính là: chất lượng sản phẩm – dịch vụ, trình độ của nguồn nhân lực, và sự phát triển của hệ thống công nghệ.

SSI là Công ty Chứng khoán hiếm hoi trên thị trường có cơ cấu doanh thu đến từ nhiều mảng và có vị thế dẫn đầu tại các mảng kinh doanh này.

Điều này khiến SSI có khả năng duy trì hiệu quả kinh doanh tốt, tăng trưởng bền vững ngay cả khi thị trường có biến động khó đoán định. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục phân bổ nguồn lực để phát triển tốt các mảng kinh doanh này.

Chiến lược trung – dài hạn giai đoạn tiếp theo của từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

KHỐI BÁN LẺ (KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN)

Nâng hạng thị trường chứng khoán và phát triển số lượng nhà đầu tư là hai mục tiêu then chốt mà Chính phủ hướng tới. Để đồng hành cùng mục tiêu lớn này, cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Khối Bán lẻ không ngừng kiện toàn mảng Dịch vụ môi giới và tư vấn chứng khoán, đồng thời tiếp tục nghiên cứu và xây dựng mảng Dịch vụ Quản lý tài sản hướng đến việc phục vụ toàn diện nhu cầu bảo toàn và tăng trưởng tài sản của các lớp khách hàng giàu có và thu nhập khá tại SSI. Dịch vụ Quản lý tài sản được thiết kế dựa trên những đề xuất giá trị chính cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- Tư vấn xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản;
- Cung cấp các gói giải pháp đầu tư phong phú đáp ứng nhu cầu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các sản phẩm về tiền gửi, sản phẩm cấu trúc, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu, v.v…
- Cung cấp dịch vụ đặc quyền tập trung vào kiến tạo và gia tăng giá trị về nền tảng kiến thức đầu tư cho khách hàng và thế hệ kế cận.

Trong các năm tới, Khối Bán lẻ tiếp tục mở rộng, phát triển nguồn khách hàng và hệ sinh thái xung quanh khách hàng, hướng đến mục tiêu trở thành Người đồng hành trên hành trình kiến tạo tài sản và tối ưu lợi ích đầu tư cho khách hàng, góp phần giúp SSI giữ vững vị thế dẫn đầu trên TTCK Việt Nam.

KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Khối Dịch vụ Khách hàng Tổ chức của SSI sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong trung, dài hạn dựa trên việc củng cố các hoạt động cốt lõi và phát huy lợi thế cạnh tranh để có thể gia tăng vị thế trong ngành, nâng cao thị phần và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty. Theo đó, Bộ phận sẽ chủ động thực hiện các chiến lược sau:

- **Chăm sóc hiệu quả các khách hàng hiện hữu:** Đây là nguồn mang lại giá trị giao dịch, doanh thu và thị phần chính của Bộ phận. Khối tập trung xây dựng hệ thống sản phẩm và dịch vụ tốt nhất dành cho khách hàng để có thể đảm bảo khách hàng phân bổ giao dịch với tỷ trọng cao nhất cho SSI. Điều này đòi hỏi Khối phải tận dụng hiệu quả mọi nguồn lực của bộ phận mình cũng như các giá trị khác của các bộ phận liên quan để có thể cung cấp dải sản phẩm và dịch vụ đa dạng và chất lượng cao cho khách hàng. Các dịch vụ cốt lõi như Phân tích và Tư vấn đầu tư (Research), Tiếp cận doanh nghiệp (Corporate Access), Chăm sóc khách hàng (Sales), Xử lý giao dịch (Trading) v.v… đều phải được cung cấp với chất lượng cạnh tranh nhất.

- **Phát triển khách hàng tổ chức và mạng lưới đối tác:** việc phát triển khách hàng tổ chức sẽ được chú trọng đẩy mạnh, theo đó các tổ chức đã đầu tư vào Việt Nam mà chưa có tài khoản giao dịch tại SSI sẽ được Khối tập trung tiếp cận. Bên cạnh đó các quỹ đầu tư lớn chuyên đầu tư vào thị trường cận biên và thị trường mới nổi đang quan tâm tới thị trường Việt Nam cũng sẽ được Khối hướng tới và đồng hành với họ trong quá trình tìm hiểu thị trường cũng như thực hiện giải ngân. Ngoài ra, Bộ phận cũng đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI trong việc phát triển khách hàng tại từng thị trường đặc thù mà SSI không có thế mạnh, từ đó có thể tiếp cận được một lượng khách hàng lớn hơn và tận dụng được nguồn khách hàng của các đối tác.

- **Chuẩn bị tốt nhất khi thị trường được nâng hạng lên thị trường mới nổi (Emerging market).** Bộ phận xác định với các cải thiện đang diễn ra về cả quy mô, giá trị giao dịch, và cơ chế giao dịch, việc nâng hạng thị trường của Việt Nam sẽ được thực hiện trong khung thời gian 1 – 3 năm tới. Theo đó, sẽ có rất nhiều các quỹ đầu tư nước ngoài với quy mô lớn hơn rất nhiều tham gia vào thị trường. Điều này sẽ là cơ hội cho các công ty chứng khoán có thế mạnh trong ngành. Các quỹ đầu tư này sẽ có các yêu cầu cao hơn rất nhiều về phạm vi và chất lượng dịch vụ mà SSI cung cấp. Ngoài ra, Khối cũng sẽ tích cực nghiên cứu và tham gia vào việc triển khai các sản phẩm mới mà Việt Nam đang chuẩn bị thực hiện như: Loại bỏ yêu cầu ký quỹ giao dịch (No-prefunding), Giao dịch trong ngày (Day trading), v.v… để có thể chủ động cung cấp các sản phẩm sớm nhất và hiệu quả nhất dành cho khách hàng, từ đó đón đầu được dòng vốn ngoại mới khi có thêm ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường trước và sau khi việc nâng hạng diễn ra.

Để thực hiện tốt các định hướng như trên, Bộ phận sẽ tập trung mở rộng đội ngũ và nâng cao chất lượng nhân sự một cách toàn diện. Theo đó từng thành viên sẽ được chú trọng bồi dưỡng nâng cao khả năng tư vấn, kỹ năng chăm sóc khách hàng, phát triển mạng lưới khách hàng, hiểu biết về thị trường và doanh nghiệp, v.v… từ đó có thể mang lại hiệu quả cao nhất. Việc bổ sung đội ngũ nhân sự và nâng cao trình độ về chuyên môn sẽ được thực hiện đồng thời, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của từng thành viên.





DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Trong tất cả các chu kỳ kinh tế, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư luôn có cơ hội phát triển thông qua các giải pháp thu xếp và cấu trúc linh hoạt. Do vậy, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI luôn cần chủ động nắm bắt thị hiếu thị trường, xu hướng dòng tiền, kết hợp với cấu trúc linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường để luôn duy trì hoạt động ổn định của Khối.

Bỏ qua những yếu tố tiêu cực ngắn hạn, thị trường Việt Nam vẫn là sân chơi tài chính tiềm năng thu hút các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư lớn. Từ đó cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn tài chính xuất hiện cả ở các tổ chức tư vấn trong nước và các ngân hàng đầu tư hàng đầu xâm nhập vào thị trường. Việc này không chỉ đặt ra thách thức mà còn là cơ hội phát triển cũng như động lực để Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI hoàn thiện về mọi mặt. Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư vẫn tiếp tục đặt mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng Ngân hàng Đầu tư trên TTCK, thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng doanh nghiệp;

- Các hoạt động, sự kiện trao đổi với nhà đầu tư được tổ chức đồng bộ, thường xuyên phối hợp cùng các bộ phận khác để cập nhật kịp thời xu hướng dòng vốn quốc tế và nhu cầu nhà đầu tư để triển khai các giao dịch phù hợp;

- Thiết lập và củng cố các mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính, Quỹ Đầu tư lớn trong nước và trên thế giới;

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao năng lực tư vấn của đội ngũ nhân sự, đặt chất lượng tư vấn lên hàng đầu.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Khẳng định vị thế Công ty Chứng khoán có tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Duy trì vị thế tài chính lớn nhất thị trường với Tổng tài sản tăng trưởng ổn định, bền vững hàng năm. Nền tảng vốn lớn, ổn định đóng vai trò quan trọng đối với chiến lược cạnh tranh của Công ty trong tương lai. Nhận thức được điều này, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục duy trì hợp tác với các định chế tài chính lớn đang có, đồng thời mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong nước và nước ngoài, cả nhóm Ngân hàng và Công ty bảo hiểm, Công ty tài chính, Công ty chứng khoán, v.v… Ưu tiên của Khối không chỉ dừng ở việc tìm kiếm nguồn vốn ổn định với chi phí thấp, mà còn đa dạng hóa các nguồn huy động vốn nhằm đáp ứng với sự thay đổi trong chính sách điều hành của cơ quan quản lý nhà nước;

- Cung cấp các sản phẩm tài chính cấu trúc linh hoạt, phù hợp nhu cầu đa dạng trên thị trường;

- Đề cao hiệu quả trong quản trị rủi ro song song với tìm kiếm lợi nhuận, phân bổ tài sản một cách thận trọng trước những diễn biến bất lợi của lãi suất trong thời gian tới. Để làm được điều này, Khối luôn tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn, sử dụng kết hợp các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất phù hợp, tiếp tục duy trì tỷ trọng lớn các tài sản thanh khoản cao để làm bộ đệm dự phòng cho các biến động lớn. Ngoài ra, SSI luôn chú trọng đầu tư phát triển hệ thống CNTT về quản trị rủi ro và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao năng lực giám sát, đánh giá, phân tích và xử lý kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU

- Phân bổ tỷ trọng hợp lý của từng chiến lược đầu tư trong danh mục: giữa danh mục dài hạn và ngắn hạn; giữa danh mục tăng trưởng, giá trị và phòng thủ; giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và IPO/OTC. Tỷ trọng của từng chiến lược đầu tư được thay đổi tùy từng thời kỳ phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô cũng như nền tảng kinh doanh của từng nhóm ngành, doanh nghiệp;
- Đầu tư vào những công ty hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề được hưởng lợi từ nền kinh tế cùng với định giá hợp lý và bộ máy quản trị công ty tốt.

ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

- Xác định đầu tư linh hoạt, tập trung vào tạo lập thị trường giúp khách hàng có thể tiếp cận được các sản phẩm phái sinh (chứng quyền, quyền chọn, v.v...);
- Tập trung xây dựng các chiến thuật giao dịch định lượng và mua/bán tự động, tránh các yếu tố rủi ro phát sinh do chủ quan con người;
- Đẩy mạnh mảng phát hành, tạo lập thị trường chứng quyền; tham gia trở thành thành viên thành lập quỹ và nhà tạo lập thị trường cho các quỹ ETF trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Khối Đầu tư cũng chủ động nghiên cứu đề xuất và làm việc chặt chẽ với cơ quan quản lý để cải thiện các sản phẩm phái sinh hiện tại (mở rộng danh sách cổ phiếu phát hành chứng quyền, triển khai các loại hợp đồng tương lai mới, v.v…) giúp nhà đầu tư có thêm những lựa chọn đầu tư mới.



QUẢN LÝ QUỸ

MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Tăng trưởng quy mô một cách bền vững, trở thành công ty quản lý quỹ lớn nhất trên thị trường Việt Nam, cung cấp đa dạng các sản phẩm cho nhiều đối tượng khách hàng, với hiệu quả đầu tư vượt trội thị trường, tối ưu hóa hiệu quả vận hành;
- Trở thành cầu nối đáng tin cậy cho nhà đầu tư quốc tế đến với thị trường Việt Nam;
- Đóng góp tích cực cho sự phát triển của TTCK Việt Nam nói chung, và ngành quản lý tài sản nói riêng.

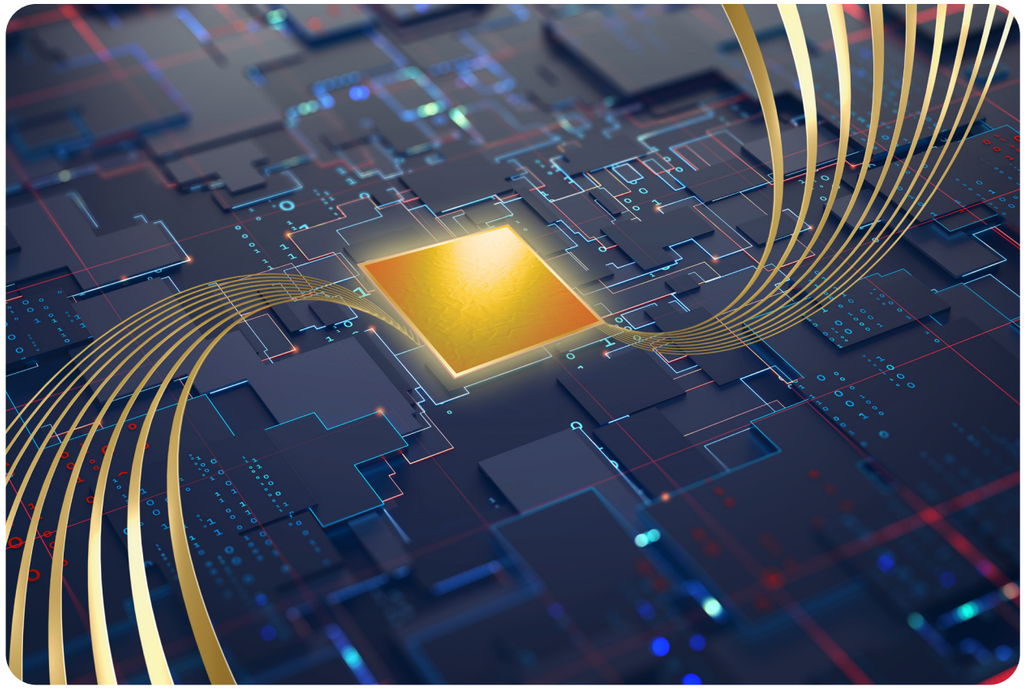
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Xây dựng sản phẩm tốt, đội ngũ nhân viên mạnh:
  - Xây dựng bộ sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, trong đó tập trung phát triển một số sản phẩm nổi bật;
  - Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia đầu tư và đội ngũ kinh doanh trong chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc.
- Mở rộng mạng lưới phân phối:
  - Tiếp cận các thị trường quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hàng đầu tại mỗi thị trường;
  - Đối với thị trường trong nước, tận dụng vị thế là một trong những doanh nghiệp đầu ngành để tiếp tục mở rộng kênh phân phối, lựa chọn những đối tác có năng lực phân phối hiệu quả để hợp tác chiến lược.
- Ứng dụng công nghệ hiện đại:
  - Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số một cách toàn diện. Xây dựng mới, cải thiện các hệ thống quản lý đầu tư, giao dịch và vận hành;
  - Nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua nền tảng giao dịch và ứng dụng di động hiện đại, thuận tiện.





KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2024



Dư địa phát triển cho TTCK trong năm 2024 là rất lớn, không chỉ đến từ sự hồi phục tích cực của vĩ mô nền kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp mà còn đến từ nội lực của ngành Chứng khoán.

Nền kinh tế dần về cuối năm ghi nhận nhiều điểm sáng khi các chính sách kích thích kinh tế bắt đầu có sự thẩm thấu hiệu quả hơn, lãi suất tiền gửi được giữ ở mức thấp trong bối cảnh lạm phát và tỷ giá được kiểm soát ổn định là tiền đề để TTCK trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà đầu tư. Năm 2024 cũng là năm mà ngành Chứng khoán sẽ ghi nhận nhiều bước tiến lớn như hệ thống giao dịch mới KRX được đưa vào vận hành và Ủy ban Chứng khoán đang nỗ lực tháo gỡ rào cản về ký quỹ trước giao dịch nhằm thỏa mãn các yêu cầu về nâng hạng lên thị trường cận biên của tổ chức FTSE. Việc đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới và được nâng hạng lên thị trường bởi một tổ chức quốc tế không chỉ là động lực thu hút dòng vốn đổ vào TTCK mà còn giúp cho thị trường phát triển về chất, khi có thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Trong bối cảnh thị trường có nhiều tiềm năng tăng trưởng, mức độ cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán cũng trở nên gay gắt hơn, các công ty chứng khoán đang chạy đua tăng vốn chủ sở hữu để mở rộng quy mô bảng cân đối, đáp ứng nhu cầu cho vay ký quỹ của nhà đầu tư khi thị trường bùng nổ. SSI dự kiến năm 2024 là năm mà cơ hội và thách thức sẽ song hành cùng nhau cho các công ty chứng khoán. Với tiêu chí khách hàng là trọng tâm, Công ty sẽ tiếp tục chú trọng tới sản phẩm, dịch vụ và công nghệ để gia tăng trải nghiệm của khách hàng tại SSI. Các sản phẩm SSI đưa ra, ngoài việc sẽ phù hợp với từng khẩu vị rủi ro của khách hàng, mà còn là những sản phẩm khác biệt và giúp cho khách hàng có thể có được lợi nhuận vượt trội. Với sản phẩm ưu việt, dịch vụ nổi bật, và công nghệ cải tiến, Công ty kỳ vọng mỗi khách hàng tới SSI sẽ sử dụng từ 2 – 3 dịch vụ của SSI. Như vậy sẽ xây dựng được một mối quan hệ khách hàng dài lâu cùng lúc nâng cao tổng tài sản quản lý ở Công ty.

Kế hoạch hành động 2024 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

KHỐI BÁN LẺ (KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN)

Năm 2024, Khối Bán lẻ đặt ra kế hoạch hành động xoay quanh 4 mục tiêu trọng tâm "Mở rộng khách hàng – Phát triển mạng lưới – Đa dạng sản phẩm – Nâng cao năng lực tư vấn".

Với xu hướng thị trường tài chính phát triển và công nghệ phổ cập, hiện nay các nhà đầu tư cá nhân ngày càng trẻ hóa với hành vi đầu tư có nhiều thay đổi. Đây chính là một trong những nhóm đối tượng nhà đầu tư mới mà Khối Bán lẻ hướng tới, thông qua chuỗi các chiến dịch và hoạt động toàn diện không chỉ về các ưu đãi, sản phẩm mới, mà còn về độ phủ rộng cả trên các kênh trực tuyến, truyền thông và mạng xã hội. Đặc biệt, trong năm 2024, Khối Bán lẻ sẽ phối hợp với đối tác ra mắt các chiến dịch thu hút nhà đầu tư mới trên diện rộng cũng như tăng cường nhận diện thương hiệu với hình ảnh thân thiện và trẻ hóa.

Cùng với đó, bên cạnh nền tảng là đội ngũ Tư vấn chứng khoán chất lượng, Khối Bán lẻ tiếp tục phát triển mạng lưới đa dạng thông qua đẩy mạnh hệ thống cộng tác viên ở cả hai kênh trực tiếp và trực tuyến với các chính sách hấp dẫn.

Về mảng sản phẩm, Khối Bán lẻ hướng tới việc tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua đa dạng các sản phẩm dịch vụ phù hợp với quy chuẩn quy định, xu hướng thị trường và khẩu vị của các nhóm nhà đầu tư khác nhau. Các chính sách ưu đãi về giao dịch và cho vay ký quỹ được triển khai nhằm giúp khách hàng phá bỏ rào cản tài chính và tham gia đầu tư. Ứng dụng giao dịch iBoard Pro tiếp tục được nâng cấp với nhiều tính năng mới hướng đến nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

Về thế mạnh chất lượng đội ngũ tư vấn chứng khoán, Khối Bán lẻ tập trung phát triển, nâng cao năng lực và số lượng đội ngũ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và ứng biến kịp thời với diễn biến thị trường. Các nhóm được phân lớp và áp dụng các chương trình đào tạo theo khung năng lực phù hợp, đặc biệt chú trọng vào nhóm đội ngũ kế cận có năng lực và khát vọng. Đồng thời, Khối Bán lẻ phối hợp với Ban Đào tạo và Phát triển xây dựng và cho ra mắt các chương trình nhằm cập nhật thông tin và góp phần trau dồi kiến thức cho nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, Khối Bán lẻ tiếp tục kết hợp với đối tác tư vấn nước ngoài để đánh giá, phân tích và hoàn thiện thiết kế mô hình kinh doanh, xây dựng nền tảng cho mảng Dịch vụ Quản lý Tài sản với mục tiêu ra mắt thị trường những sản phẩm đầu tiên vào cuối năm 2024, đầu năm 2025.

KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Để thực hiện được các mục tiêu và kế hoạch Công ty đặt ra, Khối Dịch vụ môi giới Khách hàng Tổ chức đã đưa ra những kế hoạch hoạt động chính cho năm 2024 như sau:

Phát triển khách hàng tổ chức

- Chú trọng phát triển mạng lưới khách hàng tại thị trường Mỹ thông qua việc hợp tác với đối tác tại thị trường này. Phối hợp với đối tác chăm sóc hiệu quả các tổ chức đầu tư lớn tại Mỹ;
- Đẩy mạnh hoạt động chăm sóc và mở mới các tài khoản khách hàng tổ chức lớn tại Châu Âu, đặc biệt là các tài khoản đang hoạt động mà chưa mở tại SSI;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới các đối tác của SSI, làm việc chặt chẽ hơn với các đối tác là những định chế tài chính lớn trên thế giới để tiến tới hợp tác trong việc phát triển khách hàng và giao dịch cho các khách hàng tổ chức của những định chế tài chính này;
- Thực hiện mạnh mẽ các hoạt động tư vấn và tiếp thị tại các khu vực thị trường quan trọng đang có mức độ quan tâm cao vào TTCK Việt Nam như Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan, v.v…
- Tiếp cận mới các quỹ đầu tư toàn cầu và các quỹ đầu tư chuyên vào thị trường mới nổi đang quan tâm tới Việt Nam khi việc nâng hạng lên thị trường mới nổi trở nên rõ ràng hơn;
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hệ thống sản phẩm và dịch vụ dành cho khách hàng tổ chức để nâng cao tính cạnh tranh cho Bộ phận;
- Nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự bộ phận tư vấn để có thể có đủ khả năng bao phủ hết số lượng khách hàng hiện tại và tiềm năng của SSI. Nâng cao trình độ của từng thành viên thông qua việc đào tạo và phát triển nội bộ.

Giao dịch khách hàng tổ chức

- Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng các giao dịch thuật toán nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về số lượng lệnh khi mạng lưới khách hàng phát triển, đặc biệt là các khách hàng ETFs, giao dịch theo rổ chỉ số, khách hàng có yêu cầu phức tạp về thực hiện lệnh;
- Hoàn thiện và quảng bá các sản phẩm giao dịch tự động với đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao;
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận có liên quan để hoàn thiện về mặt hệ thống, quản trị, quy trình và sản phẩm để đón đầu các sản phẩm, dịch vụ giao dịch mới.

Dịch vụ Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư (CA – Corporate Access)

- Thực hiện thành công lịch CA trong năm 2024 bao gồm 3 – 4 hội thảo đầu tư, 6 – 8 cuộc gặp gỡ & tham quan doanh nghiệp, và hơn 550 cuộc họp doanh nghiệp theo yêu cầu của khách hàng;
- Nâng cao quan hệ với các công ty lớn, đặc biệt là các công ty mới niêm yết hoặc chuyển sàn;
- Dẫn đầu thị trường trong việc chủ động thực hiện các hoạt động CA với các doanh nghiệp nổi bật trong năm, đặc biệt là các doanh nghiệp có tiềm năng và khách hàng quan tâm;
- Mở rộng năng lực bán chéo (cross sales) tới các doanh nghiệp niêm yết.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Bước sang năm 2024, mặc dù nền kinh tế và thị trường tài chính được dự báo vẫn còn nhiều khó khan và thách thức, nhưng cũng đã có những dấu hiệu khởi sắc. Tại Mỹ, Cục dự trữ liên bang đã đưa ra tín hiệu cho việc giảm lãi suất trong năm 2024, mở ra cơ hội và lối đi cho thị trường tài chính quốc tế và cả Việt Nam.

ĐỐI VỚI MẢNG THỊ TRƯỜNG NỢ

Các giao dịch thu xếp vốn thông qua thị trường nợ (DCM) sẽ là dịch vụ mũi nhọn của SSI trong năm 2024, nhờ việc nắm bắt được nhu cầu của các nhà đầu tư cũng như các doanh nghiệp trên thị trường, đặc biệt với các công cụ nợ linh hoạt như trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi, khoản vay hợp vốn, v.v…. Môi trường lãi suất có dấu hiệu giảm nhiệt cũng sẽ là chất xúc tác nâng cao nhu cầu đối với các công cụ nợ của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định và dòng tiền bền vững như nhóm Logistics, Ngân hàng, Nông nghiệp, Sản xuất, v.v…

ĐỐI VỚI MẢNG THỊ TRƯỜNG VỐN

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI kỳ vọng năm 2024 sẽ chứng kiến sự trở lại mạnh mẽ hơn của thị trường vốn, đặc biệt khi đánh giá Việt Nam vẫn tiếp tục là một môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút dòng vốn ngoại trên thế giới, nhờ triển vọng kinh tế tích cực và các ngành nghề mũi nhọn trong giai đoạn hồi phục kinh tế như Tài chính, Ngân hàng, Bán lẻ, v.v…

Các giao dịch phát hành riêng lẻ, M&A thu hút đầu tư vốn cổ phần của các doanh nghiệp niêm yết và cả các doanh nghiệp tư nhân tiếp tục được thực hiện trong năm 2024, song song với việc chuẩn bị cho việc triển khai các thương vụ IPO và các giải pháp tài chính, cấu trúc, huy động vốn kịp thời như giao dịch IPO, tái cấu trúc, đại chúng hóa, v.v... linh hoạt đáp ứng nhu cầu các khách hàng doanh nghiệp.



DỊCH VỤ NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

NĂM CỦA CẢ KHÓ KHĂN VÀ CƠ HỘI

Bối cảnh thị trường vốn trong năm 2024 tiềm ẩn cả thách thức lẫn cơ hội. Sức hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa có nhiều cải thiện khiến thanh khoản tiếp tục dư thừa. Lãi suất ngắn hạn vẫn trên đà giảm dù đã ở mức thấp kỷ lục, thu hẹp đáng kể tỷ suất sinh lời khi đầu tư giấy tờ có giá. Chính sách điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước có phần thắt chặt hơn đối với hoạt động huy động vốn cũng tạo ra thêm thách thức trong việc cân đối nguồn vốn kinh doanh. Nhưng năm 2024 cũng mở ra cơ hội mới khi các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới được dự báo sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất điều hành, giúp chi phí huy động vốn nước ngoài cạnh tranh hơn. Đồng thời, Khối cũng tăng cường và đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác với các định chế tài chính, đa dạng hóa sản phẩm tài chính để duy trì thanh khoản ổn định, linh hoạt cho hoạt động kinh doanh trái phiếu.

ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC ĐẦU TƯ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Đánh giá năm 2024 là một năm khó khăn về đầu tư khi lãi suất hiện đã ở mức thấp lịch sử, thu hẹp nhiều cơ hội kinh doanh và làm sụt giảm biên lợi nhuận, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trên thị trường. Bên cạnh việc duy trì tỷ trọng đầu tư lớn vào chứng chỉ tiền gửi tại các định chế tài chính, Khối cũng đa dạng hóa danh mục đầu tư vào các sản phẩm có cấu trúc lãi suất thả nổi để giảm thiểu rủi ro thị trường. Trong khoảng thời gian đầu năm 2024, mặc dù thị trường TPDN đang trong giai đoạn hồi phục và chưa có nhiều cơ hội đầu tư mới, tuy nhiên Khối đang tích cực tìm kiếm để mở rộng, đa dạng danh mục đầu tư vào các giấy tờ có giá có chất lượng tín dụng, lãi suất và thanh khoản cao, nhằm thu về lợi nhuận cho Công ty.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM S-BOND

Năm 2023, TPDN phát hành riêng lẻ đã hoàn thành lưu kí tập trung và giao dịch qua sàn của HNX. Đây là một tín hiệu tốt để tăng cường tính minh bạch về thông tin trái phiếu, lãi suất và hỗ trợ thanh khoản của thị trường, đồng thời tạo cơ hội để tìm kiếm, tiếp cận các trái phiếu có tổ chức phát hành uy tín và lãi suất tốt. Đây cũng là cơ hội cho sản phẩm S-Bond của SSI được tiếp cận tới nhiều nhà đầu tư, từ đó phát triển khách hàng cho SSI. Do vậy, Công ty tập trung mở rộng thêm nhiều quyền lợi và tiện ích đi kèm nhằm làm tốt hơn nữa trải nghiệm khách hàng khi sử dụng sản phẩm S-Bond; đồng thời gia tăng tính linh hoạt, ưu điểm vượt trội để thu hút thêm nhiều khách hàng sử dụng sản phẩm.

ĐẦU TƯ

TỐI ƯU HÓA CÁC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH

Với các nghiệp vụ kinh doanh hiện tại, Khối Đầu tư dự kiến phát triển thêm một số chiến lược giao dịch định lượng, kết hợp các loại tài sản trên thị trường như cổ phiếu, hợp đồng tương lai, chứng quyền nhằm khai thác triệt để các cơ hội xuất hiện trên TTCK. Các chiến lược giao dịch định lượng này được đảm bảo kiểm thử kỹ càng và có quy trình kiểm soát rủi ro tương ứng trước khi thực hiện tự động hằng ngày.

Ngoài ra, Khối tiếp tục tận dụng nguồn lực của SSI Research để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các ngành nghề được hưởng lợi từ chu kỳ của nền kinh tế, các chính sách tiền tệ và tài khóa. Bên cạnh đó, danh mục tập trung vào các công ty đầu ngành, có quản trị công ty tốt, tiềm năng tăng trưởng và định giá hợp lý.

Tỷ trọng cổ phiếu sẽ được điều chỉnh và phân bổ tùy từng giai đoạn thị trường một cách hợp lý để tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu độ rủi ro cho danh mục. Phân chia tài sản theo các chiến lược: dài hạn và ngắn hạn, tăng trưởng và phòng thủ, niêm yết và OTC tùy vào tình hình thị trường.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ MỞ RỘNG DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN

Với hoạt động kinh doanh chứng quyền, SSI tiếp tục thực hiện các đợt phát hành mới và bổ sung với khối lượng lớn nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và duy trì vị thế hiện tại của công ty trên thị trường chứng quyền.

QUẢN LÝ QUỸ (SSIAM)

Định hướng hoạt động trong năm 2024 của SSIAM sẽ tập trung vào các mảng công việc chính, bao gồm:

- Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- Mở rộng đối tác phân phối/khách hàng trong nước và các thị trường quốc tế được xác định là trọng điểm;
- Tăng trưởng sự nhận diện thương hiệu của SSIAM qua những hoạt động tiếp thị trong nước và ngoài nước, trên những kênh thông tin chính thức như website, các trang mạng xã hội của Công ty; cũng như các chương trình dành cho nhà đầu tư, hoạt động tiếp thị khác trực tiếp ở nước ngoài;
- Cải thiện trải nghiệm của khách hàng trên các nền tảng website và hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Triển khai tích hợp các yếu tố ESG (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp) trong các hoạt động của Công ty.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN CHUNG

Năm 2023 Hội đồng Quản trị (HĐQT) SSI có sáu thành viên, trong đó có hai thành viên độc lập là ông Phạm Viết Muôn và ông Nguyễn Quốc Cường. Cơ cấu HĐQT hiện tại là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập HĐQT và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Danh sách chi tiết các thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Thành viên	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2023 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2023 (*)(***)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT Người đại diện theo pháp luật	1962	10.177.050	0,683%	10.677.050	0,711%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1967	5.239.498	0,351%	1.639.498	0,109%
3	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT Trưởng Ủy ban Kiểm toán Thành viên độc lập Thành viên không điều hành	1954	292.798	0,020%	342.798	0,023%
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban Kiểm toán Thành viên độc lập Thành viên không điều hành	1959	0	0%	20.000	0,001%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành	1991	3.098.998	0,208%	3.298.998	0,220%
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành	1963	0	0,000%	0	0,000%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông
(**) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.491.130.137 cổ phiếu
(***) Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.501.130.137 cổ phiếu

Một số các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
4	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
5	Hoàng Thị Minh Thủy (*)	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

(*) Miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng kể từ ngày 14/08/2023

Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò lãnh đạo, định hướng, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT triển khai hoạt động thông qua việc ban hành Nghị quyết và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị quyết.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty, tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ quản trị tốt được khuyến nghị bởi các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cổ đông và quyền lợi của người lao động, tôn trọng đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp, thông qua 17 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trong đó, 100% các thành viên tham dự đủ 11/11 cuộc họp. Chi tiết về các Nghị quyết đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	30/01/2023	Thông qua thành lập Trung tâm Vận hành Giao dịch
2	02/2023/NQ-HĐQT	24/02/2023	Thông qua tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
3	03/2023/NQ-HĐQT	16/03/2023	Thông qua chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4	04/2023/NQ-HĐQT	29/03/2023	Thông qua Kế hoạch kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
5	05/2023/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Vốn điều lệ mới
6	06/2023/NQ-HĐQT	01/06/2023	Thông qua sửa đổi Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022
7	07/2023/NQ-HĐQT	07/06/2023	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2022 bằng tiền
8	08/2023/NQ-HĐQT	08/08/2023	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Công ty
9	09/2023/NQ-HĐQT	08/08/2023	Bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty
10	10/2023/NQ-HĐQT	08/08/2023	Thông qua thành lập Văn phòng đại diện tại TP. Nha Trang
11	11/2023/NQ-HĐQT	15/09/2023	Thông qua thành lập Khối Bán lẻ của Công ty
12	12/2023/NQ-HĐQT	19/10/2023	Thông qua Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ
13	13/2023/NQ-HĐQT	19/10/2023	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
14	14/2023/NQ-HĐQT	19/10/2023	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
15	15/2023/NQ-HĐQT	15/12/2023	Thông qua Tiêu chí phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
16	16/2023/NQ-HĐQT	15/12/2023	Thông qua Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
17	17/2023/NQ-HĐQT	14/12/2023	Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2022, soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 tại ngày 30/06/2023;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro;
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tại các mảng nghiệp vụ trọng yếu, phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ;
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động phòng rủi ro;
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 cho cổ đông;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã thành lập Ủy ban Kiểm toán (UBKT), Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc Hội đồng quản trị.

Tiểu ban Chiến lược Phát triển có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty.

UBKT có chức năng kiểm tra, đánh giá độc lập hoạt động của Công ty. Chi tiết hoạt động của UBKT được trình bày dưới đây.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Tháng 06 năm 2020, Công ty đã thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình hoạt động có UBKT trực thuộc HĐQT, và không còn Ban Kiểm soát. Thành viên của UBKT bao gồm 02 thành viên độc lập HĐQT, chi tiết như sau:

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban	Ngày bắt đầu là thành viên UBKT: 09/10/2020 Ngày bắt đầu là Trưởng ban UBKT: 18/07/2022	Tiến sĩ kinh tế
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	18/07/2022	Thạc sĩ Quan hệ quốc tế

Năm 2023, UBKT đã tiến hành 02 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong kỳ;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh;
- Thẩm tra báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong kỳ của Công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB), Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và Quản trị Rủi ro (QTRR);
- Thẩm định kế hoạch thành lập Trung tâm Vận hành Giao dịch và Khối Bán lẻ.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2023 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ và người có liên quan thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin trước và sau khi giao dịch cổ phiếu SSI. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, UBKT sẽ tập trung vào những công việc sau:

- Tiếp tục phối hợp với kiểm toán độc lập rà soát phạm vi và nội dung công việc của kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong năm;
- Thẩm tra các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của năm 2024.

HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT;
- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
- Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
- Thường xuyên gặp gỡ Ban Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Ban Tổng giám đốc;
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên HĐQT với Chủ tịch HĐQT;
- Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong HĐQT;
- Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập HĐQT được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty;
- Tham gia quản lý, điều hành các hoạt động của UBKT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên về các mặt hoạt động, bao gồm đánh giá về hệ thống KSNB và QTRR;
- Thẩm định kế hoạch thành lập Trung tâm Vận hành Giao dịch và Khối Bán lẻ.

Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Vào cuối năm 2023, các tổ chức quốc tế hầu hết đã dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022. Tại Việt Nam, mặc dù không đạt được mục tiêu đề ra là tăng trưởng GDP cả năm 2023 đạt 6,5%, nhưng kết quả tăng trưởng GDP 5,05% là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, quy mô nền kinh tế hiện hành đạt 10.221,8 nghìn tỷ VNĐ, tương đương 430 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Với TTCK Việt Nam, năm 2023 là năm có nhiều biến động. Sau khi chỉ số VN-Index lập đỉnh vào giữa tháng 9 với 1.250 điểm, nhịp điều chỉnh mạnh vào nửa cuối tháng 9 và tháng 10/2023 khiến chỉ số VN-Index mất hết thành quả tăng điểm trước đó và dần hồi phục vào tháng 11. Kết phiên 29/12/2023, cũng là ngày giao dịch cuối cùng năm nay, VN-Index dừng lại mốc 1.129,93 điểm, tăng 12% so với phiên cuối năm 2022.

Mặc dù phải đối mặt với những biến động trên, tình hình hoạt động kinh doanh của của SSI vẫn vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết thúc năm 2023, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm 2023 ước đạt 2.849 tỷ VNĐ. Tại ngày 31/12/2023, tổng tài sản của SSI đạt hơn 69.241 tỷ VNĐ, trong đó vốn chủ sở hữu đạt hơn 23.241 tỷ VNĐ. Trong năm 2023, quy mô vốn điều lệ của SSI cũng tăng từ 14.911 tỷ VNĐ lên 15.011 tỷ VNĐ.

Kết quả kinh doanh nói trên đã phản ánh những nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty trong năm 2023 khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến, bao gồm:

- Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến, bao gồm từ cung cấp thông tin thị trường, mở tài khoản giao dịch, chuyển tiền điện tử, tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch, thanh toán sau giao dịch;
- Cung cấp các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng giao dịch điện tử và nhu cầu của các nhà đầu tư mới tham gia thị trường;
- Gia tăng quy mô vốn qua việc huy động tăng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm bảo đảm an toàn tài chính và bắt kịp với sự gia tăng quy mô thị trường, đáp ứng nhu cầu vốn của nhà đầu tư;
- Hạn chế rủi ro, quản lý chặt chẽ giao dịch ký quỹ;
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2023 như trên, không thể không kể đến sự đóng góp của Ban Tổng giám đốc, các thành viên trong Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên của SSI. Hội đồng Quản trị đánh giá cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa rủi ro của Ban Tổng giám đốc năm vừa qua cũng như hiệu quả chuyển đổi các quy trình hoạt động từ trực tiếp sang môi trường Internet, tạo tiền đề cho chuyển đổi số và gia tăng các trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm mới trong năm 2024. Các kênh báo cáo, quản trị, giám sát cũng được thực hiện qua kênh online để đảm bảo yêu cầu quản trị. Công ty đã thành lập Trung tâm Vận hành Giao dịch và Khối Bán lẻ nhằm tối ưu nguồn lực, quản lý kinh doanh theo hướng tập trung và đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch của khách hàng. Công ty đã tăng quy mô vốn hoạt động và không để xảy ra tổn thất về tài chính trong tình hình thị trường có nhiều biến động.

Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2024

HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2024 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn, hướng đến các tập khách hàng có nhu cầu chuyên biệt;
- Tận dụng thế mạnh về quy mô vốn để cung cấp các sản phẩm độc đáo cho khách hàng;
- Rà soát cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực phù hợp với mô hình kinh doanh đổi mới;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của cổ đông và nguồn vốn vay;
- Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới như thanh toán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, giao dịch trong ngày, v.v…
- Tiếp tục hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các bên liên quan.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Quỹ hoạt động của HĐQT SSI được ĐHĐCĐ thông qua là 5 tỷ VNĐ cho năm tài chính 2023, theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 của ĐHĐCĐ.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiêm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)		✓	✓		✓	✓
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc		✓	✓		✓	✓
3	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	✓			✓		
4	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	✓			✓		
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	✓			✓		
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	✓					

THÙ LAO & TIỀN LƯƠNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2023

Chi tiết về thù lao và tiền lương của từng thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc SSI năm 2023 như sau:

Họ tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	7.020.421.000	-
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6.341.400.000	-
Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	-	741.000.000
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	-	1.374.333.335
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI THEO KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của Quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

PHÂN BỔ ESOP ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ chấp thuận của ĐHĐCĐ, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những Cán bộ Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ đợt phát hành ESOP 2022 hoàn thành vào ngày 01/03/2023, các thành viên HĐQT đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	500.000
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	400.000
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	50.000
Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	20.000
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty, chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác, chế độ khám sức khỏe định kỳ, v.v...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA SSI

Năm 2023 khởi đầu với tâm lý kém tích cực của các thành viên thị trường do ảnh hưởng tiêu cực từ các sự kiện xảy ra vào giai đoạn cuối năm 2022. Các điều kiện vĩ mô trong nước và thế giới đều có nhiều khó khăn như lãi suất vay bằng VND ở mức cao trong giai đoạn đầu năm 2023 bên cạnh đó là FED liên tục tăng lãi suất tạo áp lực lên tỷ giá. Tuy nhiên, với sự điều hành quyết liệt và linh hoạt của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các yếu tố vĩ mô trong nước đã dần ổn định, và đặc biệt là mặt bằng lãi suất đã hạ về mức thấp hơn cả trước khi có Covid 19 trong những tháng cuối năm và tỷ giá vẫn được duy trì ổn định. Sau giai đoạn những tháng đầu năm 2023, TTCK cũng đã dần hồi phục và tăng trưởng, cụ thể VN-Index đã tăng 12,2% từ 1.007,09 điểm tại thời điểm cuối năm 2022 lên 1.129,93 điểm cuối năm 2023. Với đội ngũ nhân sự mạnh và có chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo để nắm bắt thời cơ, cũng như kịp thời ứng phó với các rủi ro bất ngờ của thị trường, Công ty đã tiến hành điều chỉnh các chính sách phù hợp. Nhờ đó năm 2023 tiếp tục là một năm chứng kiến sự tăng trưởng mạnh của SSI về dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ cũng như lợi nhuận và các rủi ro tiếp tục được hạn chế ở mức thấp nhất, luôn nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt và đặc biệt là không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

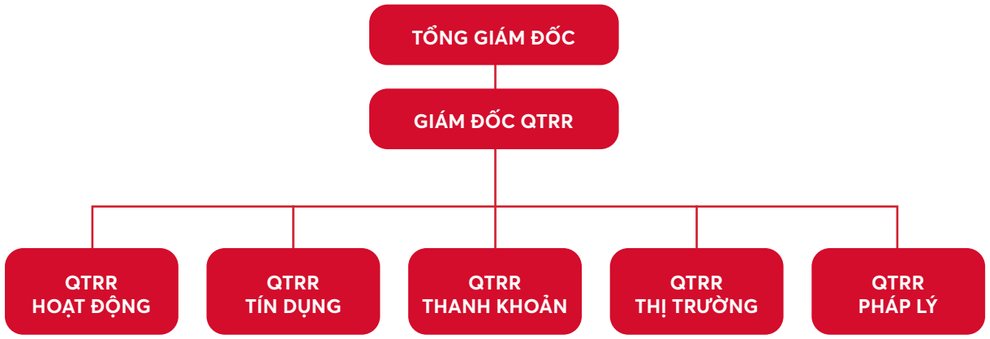
Trong năm 2023, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của Công ty tiếp tục được đánh giá lại, hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro tiếp tục được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ của Công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các Bộ phận Kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận KSNB và KTNB.

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước như sau:

1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai;
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng quản trị rủi ro dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ;
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh;
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, KTNB, KSNB;
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật;
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới, v.v…

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước;
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần;
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu;
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất Công ty có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước nếu có;
- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng giám đốc phê duyệt.

Tổng giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cả hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận kinh doanh - nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro, v.v…

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- Chấp nhận rủi ro: Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro;
- Tránh rủi ro: Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty;
- Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai;
- Chia sẻ rủi ro: Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời;

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát

1 **Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro và/ hoặc nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro;**

2 **Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện;**

3 **Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn;**

4 **Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự;**

5 **Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.**

Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của SSI là: Rủi ro thị trường, Rủi ro tín dụng, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro tuân thủ, Rủi ro pháp lý, Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, Rủi ro thương hiệu, Rủi ro quản trị nguồn nhân lực. Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, không sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên nên Rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

Chi tiết mỗi loại rủi ro trọng yếu cùng cách thức kiểm soát và kết quả năm 2023 sẽ được trình bày dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về tỷ giá, lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.



Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2023 hơn 23.241 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 69.241 tỷ VNĐ, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Năm 2023 lãi suất bằng VNĐ đã ở mức cao vào tháng đầu năm sau đó giảm dần đặc biệt là vào các tháng cuối năm lãi suất huy đông và cho vay đã giảm mạnh, tuy nhiên SSI vẫn tiếp tục tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, xu hướng tỷ giá, lãi suất, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán.

Trong năm 2023, SSI cũng chủ động giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI tiếp tục cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Điều hành tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty v.v…

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

TTCK Việt Nam năm 2023 đã có sự phục hồi nhất định nhờ sự ổn định của các yếu tố vĩ mô như tỷ giá và lạm phát. Đồng thời, việc lãi suất huy động giảm nhanh cũng góp phần hỗ trợ cho thị trường trên phương diện dòng tiền. Giai đoạn tháng 6-8/2023 đã ghi nhận mức tăng tốt nhất của TTCK VIệt Nam với mức tăng xấp xỉ 17% của chỉ số VN-Index. Tuy nhiên TTCK đã không thể đóng cửa năm 2023 ở mức cao nhất năm. Cụ thể, thị trường chỉ dừng lại ở mức điểm 1.129,93, tương đương mức tăng 12,2% so với cuối năm 2022.

Dù vậy, với cách tiếp cận thận trọng xuyên suốt trải qua nhiều giai đoạn thị trường khác nhau từ quá khứ, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ biến động thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Từ đó, năm 2023 không ghi nhận trường hợp khách hàng nào giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán dẫn tới rủi ro tín dụng cho Công ty.

Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Năm 2023, SSI tiếp tục duy trì vị thế trong là một trong những công ty dẫn đầu thị trường về giá trị phát hành và giá trị giao dịch với 42 mã chứng quyền có bảo đảm hoàn thành việc đáo hạn trong năm và 55 mã chứng quyền được phát hành mới. Xét riêng trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI luôn nằm trong Top 3 các nhà phát hành có chứng quyền được nhà đầu tư lựa chọn giao dịch nhiều nhất tương ứng với thị phần từ 20% – 30% tùy thời điểm.

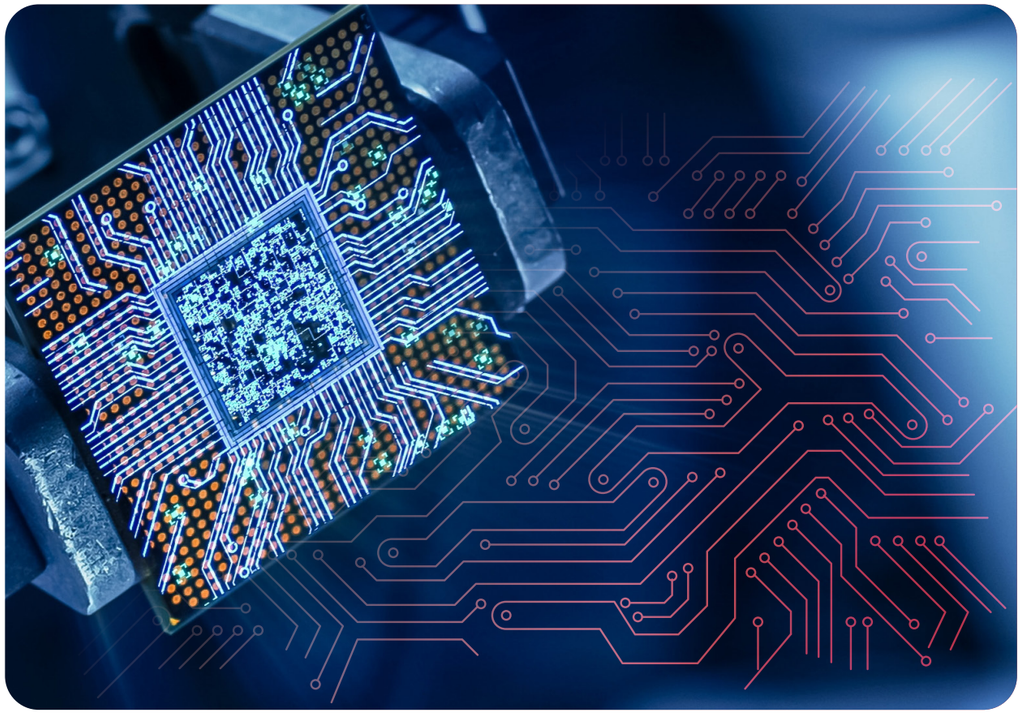
Để duy trì được thành tích trên trong năm qua, SSI đã phối hợp nhịp nhàng giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo nhà đầu tư có thể mua bán các chứng quyền do SSI phát hành với khối lượng giao dịch lớn một cách dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị được rủi ro thị trường do biến động của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra SSI cũng thực hiện các phân tích thống kê, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể. Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hằng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, và được báo cáo hàng ngày cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, khách hàng giao dịch phái sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị ký quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời, đầu tư tiền của công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các tổ chức tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi tổ chức tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 23 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.



Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu;
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi có thông tin xấu liên quan đến cổ phiếu và/hoặc nhóm ngành cụ thể;
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
  - hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
  - hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ v.v…
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Với chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, luôn chú trọng điều tiết chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường nên mặc dù thị trường có những biến động giảm mạnh cũng như có những cổ phiếu biến động giá giảm mạnh nhưng đã không có bất cứ rủi ro nào xảy ra với hoạt động cho vay của SSI, năm 2023 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ, và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất.

Trong năm 2023, với nguồn vốn dồi dào do đó các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn tiếp tục được tận dụng linh hoạt, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2023 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 357% đến 480%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.

Tỷ lệ vốn khả dụng năm 2023

Tháng	Tỷ lệ
1	417%
2	452%
3	470%
4	480%
5	466%
6	464%
7	448%
8	466%
9	438%
10	380%
11	357%
12	383%

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin cũng như đưa ra các cảnh báo.

	Báo cáo	Tần suất
Kế toán	▪ Báo cáo số dư tiền các tài khoản ngân hàng;	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo số dư tiền nhà đầu tư tại SSI	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	▪ Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	▪ Báo cáo dòng tiền đầu ngày	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo kế hoạch dòng tiền	▪ Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	▪ Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo thanh toán cổ tức	▪ Khi có phát sinh
	▪ Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	▪ Hàng ngày và khi có phát sinh
	▪ Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của nhà đầu tư	▪ Khi có phát sinh
	▪ Báo cáo thanh toán bù trừ	▪ Hàng ngày
	▪ Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	▪ Khi có phát sinh
	▪ Báo cáo nguồn cho vay margin còn lại	▪ Hàng ngày
Quản trị Rủi ro	▪ Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	▪ Hàng tháng
	▪ Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	▪ Hàng ngày/Hàng tháng
	▪ Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền, v.v…)	▪ Hàng tháng

RỦI RO BẢO MẬT THÔNG TIN & AN NINH MẠNG

Năm 2023, Việt Nam và thế giới chứng kiến xu hướng đáng báo động về rủi ro an ninh mạng. Nhiều cuộc tấn công từ tin tặc quốc tế với đa dạng hình thức nhằm vào các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính. Nhận thức rõ rủi ro từ các cuộc tấn công này, hệ thống bảo mật thông tin của SSI liên tục củng cố khả năng phòng thủ, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục cho SSI. Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng an ninh mạng cũng như nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia bảo mật nhằm bảo vệ lợi ích của các bên liên quan trong bối cảnh kỹ thuật số ngày càng phát triển.

Tấn công mạng (Cyber-attacks)

Bộ phận CNTT tiếp tục duy trì và nâng cao chiến lược bảo mật thông tin để giảm thiểu thời gian thăm dò và xử lý các sự cố bảo mật thông tin. Dưới đây là các mục tiêu chính mà Bộ phận đã đạt được trong năm 2023:

- Liên tục điều chỉnh chính sách bảo mật thông tin;
- Tích cực tiến hành phát hiện, ngăn chặn và loại bỏ các mối đe dọa trên hệ thống thông tin SSI;
- Cải tiến liên tục khả năng theo dõi và giám sát mạng và điểm cuối;
- Triển khai hoạt động mô phỏng tấn công nội bộ (Red Team), tập trung thử nghiệm xâm nhập vào các hệ thống có mức độ bảo mật phần mềm khác nhau nhằm phát hiện, ngăn chặn và loại bỏ các lỗ hổng bảo mật;
- Tập trung vào chiến lược tự động hóa trong vận hành và ứng phó sự cố;
- Tham gia diễn tập phòng thủ mạng hai lần;
- Ngăn chặn hiệu quả hai cuộc tấn công có chủ đích;
- Phương pháp tích hợp kiểm thử bảo mật ở mọi giai đoạn của quy trình phát triển phần mềm DevSecOps được nhúng vào hệ thống tích hợp liên tục CICD đã hợp lý hóa quá trình tự động phát triển hệ thống nội bộ từ đầu đến cuối;
- Rà soát và cải tiến cơ sở vật chất CNTT nhằm tuân thủ Quyết định 379/QD-2021-UBCK (56 điều khoản).



Mối đe dọa nội bộ (Insider Threat)

Tiếp tục các mục tiêu chiến lược đã xác lập năm 2022, SSI tiếp tục tăng cường các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động của các mối đe dọa nội bộ.

- Liên tục điều chỉnh chính sách nhằm ngăn ngừa mất dữ liệu (DLP – Data Loss Prevention);
- Liên tục điều chỉnh chỉnh sách nhằm theo dõi hành vi bất thường của người dùng;
- Hoàn thành dự án Nhận thức về An toàn Thông tin, theo định hướng chiến lược An ninh An toàn lấy Con người làm trung tâm.

Hướng tới năm 2024, SSI tiếp tục duy trì sự tập trung vào bảo vệ cả bên ngoài và bên trong.

Tấn công mạng (Cyber-attack)

- Tăng cường chiến lược tự động hóa trong vận hành và ứng phó sự cố;
- Tập trung vào việc cải thiện khả năng phát hiện và ngăn chặn tấn công mạng, đặc biệt là tăng cường khả năng phát hiện và hiển thị bất thường trong giám sát mạng và điểm cuối;
- Tiến hành các cuộc diễn tập tấn công và phòng thủ để xác định các lỗ hổng và lập kế hoạch khắc phục;
- Tăng cường các quy trình và thủ tục sao lưu và phục hồi để đảm bảo khắc phục kịp thời các hệ thống hoặc tài sản bị ảnh hưởng bởi sự cố an ninh mạng;

Mối đe dọa nội bộ (Insider Threat)

- Cải thiện an ninh lấy con người làm trung tâm, coi con người là vành đai bảo mật quan trọng, giúp mỗi nhân viên có quyền tự chủ trong việc xử lý thông tin, sử dụng thiết bị và áp dụng các biện pháp bảo mật.

Rủi ro công nghệ và rủi ro nhận thức

- Nghiên cứu và triển khai công nghệ mới nhất có tính sẵn sàng và dự phòng cao, đặc biệt tập trung vào khả năng phục hồi ngay lập tức;
- Tận dụng các công nghệ mới, làm mới và tinh chỉnh kiến trúc CNTT.

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro tuân thủ là một trong các hoạt động luôn được Công ty đặc biệt chú trọng nhằm ngăn ngừa vi phạm quy định pháp luật và nâng cao hình ảnh, danh tiếng của Công ty. Bộ phận Kiểm soát tuân thủ (KSTT) của Công ty chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật, phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tác động từ các thay đổi, triển khai, truyền thông, đào tạo và giám sát trong toàn Công ty nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, duy trì tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, bảo vệ tài sản của khách hàng và của Công ty.

Các điểm nổi bật trong công tác kiểm soát rủi ro tuân thủ năm 2023 được ghi nhận như sau:

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh được cấp phép, mà còn các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Công ty như quy định về thuế, lao động, v.v...

2. KSTT đã thực hiện thường xuyên các đợt kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị kinh doanh và bộ phận hỗ trợ trong năm 2023. Báo cáo của KSTT sau các đợt kiểm tra, kiểm soát đều được trao đổi với các đơn vị và báo cáo đến các cấp quản lý có liên quan. Qua đó, bên cạnh việc ghi nhận các đơn vị đã tuân thủ quy trình, quy định nội bộ, KSTT đã kịp thời đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm gia tăng các chốt kiểm soát, khắc phục các lỗ hổng được phát hiện, đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp tình hình hoạt động của Công ty. Theo đó, nhiều quy trình nghiệp vụ đã được điều chỉnh, bổ sung nhằm ngăn ngừa tốt hơn các vi phạm, rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Ban hành Quy chế phòng, chống rửa tiền thay thế Quy chế phòng, chống rửa tiền được ban hành trước đó, trong đó đưa ra các quy định, yêu cầu nội bộ nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022 có hiệu lực từ 01/03/2023 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân có hiệu lực từ 01/07/2023, Công ty đã tổ chức đào tạo, phổ biến quy định cho nhân viên, rà soát các quy trình, quy chế và cơ chế thu thập, quản lý dữ liệu cá nhân hiện hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nghị định này. Quy chế Bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành nhằm đưa ra các tiêu chuẩn và yêu cầu mà Công ty áp dụng để bảo vệ dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu, đảm bảo thông tin được thu thập liên quan đến chủ thể dữ liệu được xử lý theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật. Công ty cũng đã lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Thành lập Hội đồng Quản trị dữ liệu nhằm hỗ trợ hành trình của SSI hướng tới mục tiêu trở thành công ty định hướng dữ liệu, là cơ sở trong các hoạt động của Công ty thông qua việc đảm bảo tất cả các chính sách và các hoạt động triển khai của Công ty phù hợp với các thông lệ về quản lý dữ liệu cũng như hỗ trợ các mục tiêu và định hướng chiến lược của Công ty.

6. Xây dựng hệ thống quản lý, ban hành hướng dẫn kiểm soát nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin trước và sau giao dịch của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.

Công ty luôn theo dõi, cập nhật quy định mới, đón đầu xu hướng rủi ro và nhu cầu thị trường từ đó đánh giá tác động và có những phương án và cách thức kiểm soát phù hợp. Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2023 và tiếp tục thực hiện trong năm 2024



Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về vi phạm quyền riêng tư, lộ lọt dữ liệu cá nhân của các chủ thể dữ liệu mà SSI được tiếp cận/xử lý	Xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết đối với các hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Công ty; Ban hành các chính sách, quy định, hướng dẫn và biện pháp để bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo dõi, giám sát đầy đủ nhằm đảm bảo việc triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện theo các quy định, kế hoạch được phê duyệt; Triển khai các hoạt động đào tạo, nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn Công ty; Đảm bảo các hoạt động kiểm tra tuân thủ liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện đầy đủ nhằm khắc phục kịp thời các thiếu sót, lỗ hổng được phát hiện liên quan đến dữ liệu cá nhân.
2	Rủi ro tuân thủ các tiêu chuẩn của bên thứ ba đối với một số hoạt động mà SSI có thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ	Công ty yêu cầu thẩm định, xem xét, đánh giá năng lực của các chuỗi cung ứng dịch vụ để xác định những rủi ro tiềm ẩn nhằm bảo vệ Công ty khỏi các cuộc tấn công mạng hoặc các sự kiện truyền thông bất lợi; Hợp đồng với bên thứ ba luôn được yêu cầu phải có tính ràng buộc về mặt pháp lý và tuân thủ các quy định như bảo vệ dữ liệu cá nhân/quyền riêng tư, phải có các điều khoản liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng, an ninh mạng và các rủi ro tuân thủ thiết yếu khác; Thực hiện thủ tục giám sát hiệu quả của nhà cung cấp và quản lý quyền truy cập của họ vào dữ liệu nhạy cảm bằng cách đảm bảo áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo mật và kiểm soát phù hợp.
3	Rủi ro vi phạm quản lý dữ liệu nội bộ	Công ty đã xây dựng hệ thống giám sát, phát hiện nhanh và ngăn chặn các hành vi vi phạm, đánh cắp hoặc phá hủy dữ liệu nhạy cảm ngoài ý muốn. Các hệ thống quản trị dữ liệu, thiết bị làm việc tại Công ty được áp dụng các chính sách bảo mật mạnh mẽ; phân loại và mã hóa dữ liệu. Công ty áp dụng các biện pháp an toàn, an ninh mạng, ứng phó sự cố nhằm giảm thiểu tác động, hạn chế rủi ro về vi phạm dữ liệu.
4	Rủi ro vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, đặc biệt rủi ro khi thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với khách hàng thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo	Công ty đã xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng nhằm hỗ trợ nhân viên, các bộ phận cập nhật, theo dõi và quản lý thông tin khách hàng hiệu quả, kịp thời; Công ty có mua tài khoản đăng nhập cơ sở dữ liệu World-Check để kiểm tra đối chiếu, sàng lọc thông tin khách hàng nhằm phát hiện các trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, ngăn chặn thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với khách hàng thuộc danh sách bị cấm; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị nhằm đảm bảo tuân thủ quy định nội bộ và quy định pháp luật về phòng chống, rửa tiền; Tăng cường đào tạo, phổ biến trong nội bộ đối với nhân viên mới và nhân viên hiện hữu nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên trong công tác phòng, chống rửa tiền, đặc biệt chú trọng đối với công tác nhận biết khách hàng và phát hiện các dấu hiệu đáng ngờ, các thủ tục báo cáo giao dịch đáng ngờ cũng như các rủi ro mà tổ chức phải đối mặt nếu vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền.
5	Rủi ro áp dụng các thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty	Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới, đặc biệt là các văn bản, hướng dẫn cụ thể các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp; Rà soát các quy trình, quy chế nội bộ, đối chiếu với các quy định mới của pháp luật, tổng hợp các nội dung có sự mâu thuẫn hoặc chưa được hướng dẫn rõ ràng; Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty; Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng quy định của toàn thể nhân viên, phòng ban của Công ty.
6	Xung đột lợi ích giữa Công ty – Đối tác/Khách hàng – Nhân viên	Thực hiện tách biệt văn phòng, con người, dữ liệu của các bộ phận có khả năng gây ra xung đột lợi ích; Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Xây dựng và áp dụng các chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại; Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và những người có liên quan.
7	Rủi ro nhân viên vi phạm quy định của pháp luật, quy trình nghiệp vụ của Công ty	Tăng cường tần suất kiểm soát nội bộ đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro; Ngăn chặn, báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện trường hợp nhân viên có hành vi vi phạm quy định của pháp luật; Rà soát thường xuyên các vi phạm, áp dụng hình thức xử lý kỷ luật công bằng, nghiêm khắc đối với nhân viên vi phạm theo Nội quy lao động và các Quy định nội bộ của Công ty.
8	Rủi ro trong sự sự phát triển mạnh mẽ của sản phẩm, dịch vụ mới áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính	Nghiên cứu các quy định về giám sát của cơ quan quản lý đối với lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) để thiết kế sản phẩm mới phù hợp với quy định; Kiến nghị cơ quan giám sát cập nhật và bổ sung các văn bản pháp lý liên quan tạo điện kiện thuận lợi cho danh nghiệp phát triển; Sử dụng các dịch vụ tư vấn công nghệ và tư vấn pháp lý chuyên ngành để giảm thiểu rủi ro.
9	Rủi ro tuân thủ pháp luật và hợp đồng khi Công ty áp dụng các hình thức giao dịch trực tuyến	Nghiên cứu các quy định về giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến có liên quan, đặc biệt trong các hoạt động như mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến, vấn đề ký hợp đồng điện tử, sử dụng chữ ký số, nhận biết và xác minh khách hàng trực tuyến; Tham khảo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, các đối tác cung cấp dịch vụ trực tuyến uy tín, tin cậy để có được giải pháp tối ưu; Soạn thảo các quy trình liên quan để ràng buộc việc thực hiện một cách chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhân viên, và tạo thuận lợi để khách hàng thực hiện giao dịch; Tăng nguồn lực đầu tư vào công nghệ thông tin để tăng tính hiệu quả của hệ thống giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến.

Bằng việc đưa ra các giải pháp đồng bộ, kết hợp các hình thức truyền thông, đào tạo cũng như kiểm tra, giám sát trực tiếp và trực tuyến, các chính sách của Công ty luôn được truyền đạt nhanh chóng đến mỗi nhân viên, các sai phạm cũng được phát hiện kịp thời và có hình thức nhắc nhở, xử lý phù hợp. Tại SSI, tuân thủ được xem là trách nhiệm của tất cả nhân viên và không giới hạn ở một đơn vị, bộ phận hay nghiệp vụ kinh doanh nào. Toàn thể nhân viên luôn có ý thức tự giác, nghiêm túc trong việc nghiên cứu và tìm hiểu các quy định pháp luật cũng như quy định, chính sách nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo chấp hành, tuân thủ đầy đủ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ các hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót các điều khoản trọng yếu, rủi ro liên quan đến chủ thể ký hợp đồng (người ký không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền được giao) hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.



Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý có thể phát sinh, chi tiết như sau:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động,… Phòng Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền đối với những quy định chưa được cụ thể, rõ ràng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các quy định, nhằm đảm bảo cho công tác tuân thủ pháp luật trong nội bộ doanh nghiệp được thực hiện đúng đắn và đầy đủ;

- Việc rà soát, nhận diện, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn được đặc biệt coi trọng trong tất cả các giai đoạn, bao gồm nhưng không giới hạn khi kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện các bước tiếp theo của những dự án này. Bên cạnh đó, Công ty chủ động thực hiện việc kiểm tra tình hình năng lực tài chính, tư cách pháp lý của đối tác/khách hàng khi thực hiện giao dịch;

- Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng mẫu, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty và tuân thủ quy định pháp luật; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng… của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Phòng Luật nhằm tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật;

- Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Phòng Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề, thiết lập bộ phận luật chuyên trách riêng biệt về kinh doanh, chuyên trách về quản trị doanh nghiệp, các chuyên viên luật có kinh nghiệm cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết;

- Trong bối cảnh các quy định pháp luật mới được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, Phòng luật đã ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Phòng Luật, với sự hỗ trợ của các phòng ban có liên quan, cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được Ban Lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2023, nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra và sẽ tiếp tục thực hiện công tác tuân thủ pháp luật trong năm 2024.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là một trong những định chế tài chính hàng đầu, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị của doanh nghiệp mà còn là một tài sản có giá trị đặc biệt đi cùng với niềm tin. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và phát triển của thương hiệu luôn phải đối mặt với những rủi ro bắt nguồn từ cả yếu tố khách quan và chủ quan.

Rủi ro thương hiệu có thể được hiểu là những sự cố, hoặc yếu tố không thể kiểm soát, tiềm ẩn nguy cơ làm ảnh hưởng đến quản lý thương hiệu và gây tổn thất đáng kể cho hoạt động kinh doanh. Đặc biệt đối với SSI, doanh nghiệp hoạt động trong ngành Tài chính – Chứng khoán, nơi mà sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị rủi ro thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Trải qua 23 năm hoạt động và phát triển, SSI đã nhận diện, phân loại và dự báo các rủi ro thương hiệu mà doanh nghiệp có thể gặp phải, từ đó xây dựng các biện pháp xử lý, kiểm soát hợp lý, góp phần vào việc thực hiện chiến lược thương hiệu thành công.

Phân loại rủi ro		Định nghĩa	Biện pháp
Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân khách quan	Rủi ro bởi yếu tố văn hóa, chính trị, pháp lý và xã hội	Là rủi ro do sự thay đổi của một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới thương hiệu.	Dự đoán và đánh giá ảnh hưởng của các biến cố xảy ra, xác định phương án xử lý làm giảm ảnh hưởng các yếu tố rủi ro vĩ mô đến thương hiệu doanh nghiệp.
	Rủi ro bởi thị trường	Là rủi ro do sự thay đổi bất thường trong nền kinh tế hoặc thị trường nói chung và Thị trường Tài chính – Chứng khoán nói riêng gián tiếp hoặc trực tiếp gây ảnh hưởng tới thương hiệu.	Xây dựng và chuẩn bị các phương án xử lý khủng hoảng, ứng xử với các tình huống bất định của thị trường, đặc biệt liên quan đến những phản ứng và thay đổi thái độ, hành vi của khách hàng và người tiêu dùng.
	Rủi ro bởi đối thủ cạnh tranh	Là rủi ro khi đối thủ đẩy mạnh hoạt động truyền thông hoặc lan truyền các thông tin tiêu cực làm thay đổi quan điểm của công chúng về thương hiệu.	Minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, có quy trình cụ thể trong việc công bố và đính chính thông tin sai lệch.
Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân chủ quan	Rủi ro trong quá trình thiết kế thương hiệu	Bộ nhận diện thương hiệu không đồng bộ thống nhất khi đưa vào phát triển, không được đăng ký bảo hộ trên thị trường, dẫn đến truyền tải không đúng thông điệp, gây nên những sự nhầm lẫn không đáng có cho khách hàng.	Xây dựng bộ quy chuẩn nhận diện thương hiệu, đăng ký bảo hộ các thành tố liên quan đến thương hiệu cũng như tích cực áp dụng các biện pháp phù hợp để chống xâm phạm thương hiệu.
	Rủi ro trong quản lý đặc tính thương hiệu	Doanh nghiệp không đủ năng lực quản lý các tiêu chuẩn và hệ thống đặc tính thương hiệu khiến các yếu tố không nhất quán gây tổn hại đến doanh nghiệp, mâu thuẫn trong truyền tải thông điệp đến cộng đồng, xã hội.	Thiết lập các hệ thống quản trị, các tiêu chuẩn, các biện pháp tiền bảo vệ trong việc quản lý đặc tính thương hiệu; liên tục rà soát, kiểm tra việc triển khai sử dụng các đặc tính thương hiệu tại từng đơn vị, trong từng sản phẩm và dịch vụ của SSI.
	Rủi ro trong xây dựng và quản lý tài sản thương hiệu	Doanh nghiệp đánh mất những giá trị khác biệt của chính mình, không có ưu thế so với đối thủ cạnh tranh trên thị trường.	Tại SSI, việc truyền đạt các giá trị của Công ty được coi là vô cùng quan trọng, thể hiện qua khả năng giao tiếp và thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi. Đây là yếu tố đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy danh tiếng, tạo ra ưu thế cạnh tranh, và đem lại sự khác biệt cho doanh nghiệp. Mỗi cá nhân người SSI, từng mắt xích trong tập thể lớn, đều được coi là một "đại sứ thương hiệu" lan tỏa thương hiệu và thông điệp của Công ty đến khách hàng và đại chúng.

Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân chủ quan *(tiếp)*	Rủi ro trong hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu	Sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về danh tiếng thông qua việc con người có thể làm cho các tin tức phát tán nhanh hơn, dễ dàng, ít tốn kém hơn.	▪ Hoạch định kế hoạch truyền thông, quảng cáo nhằm đảm bảo mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ; ▪ Các tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao, có quy định về công bố thông tin và xử lý khủng hoảng; ▪ Đầu tư kinh phí dành cho các công cụ quản trị thông tin trên internet, công cụ cảnh báo, cũng như có các mục tiêu, mục đích rõ ràng để đảm bảo tính hiệu quả, hạn chế rủi ro cho hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu.
	Rủi ro trong hoạt động mở rộng thương hiệu	Xảy ra khi một công ty mở rộng quá nhanh khiến việc quản trị trở nên khó khăn, thương hiệu sẽ bắt đầu mất đi sức mạnh, trọng tâm, những thuộc tính thích hợp với nhóm khách hàng thân thuộc.	Xây dựng chiến lược và quy trình quản trị thương hiệu chặt chẽ, đảm bảo tính tương quan và hệ thống giữa thương hiệu chính và thương hiệu mở rộng; mở rộng thương hiệu luôn luôn dựa trên nền tảng thương hiệu gốc.

Quản trị rủi ro thương hiệu là hoạt động quan trọng, phức tạp và cần được tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình phát triển của thương hiệu, đặc biệt trong giai đoạn năm 2023 khi TTCK đối mặt với đầy khó khăn và thách thức. Trước bối cảnh đó, việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thương hiệu đã mang tới cho SSI những phương án phòng tránh những nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe thương hiệu, chủ động kiểm soát, ứng phó tình hình nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, gây thiệt hại cho doanh nghiệp

Việc nhận thức, xây dựng và áp dụng chiến lược quản trị rủi ro thương hiệu đem đến cho SSI những lợi ích tích cực như:

- Tránh lãng phí ngân sách do có thể lường trước được những chi phí do tổn thất phát sinh trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu;
- Cung cấp các thông tin, dự báo nguy cơ rủi ro và kịp thời đưa ra những biện pháp xử lý tối ưu giúp SSI nhanh chóng kiểm soát được rủi ro thương hiệu;
- Tạo dựng và củng cố niềm tin cho khách hàng, tăng lòng trung thành với khách hàng cũ cũng như gây ấn tượng tốt với khách hàng tiềm năng;
- Nâng cao hình ảnh, giá trị thương hiệu một cách bền vững.

Trong năm 2023, SSI triển khai rất nhiều các hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu đồng thời tăng cường nhận thức cho khách hàng về các trường hợp giả mạo thương hiệu. Điều này đảm bảo hoạt động quản trị sức khỏe thương hiệu đạt hiệu quả tối ưu. Các hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như:

Hoạt động truyền thông đã thực hiện	Kết quả
Các chương trình truyền thông, quảng cáo, khuyến mãi, v.v… trên mạng xã hội	▪ Hơn 194.336 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI, tương đương hơn 57% thị phần thảo luận của toàn thị trường; ▪ Tỷ lệ thảo luận tích cực chiếm 13,1% tổng thảo luận
Các bài báo trích dẫn báo cáo, nhận định từ chuyên gia, các chương trình tư vấn của SSI hỗ trợ nhà đầu tư	▪ Thực hiện gần 60.000 tin bài; ▪ Tuyến chương trình tư vấn cho nhà đầu tư: Café Chứng, Bí mật đồng tiền, Đóng bảng cuối tuần, Gõ cửa tháng mới….
Các hoạt động công bố thông tin	▪ Hoàn thành đầy đủ các công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ; ▪ Đảm bảo tính minh bạch, khách quan, trung thực.
Rà soát và kiểm định lại hệ thống nhận diện thương hiệu	▪ Củng cố và bảo vệ tốt hơn hình ảnh và giá trị thương hiệu; ▪ Tạo sự nhất quán cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
Hoạt động xử lý khủng hoảng	▪ Chủ động dự báo, đánh giá các khủng hoảng khách quan; ▪ Quy trình xử lý với kịch bản rõ ràng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.
Kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của nhà đầu tư và khách hàng	▪ Chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch; ▪ Thu thập và nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.
Hoạt động xử lý giả mạo thương hiệu ▪ Ban hành, đào tạo các quy định, quy chế về quản trị thông tin; ▪ Triển khai đào tạo các khóa học như: Khóa học QTRR & KSTT, bao gồm các nội dung về Đạo đức nghề nghiệp, PCRT, Phòng chống rủi ro gian lận; Khóa học đào tạo hội nhập về lịch sử hình thành, các tôn chỉ, mục đích, văn hóa của SSI; Khóa học Đào tạo thương hiệu SSI; Khóa học Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và Khóa đào tạo về Trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực Chứng khoán.	▪ Áp dụng triệt để quy trình xử lý các hoạt động giả mạo thương hiệu SSI ▪ Truyền thông cảnh báo và xây dựng các tuyến nội dung tăng nhận thức dành cho khách hàng về các trường hợp giả mạo thương hiệu, hình thức lừa đảo. Hoạt động giúp khách hàng phòng tránh nguy cơ bị lừa đảo, đồng thời khẳng định sự đồng hành của thương hiệu SSI trong các vấn đề về tăng nhận thức trước nguy cơ tấn công của các đối tượng giả mạo. ▪ Ban hành Quy định về báo cáo và công bố thông tin; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin trên báo chí; Nguyên tắc quản trị sự cố truyền thông; Quy trình xử lý sự cố rò rỉ thông tin (Data leak); Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội; ▪ 100% nhân viên tham gia đào tạo.

Quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro thương hiệu nói riêng là hoạt động quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Do đó, SSI luôn duy trì áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro thương hiệu; hoàn thiện và nâng cấp các quy trình xử lý và đào tạo, cũng như liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; không ngừng xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa khách hàng, cổ đông, cộng đồng làm tiền đề cho chiến lược quản trị rủi ro thương hiệu một cách hiệu quả và bền vững.

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Công tác quản trị nhân sự tại SSI thường xuyên đối mặt với những thách thức mới, cơ hội mới do bối cảnh kinh doanh mang lại khi thị trường lao động luôn trong trạng thái cạnh tranh mạnh mẽ, các công ty đều đẩy mạnh thu hút, tuyển dụng nhân sự tốt từ đối thủ hoạt động cùng ngành. Đồng thời việc đảm bảo thu nhập, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho mỗi cán bộ, nhân viên cũng là trọng tâm trong công tác quản trị nguồn nhân lực.

Đứng trước những thách thức trong việc duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Công ty đã lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.

Hoạt động quản trị nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Lương thưởng và chế độ phúc lợi	Ảnh hưởng tài chính	Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi; Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định; Kiểm soát ngân sách để đảm bảo chính sách được duyệt không vượt quá ngân sách đã định; Xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Positon – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc) nhằm tránh việc trả lương theo bằng cấp, thâm niên mà thay vào đó chi trả dựa trên năng lực, đóng góp của cá nhân vào việc hiện thực hóa mục tiêu của doanh nghiệp; Xây dựng các cơ chế chi trả lương doanh số phù hợp với từng lực lượng kinh doanh; định kỳ đánh giá, điều chỉnh phù hợp với mục tiêu từng thời kỳ, gắn thu nhập của nhân viên với hiệu quả công việc và hiệu quả tài chính.
Tuyển dụng	Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng	Quy trình và tiêu chí sàng lọc xét chọn hồ sơ và tuyển dụng được chuẩn hóa, định kì rà soát và yêu cầu áp dụng đối với tất cả các ứng viên.
	Tuyển chọn sai đối tượng	Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc.
	Uy tín và danh tiếng tuyển dụng	Thực hiện đúng những điều kiện/cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Môi trường làm việc	Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp; Các văn phòng được định kỳ phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ bùng phát các bệnh truyền nhiễm như Covid-19, sốt xuất huyết, cúm v.v…. Máy lọc không khí được trang bị như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho cán bộ nhân viên; Tuân thủ theo Luật an toàn, vệ sinh lao động Nhà nước ban hành.

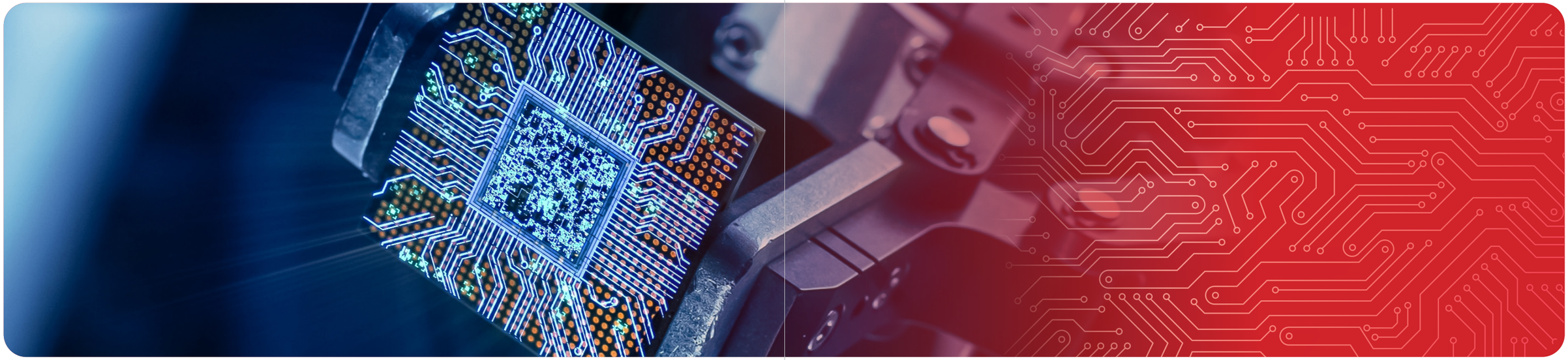
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe(tiếp)	Sức khỏe người lao động	Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết; Tuân thủ luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế để đảm bảo cho người lao động trong các trường hợp được hưởng đầy đủ quyền lợi theo từng chế độ được nhà nước quy định, đặc biệt là các chế độ ốm đau, thai sản, v.v… Duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động với quyền lợi cao, cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo và hỗ trợ về mặt tài chính cho người lao động đủ điều kiện khám chữa bệnh trọng điều kiện tốt.
Quản lý nhân viên	Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/đào tạo cần thiết để thực hiện công việc	Nhân sự mới đều được yêu cầu tham gia các khóa đào tạo dành cho nhân viên mới bao gồm: Đào tạo hội nhập, Đào tạo các quy định, quy trình, hướng dẫn áp dụng chung cho toàn Công ty v.v…, và có thể tra cứu lại thông tin bất cứ lúc nào thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến SSI E-Learning; Trong quá trình làm việc, các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo nội bộ hoặc đào tạo bên ngoài, và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
	Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc	Tất cả vị trí trong Công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống Đánh giá Hiệu quả Công việc (PMS) và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhóm chuyên viên tư vấn chứng khoán được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm.
	Dự phòng nhân sự	Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận, phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa hoặc thay thế tạm thời trong trường hợp vắng mặt.
	Thiếu hụt nhân sự	Phát triển và hoàn thiện nhiều kênh đăng tuyển, ứng tuyển trực tuyến; kết nối với các cộng đồng tuyển dụng; hợp tác hiệu quả với các đối tác trong lĩnh vực tuyển dụng để tiếp cận, kết nối với ứng viên tiềm năng;

	Thiếu hụt nhân sự (tiếp)	Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phối hợp với nhiều trường đại học lớn trên cả nước và một số tổ chức du học sinh quốc tế nhằm triển khai các chuỗi chương trình hợp tác đa chiều, thường niên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam v.v… theo định hướng xây dựng thương hiệu tuyển dụng mạnh, thu hút nguồn nhân lực giàu sức trẻ, năng động và sáng tạo, tạo nguồn ứng viên tiềm năng trong tương lai; Củng cố chính sách đãi ngộ tổng thể khuyến khích và gắn kết quyền lợi người lao động với kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chính sách lương, thưởng và chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi; Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ để xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc, xây dựng đội ngũ kế cận.
	Vi phạm quy tắc đạo đức	Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm.
	Bảo mật thông tin cá nhân/ Bảo vệ dữ liệu của tổ chức	Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền; Mọi nhân viên đều được ký Hợp đồng Lao động và Thỏa thuận Bảo mật đầy đủ khi làm việc tại doanh nghiệp, đồng thời được đào tạo về bảo mật an ninh thông tin hàng năm; Áp dụng quy trình quản lý tài liệu, văn bản chặt chẽ, phân quyền truy cập, xem, tải văn bản tùy thuộc vào phạm vi công việc của nhân viên.
Đối với nhân viên nghỉ việc	Thất thoát tài sản của Công ty	Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin); Thiết lập các hệ thống cảnh báo nhằm phát hiện rủi ro khi nhân viên sắp nghỉ việc có hành động có thể gây thất thoát dữ liệu của Công ty.
	Danh tiếng Công ty	Tiến hành phỏng vấn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của Công ty.

Đối với SSI, tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. SSI đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Bộ phận Nhân sự cũng thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số Đo lường Hiệu quả Công việc (KPIs), Cam kết Chất lượng Dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ. Đồng thời, các chương trình rà soát đánh giá đội ngũ, tái thiết kế mô hình vận hành, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận nhằm nâng cao chất lượng của bộ máy và tăng hiệu quả của nhân sự, tiết giảm chi phí vận hành cũng được Công ty chú trọng triển khai.

Kênh Truyền thông Nội bộ được duy trì để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI, gắn kết đội ngũ nhân sự với các mục tiêu của tổ chức. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự. Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, SSI tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.





KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 2024

Trong năm 2024, hoạt động quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được cập nhật, nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với thực tế kinh doanh của SSI cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong năm 2024, hệ thống giao dịch mới KRX dự kiến đi vào hoạt động có thể mở ra cơ hội cho một số sản phẩm mới như giao dịch không ký quỹ (non-prefunding). SSI cũng đã tiến hành nghiên cứu và đầu tư chuẩn bị triển khai các sản phẩm mới, đồng thời liên tục cải tiến, cập nhật các sản phẩm dịch vụ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng. Sự tăng trưởng về đội ngũ nhân sự, số lượng khách hàng, cùng với sự gia tăng về số lượng các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ, năm 2024 Công ty có thể tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, quy trình, và con người. Các hoạt động giả danh SSI của các đối tượng bên ngoài để tiến hành các hoạt động lừa đảo vẫn là rủi ro thường trực nên SSI vẫn liên tục thực hiện các cảnh báo đến khách hàng cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Năm 2024 được kỳ vọng với nhiều tín hiệu phục hồi của kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới cũng như những kỳ vọng về việc TTCK Việt Nam được nâng hạng. Tuy nhiên, thị trường vẫn luôn tồn tại những yếu tố rủi ro bất ngờ khó dự đoán và/hoặc sự kiện rủi ro xảy ra ảnh hưởng tới thị trường và/hoặc nhóm ngành và/hoặc doanh nghiệp cụ thể.

Dự nợ cho vay giao dịch ký quỹ của SSI thời điểm cuối năm 2023 đã tăng khoảng 32% so với thời điểm cuối năm 2022 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2024 nên các nguy cơ rủi ro từ hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ cũng tăng lên.

Với nguồn vốn dồi dào được sử dụng một cách hợp lý và linh hoạt để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, các hoạt động đầu tư giấy tờ có giá tiếp tục được thực hiện trong năm 2024. Bên cạnh đó nguồn vốn được phân bổ cho các hoạt động kinh doanh khác một cách linh hoạt nên rủi ro thanh khoản vẫn luôn tiềm ẩn và cần được chú trọng đánh giá, giám sát liên tục.

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đang phát triển, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn đa chiều, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn cần cải thiện.

Thế giới, Việt Nam và tại SSI đã và đang tiếp tục có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang việc áp dụng công nghệ vào trong các sản phẩm kinh doanh cũng như mọi hoạt động hàng ngày nên sẽ có ngày càng nhiều hơn các hệ thống cũng như mức độ phức tạp ngày càng tăng dẫn tới sẽ phát sinh nhiều hơn các rủi ro mới liên quan đến hệ thống công nghệ và an toàn hệ thống. Điều này đòi hỏi nhà QTRR phải có kiến thức sâu hơn về công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, các rủi ro ngoài khả năng dự đoán của con người như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn gây ra các rủi ro đột ngột và khó chống đỡ.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2024 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa dựa trên những bài học thực tế đã triển khai trong những năm trước, bổ sung/hoàn thiện hệ thống chính sách/quy trình quản trị rủi ro cho các hoạt động kinh doanh/sản phẩm dịch vụ mới. Cùng với đó, các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình tiếp tục được thực hiện. Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa rủi ro từ các yếu tố bên ngoài như các hoạt động tuyên truyền, cảnh báo đến toàn bộ khách hàng, nhân viên SSI về các hoạt động lừa đảo mạo danh SSI, liên tục rà soát đánh giá mức độ an toàn của các hệ thống Công nghệ Thông tin để có nâng cao khả năng phòng chống xâm nhập từ bên ngoài.

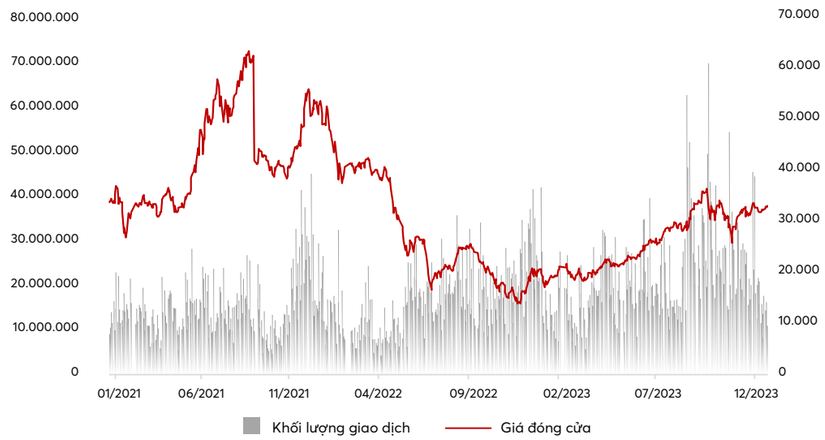
Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro ở một số ngành và/hoặc doanh nghiệp cụ thể, mức độ rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Các hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, kinh doanh chứng quyền được Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ phận kinh doanh để kịp thời đưa ra ý kiến đánh giá, cảnh báo và phong ngừa rủi ro cho các hoạt động này.

Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo công ty luôn có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ và không xảy ra rủi ro thanh khoản, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2023

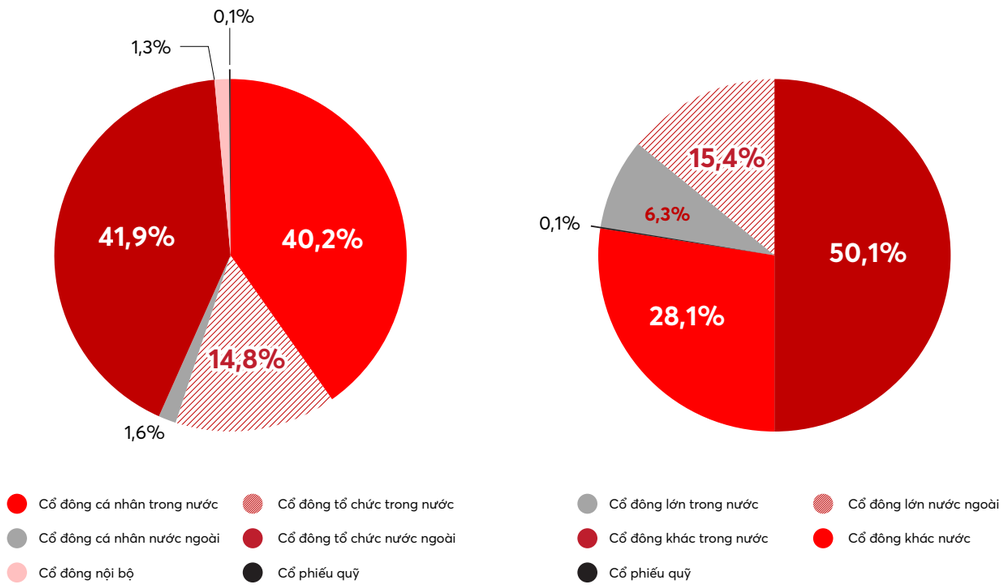
Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2021 – 2023



Nguồn: Bloomberg

Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2023):	1.501.130.137 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2023):	1.499.138.669 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2023):	1.991.468 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2023)	32.800 VNĐ/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt	10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	20/06/2023
Ngày đăng ký cuối cùng	21/06/2023
Ngày thực hiện thanh toán	12/07/2023
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100.000.000.000 VNĐ
Ngày kết thúc đợt phát hành	01/03/2023
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/ cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông



Số liệu tại ngày 14/11/2023
Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Thông tin cổ đông lớn *(sở hữu từ 5% trở lên)*

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	94.237.688	6,28%
2	Daiwa Securities Group Inc.	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	231.737.895	15,44%
TỔNG CỘNG			**325.975.583**	**21,72%**

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.501.130.137 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 14/11/2023.
Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023

Với mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích cổ đông", SSI luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Bảo vệ quyền lợi và tối đa hóa lợi ích cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được Công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử SSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & Quy chế Quản trị Công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sỡ hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho cổ đông. Trong năm 2023, bên cạnh việc chi trả cổ tức tiền mặt, SSI cũng thực hiện phát hành 10 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Đợt phát hành thành công này không chỉ có tác dụng bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn tạo thêm sự gắn kết, gia tăng giá trị tài chính cho cổ đông, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

Minh bạch hóa thông tin & chủ động kết nối với cộng đồng đầu tư

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư, tuân thủ chặt chẽ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK.

Trong năm 2023, sau khi hoạt động giao thương, đi lại đã không còn bị ảnh hưởng bởi Covid-19, SSI đã thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) theo hình thức trực tiếp kết hợp ghi hình trực tuyến. Với cơ cấu đa dạng, bao gồm cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước. ĐHĐCĐ của SSI đảm bảo mọi cổ đông với thiết bị kết nối Internet đơn giản đều có cơ hội tham gia theo dõi và nắm bắt kịp thời các nội dung được trao đổi tại ĐHĐCĐ. Rào cản về ngôn ngữ cũng được SSI gỡ bỏ khi tất cả tài liệu trình bày và trao đổi tại ĐHĐCĐ đều được cung cấp song song hai ngôn ngữ Anh – Việt, đem lại nhiều sự lựa chọn cho cổ đông.

Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức thành công tổng số 104 cuộc họp trực tiếp và trực tuyến với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ hơn 150 Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v…

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng cổ đông qua email và qua sự kiện cập nhật kết quả kinh doanh dành cho các Quỹ đầu tư (Earnings Call), giúp cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những bản tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang Thông tin Điện tử SSI tại địa chỉ www.ssi.com.vn với giao diện hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật, là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo, cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v… từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, chương trình xúc tiến đầu tư tại các thị trường tài chính phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc) để gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng nhà đầu tư tại các thị trường này.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là chìa khóa quan trọng đảm bảo phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI từng bước được hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như "Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN", tài liệu "Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất" do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 08/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, bốn khía cạnh mà SSI đã thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây là: ***Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò với các bên liên quan và Công bố thông tin minh bạch.***

Sau khi Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành và có hiệu lực, SSI đã cập nhật hệ thống văn bản quản trị công ty bao gồm Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của UBKT. Các quy chế này được soạn thảo dựa trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời có tham chiếu với các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, trong đó đã đề cao tính minh bạch trong công tác quản trị công ty, đối xử bình đẳng và bảo vệ quyền của cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ và cổ đông nước ngoài; cùng với các vấn đề liên quan tới cấu trúc và hoạt động của HĐQT/UBKT.

ĐHĐCĐ thường niên của SSI luôn bảo đảm quyền lợi của cổ đông khi gửi thông tin mời họp đã cung cấp đầy đủ, đúng hạn các thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc họp tại website của Công ty để cổ đông đánh giá cũng như đưa các ý kiến biểu quyết của mình. Đa số các câu hỏi, yêu cầu của cổ đông được phản hồi trực tiếp và đầy đủ tại Đại hội bởi Chủ tịch HĐQT, lãnh đạo các Khối. Diễn biến của Đại hội cùng với các câu hỏi của cổ đông và câu trả lời được ghi nhận chính xác, đầy đủ tại Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin đến UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên website Công ty trong vòng 24 giờ sau Đại hội.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin đúng hạn, đầy đủ, minh bạch, tuân thủ quy định về công bố thông tin tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các quy định của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con. Từ năm 2016, Công ty đã thực hiện công bố thông tin hoàn toàn bằng song ngữ Việt – Anh để các cổ đông nước ngoài có thể tiếp cận, tìm hiểu sâu hơn thông tin về Công ty.

Đối với khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, SSI đã có những thay đổi tích cực, đạt nhiều tiêu chí hơn so với những năm trước. UBKT với các thành viên là thành viên độc lập HĐQT, đã thực hiện chức năng giám sát, rà soát độc lập về các mặt hoạt động của Công ty, bao gồm việc thẩm định kế hoạch thành lập mới các khối của Công ty. Hoạt động của UBKT không những đáp ứng được yêu cầu của quy định pháp luật, mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Cùng với UBKT, Tiểu ban Chiến lược Phát triển được thành lập với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. Công ty đã tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc, việc này không chỉ nhằm hướng tới kiện toàn mô hình quản trị theo chuẩn mực hiện đại, mà còn là thay đổi cần thiết trong bối cảnh có nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh. Điều này sẽ giúp SSI giữ được sự ổn định và tăng trưởng trong dài hạn, tiếp tục triển khai chiến lược hoạt động, chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mang tính tiên phong, sản phẩm liên quan giao dịch trực tuyến đi kèm với vận dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động, mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, cổ đông và nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng minh bạch hơn trong việc công bố các khoản lương, thù lao của các thành viên Ban Tổng giám đốc và thành viên HĐQT.

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, một số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và Thư ký Công ty đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng đã hoàn tất "Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3" (DCP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức vào tháng 08/2019.

Tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA) năm 2023, Công ty là đại diện duy nhất của ngành chứng khoán tại bảng xếp hạng danh giá "Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất năm 2023 – Nhóm vốn hóa lớn". Giải thưởng này là sự ghi nhận các cố gắng của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến.

HOẠT ĐỘNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SSI



Trải qua một năm 2023 với nhiều biến động trong cả bối cảnh kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh, SSI vẫn kiên định bước đi với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**, xác định rõ thành công của Công ty chính là thành công của khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Đồng thời, thành công mà SSI hướng tới không chỉ tập trung vào những mục tiêu đơn thuần, ngắn hạn; mà còn là sự phát triển lâu bền của các bên liên quan đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Các nỗ lực hướng tới phát triển bền vững đặc biệt quan trọng với SSI trong bối cảnh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ nền tảng vĩ mô, diễn biến khó lường của TTCK, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ trong và ngoài nước.

Hơn bao giờ hết, để có thể theo đuổi Sứ mệnh và Tầm nhìn của mình, SSI cần tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển trong dài hạn, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Vì vậy, định hướng chiến lược của SSI chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty song hành cùng với sự phát triển bền vững của Thị trường vốn Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho các bên liên quan và toàn xã hội, song song với đó không bỏ qua vai trò của từng cán bộ nhân viên trong Công ty trong các hoạt động bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội.

Năm 2023, SSI tiếp tục triển khai định hướng chiến lược phát triển bền vững nói trên, cân đối giữa các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường và ghi nhận những thành tích tốt. Trong bối cảnh thị trường biến động, SSI vẫn duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh với Doanh thu thuần đạt gần 7.281 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt xấp xỉ 2.849 tỷ VNĐ. Công ty tiếp tục nằm trong nhóm **Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho ngân sách Nhà nước** và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của kinh tế – xã hội như: hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, huy động vốn, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng TTCK và tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới, nâng cấp những sản phẩm hiện có nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Việc làm và đãi ngộ hợp lý cho người lao động được đảm bảo giúp nhân viên và gia đình duy trì điều kiện sống ổn định; các hoạt động đào tạo – tuyển dụng cũng được chú trọng, duy trì giúp nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc cho nhân viên, không để tụt hậu so với thị trường lao động. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị công ty hiệu quả theo chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, lấy sự minh bạch là phương châm trong hoạt động giúp SSI quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ tốt, đảm bảo quyền lợi và công bằng cho cổ đông.

Với cam kết **"Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng"**, năm 2023, SSI chú trọng thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và đầu tư các chương trình phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính và không trực tiếp có tác động tiêu cực tới môi trường, SSI tự nhận thức được mình cần phải có những đóng góp cho môi trường vì tương lai của các thế hệ sau, thông qua tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường; dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI SSI



- Duy trì kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt và bền vững, không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh;
- Tạo ra giá trị tốt nhất cho người lao động;
- Giữ mức chi trả cổ tức ổn định, tạo ra giá trị cho cổ đông;
- Quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt trên thế giới.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH



- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế;
- Chủ động và tích cực tham gia xây dựng thị trường chứng khoán;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp;
- Đi đầu trong việc phát triển sản phẩm mới tạo thêm nhiều lựa chọn đầu tư cho khách hàng, quản lý tài sản khách hàng an toàn – minh bạch.

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI XÃ HỘI



- Chiến lược đầu tư có trách nhiệm, đồng hành cùng các công ty đầu tư;
- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý, đầu tư cho đào tạo – phát triển, phát hiện và nuôi dưỡng nhân tài;
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức của nhân viên về bảo vệ môi trường;
- Kiểm soát và giảm thiểu tác động tới môi trường từ các hoạt động hàng ngày của Công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của SSI. Tổng giám đốc và Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo các vấn đề phát triển bền vững được hiểu và thống nhất thực hiện trong toàn Công ty, từ các Khối và Bộ phận nghiệp vụ cho tới từng nhân viên.

HĐQT

- **Chỉ đạo chung về chiến lược phát triển bền vững tại SSI**
- **Phê duyệt mục tiêu và kế hoạch hành động**

TỔNG GIÁM ĐỐC & BAN LÃNH ĐẠO

- **Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động và phát triển bền vững của SSI**
- **Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty**
- **Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra**
- **Giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các Khối & Bộ phận liên quan**

CÁC KHỐI & BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

- **Triển khai và hiện thực hoá các kế hoạch phát triển bền vững theo đúng định hướng của Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo**

NHÂN VIÊN

- **Thực hiện các công việc cụ thể hằng ngày liên quan đến mục tiêu về phát triển bền vững của SSI**

ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SSI

Việc đánh giá các tác động từ hoạt động của SSI lên ba yếu tố: Kinh tế, Môi trường, Xã hội sẽ giúp Công ty có thể xác định vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Tác động đối với nền kinh tế

- SSI đảm bảo hiệu quả kinh doanh thông qua các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận, từ đó hoàn thành các nghĩa vụ nhà nước; nâng cao thu nhập và lợi ích kinh tế khác cho người lao động; duy trì một mức cổ tức ổn định cho cổ đông;
- Với vị thế là Công ty Chứng khoán đầu ngành, SSI nỗ lực xây dựng một thị trường tài chính phát triển và minh bạch thông qua hoạt động kết nối vốn và cơ hội đầu tư, phát triển TTCK trở thành kênh huy động vốn trung – dài hạn hiệu quả của nền kinh tế; tích cực xây dựng, đóng góp phát triển thị trường thông qua chủ động tham gia, đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tiên phong xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường;
- Tham gia tư vấn xây dựng chiến lược, tái cấu trúc, giải pháp tài chính, cải thiện quản trị công ty theo thông lệ tốt cho nhiều doanh nghiệp trong nước.

Tác động đối với xã hội:

- Tạo ra trên 1.600 công việc cho thị trường lao động trên cả nước. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua đầu tư lớn cho các hoạt động đào tạo, phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng;
- Lấy khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động, quản lý an toàn tài khoản cho hơn 500.000 khách hàng trong và ngoài nước;
- Kiên định với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", một trong những chiến lược trọng tâm của SSI chính là đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân. Là cánh cửa đầu tiên chào đón nhà đầu tư bước chân vào thị trường, SSI dành nguồn lực đầu tư cho các hoạt động tư vấn, chủ động cung cấp kiến thức đầu tư một cách bài bản, chuyên sâu và có hệ thống tới các nhà đầu tư cá nhân. Công ty tập trung vào mục tiêu để nhà đầu tư có thể yên tâm để tiền trong tài khoản chứng khoán, tạo lợi nhuận bền vững, lâu dài mà không coi chứng khoán là kênh đầu cơ ngắn hạn – vốn là một thách thức lớn với các cơ quan quản lý và nhà tạo lập thị trường;
- Tích cực trong các hoạt động vì cộng đồng với tôn chỉ "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng".

Tác động đối với môi trường

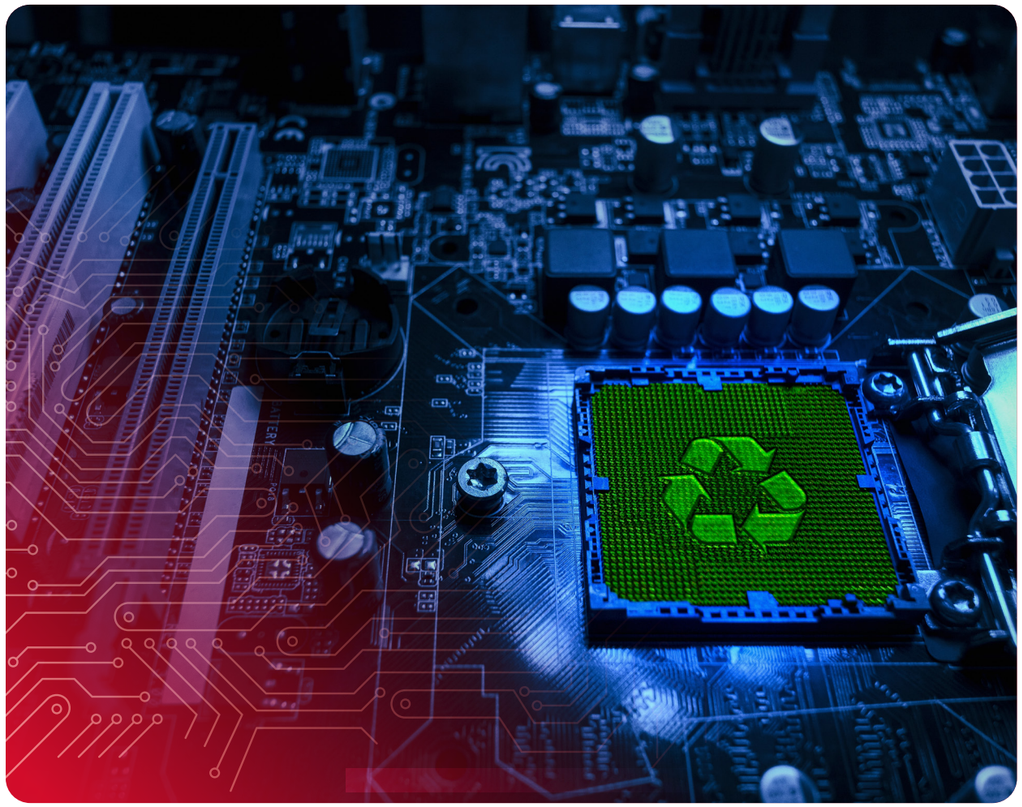
SSI là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, không có sản xuất trực tiếp nên tác động tới môi trường của Công ty là không lớn. Công ty chú trọng vào việc giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày của nhân viên, song song với các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường. Các hoạt động truyền thông nội bộ của SSI dành phần lớn cho các việc liên quan đến môi trường sống, như các "mẹo vặt" hữu ích được chia sẻ mỗi tháng, sử dụng cốc uống nước riêng, cách thức họp trực tuyến hiệu quả hay cách sử dụng tối đa các nguồn lực công nghệ trong Công ty. Các hoạt động này luôn được thực hiện đồng bộ trong năm, cùng các hoạt động vận hành mà Khối Hỗ trợ thực hiện cho công việc bảo vệ môi trường và là một phần của chiến dịch phát triển bền vững SSI đã thực hiện những năm vừa qua. Bên cạnh đó, là một doanh nghiệp có số lượng khách hàng lớn, trong những năm trở lại đây, các món quà dành tặng khách hàng của SSI cũng khuyến khích và lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường, đáp ứng đủ tiêu chí 3T của một sản phẩm xanh (Tiết giảm – Tái sử dụng – Tái chế). Quà tặng đều được đóng gói với những bao bì có thể tái sử dụng, tái chế như hộp giấy không cán nilon, các loại hộp nhựa có thể tái chế, lọ thủy tinh thân thiện, v.v… hoặc những sản phẩm có thời gian phân hủy nhanh và không gây độc hại với môi trường. Đặc biệt, SSI hạn chế tối đa việc sử dụng túi nilon và thay thế bằng các sản phẩm sử dụng chất liệu tre, giấy bìa tái chế, túi xách bằng vải canvas và vải không dệt, v.v… – những chất liệu thân thiện, an toàn với con người và môi trường tự nhiên.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SSI

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**, SSI đã tiếp tục xây dựng và phát triển mối quan hệ bền vững với các bên liên quan trong các hoạt động kinh doanh, trong các quá trình ra quyết định, cũng như hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty. Sự tham gia của các bên liên quan là một tiến trình quan trọng giúp Công ty xác định được các vấn đề phát triển bền vững đang được quan tâm và kỳ vọng, từ đó xác định các yếu tố trọng yếu để có thể hoạch định và thực thi các hoạt động cần thiết để đáp ứng các kỳ vọng đó.

Qua những lần tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trao đổi với các bên liên quan, SSI đã xác định được các vấn đề được quan tâm cùng giải pháp và hành động thích hợp nhằm xây dựng và phát triển các mối quan hệ bền vững, dựa trên sự tin tưởng, minh bạch trong trao đổi thông tin và nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.



Các Bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm
Nhân viên	▪ Sự ổn định trong công việc, cơ hội phát triển, môi trường làm việc ▪ Mức lương thưởng, các chế độ phúc lợi, chế độ bảo vệ sức khỏe cho người lao động ▪ Chính sách đào tạo & phát triển ▪ Công tác tuyển dụng
Khách hàng	▪ Chất lượng sản phẩm/dịch vụ, khả năng đáp ứng các nhu cầu riêng biệt ▪ Giới thiệu các sản phẩm mới ra thị trường, tạo ra nhiều lựa chọn đầu tư cho khách hàng ▪ Mức độ ổn định của hệ thống và an toàn thông tin cho khách hàng ▪ Đối xử bình đẳng với các đối tượng khách hàng khác nhau ▪ Trình độ đội ngũ nhân lực phục vụ khách hàng, sự chuyên nghiệp khi cung cấp dịch vụ
Cổ đông/Nhà đầu tư	▪ Hiệu quả hoạt động của Công ty ▪ Tính minh bạch trong mọi hoạt động ▪ Quyền lợi của cổ đông
Chính phủ/Cơ quan quản lý	▪ Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng ▪ Tính thuế và nộp thuế giá trị gia tăng đúng và đủ ▪ Quản trị doanh nghiệp, phòng tránh rủi ro ▪ Đóng góp ý kiến xây dựng phát triển thị trường
Cơ quan truyền thông	▪ Thông tin về các hoạt động của Công ty, kết quả kinh doanh, số liệu tài chính ▪ Chia sẻ thông tin về thị trường, ý kiến đại diện lãnh đạo/chuyên gia về tình hình thị trường
Nhà cung cấp	▪ Quy trình lựa chọn nhà cung cấp, quy trình thanh toán với nhà cung cấp ▪ Minh bạch thông tin, đảm bảo sự công bằng giữa các nhà cung cấp
Công ty Đầu tư	▪ Sự tham gia của SSI trong hoạt động của Công ty Đầu tư
Cộng đồng	▪ Chính sách đầu tư vào lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, các lĩnh vực phát triển bền vững ▪ Các hoạt động từ thiện, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) được SSI lập ra nhằm công khai công bố các tác động của doanh nghiệp tới nền kinh tế, môi trường, xã hội; đồng thời cũng thể hiện những nỗ lực, đóng góp của SSI tới các vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được lập độc lập thay vì tích hợp cùng báo cáo thường niên, được chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững – Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất **GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi.** Các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững đều được SSI chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được Công ty đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo.

Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố, đánh giá các đóng góp về mặt kinh tế, môi trường, xã hội; một phần giúp Ban Lãnh đạo xác định rõ kế hoạch hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông, nhà đầu tư; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.

Phạm vi & Ranh giới báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững 2023 được lập theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2023. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của SSI, tại Hội sở và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Công ty trên toàn quốc, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023. Các số liệu tài chính trong Báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 và các năm trước đó.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm phụ trách Báo cáo Phát triển Bền vững SSI, bao gồm các thành viên đến từ một số bộ phận chịu trách nhiệm về các thông tin được đưa ra trong Báo cáo như Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư, Truyền thông, Tài chính – Kế toán, Nhân sự, Luật & Kiểm soát Tuân thủ, Thư ký Công ty.

Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo được lập tuân theo các tiêu chuẩn tại Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Cấu trúc báo cáo được trình bày rõ ràng theo 4 nội dung chính:

GRI 100 – Thông tin chung

GRI 200 – Các tiêu chuẩn kinh tế

GRI 300 – Các tiêu chuẩn môi trường

GRI 400 – Các tiêu chuẩn xã hội

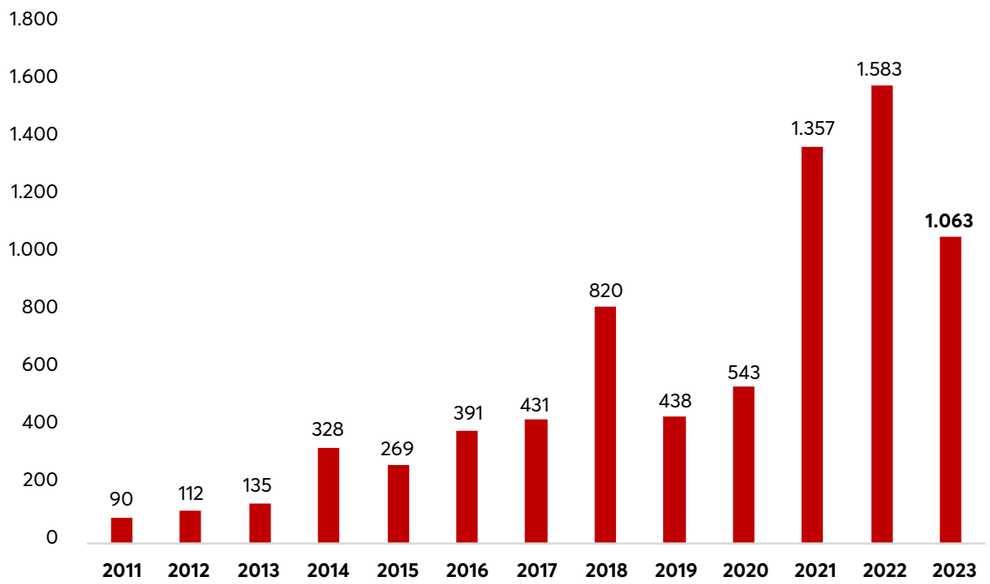
Phần tiếp theo của Báo cáo Thường niên chỉ trình bày một số hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội – cộng đồng nổi bật của SSI trong năm 2023. Báo cáo chi tiết hơn về Phát triển Bền vững sẽ được Công ty công bố trong Báo cáo phát triển bền vững tại trang điện tử của SSI. **Quét QR code để xem báo cáo ►**

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là công ty dẫn đầu trong ngành Chứng khoán.

Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

TOP 1000

DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (V1000)

TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2023

CHUNG TAY XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG MINH BẠCH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHUNG TAY CÙNG CÁC THÀNH VIÊN THỊ TRƯỜNG TÌM GIẢI PHÁP NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Với vị thế là Công ty Chứng khoán số 1 phát triển song hành cùng TTCK Việt Nam, trong nhiều năm qua, SSI không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan, mà còn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của Cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường.

Trong năm 2023, một số hoạt động nổi bật của SSI trong công tác phối hợp, làm việc với các cơ quan quản lý là:

- Công ty chủ động phối hợp với Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) trong quá trình kiểm thử hệ thống KRX. Không chỉ chuẩn bị sẵn sàng về nền tảng công nghệ để kết nối với hệ thống giao dịch mới, SSI còn chủ động nghiên cứu tham mưu xây dựng những sản phẩm mới cho thị trường khi KRX đi vào vận hành thực tế;

- SSI tích cực làm việc với các đối tác quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), FTSE và các thành viên thị trường trong việc tìm giải pháp cho vấn đề ký quỹ trước giao dịch. Hiện nay, giải pháp cho phép các công ty chứng khoán được phép hỗ trợ thanh toán đã được đa số thành viên thị trường thống nhất ủng hộ, các dự thảo về quy định này đang được UBCKNN cân nhắc xem xét trình Bộ Tài chính ban hành. Nếu giải quyết được rào cản ký quỹ trước giao dịch, Việt Nam có thể được nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi trong 2025;

- SSI tham gia và hỗ trợ đoàn Bộ Tài chính, UBCKNN tại các hội nghị xúc tiến đầu tư ở Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông, v.v…Tại các hội nghị này, không chỉ tham gia trình bày tham luận về cơ hội đầu tư vào TTCK Việt Nam, SSI còn kết nối và sắp xếp các cuộc gặp giữa lãnh đạo Bộ, Ủy ban với các đối tác của SSI nhằm học hỏi kinh nghiệm trong việc xây dựng thị trường vốn theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, là kênh huy động vốn trung - dài hạn cho nền kinh tế.

THAM GIA NGHIÊN CỨU TÍN CHỈ CARBON

Tại Hội nghị thượng đỉnh khí hậu COP26 (2021), Thủ tướng Chính phủ đã thay mặt Việt Nam đưa ra cam kết đến năm 2050 sẽ đưa mức phát thải ròng về 0 (Net Zero). Nhằm hiện thực hóa cam kết này, Chính phủ đã ban hành một loạt các văn làm cơ sở pháp lý cho lộ trình này:

- **Nghị định 06/2022/NĐ-CP** quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ozon. Nghị định 06 cũng quy định về việc trao đổi tín chỉ carbon, các thành phần tham gia thị trường carbon, là cơ sở để hình thành sàn giao dịch carbon.

- **Quyết định 01/2022/QĐ-TTg** về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Quyết định này liệt kê chi tiết danh mục lĩnh vực phải thực hiện và danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc từng ngành, lĩnh vực.

Ngày 24/10/2023, Bộ Tài chính đã gửi **Tờ trình số 222/TTr-BTC** lên Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sẽ là đơn vị tổ chức, vận hành giao dịch và Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung ứng dịch vụ đăng ký, lưu ký tín chỉ carbon. Khi đó, tín chỉ carbon sẽ như một loại chứng khoán mà các bên tham gia có thể thực hiện giao dịch theo quy định của thị trường.

Nhìn thấy xu hướng phát triển tất yếu của thị trường giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam trong tương lai, SSI cùng các công ty thành viên nghiên cứu và kết nối với các bên vận hành thị trường tín chỉ carbon tại các nước phát triển để học hỏi kinh nghiệm cũng như quan sát thị trường vận hành với mục tiêu là giai đoạn 2025-2027, thị trường giao dịch tín chỉ carbon sẽ đi vào vận hành thí điểm.

CAM KẾT ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÀ ĐẦU TƯ VƯỢT QUA CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG

Năm 2023 có thể xem là một năm thành công của TTCK Việt Nam, khi các chỉ số chung đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, dòng tiền quay trở lại với kỳ vọng thị trường sẽ ghi nhận sự hồi phục sau một năm 2022 điều chỉnh mạnh. Là thành viên tiêu biểu của thị trường – SSI nhận thức được việc đào tạo nhà đầu tư, giúp công chúng có cái nhìn đúng đắn nhất về kênh đầu tư chứng khoán – một kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế, và làm thế nào để an tâm khi đầu tư, tạo lợi nhuận lâu dài, bền vững cho nhà đầu tư là những mục tiêu hàng đầu của Công ty.

Tiếp cận vấn đề một cách bài bản và có định hướng, SSI đã phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo chí uy tín, có ảnh hưởng tới cộng đồng nhà đầu tư để tổ chức nhiều chuỗi chương trình tư vấn đầu tư, hội thảo trong năm 2023. Hướng đến đa dạng công chúng, mỗi chương trình do SSI tổ chức hoặc đồng hành đều hướng đến nhóm đối tượng công chúng mục tiêu cụ thể, từ đó, có thể đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của nhiều nhóm nhà đầu tư khác nhau. Song dù ở bất cứ chương trình nào, SSI cũng dành nhiều tâm huyết để xây dựng nội dung đa chiều, cung cấp đầy đủ những thông tin hữu ích, cả về kinh tế vĩ mô, nhận định thị trường hay góc nhìn chuyên gia. Các hoạt động đào tạo, nâng cao kiến thức cho nhà đầu tư kể đến như:

CHƯƠNG TRÌNH LIVESTREAM TƯ VẤN ĐẦU TƯ "CAFÉ CHỨNG"

Phát sóng đều đặn trước giờ giao dịch, livestream Café Chứng của Chứng khoán SSI được triển khai từ tháng 05/2022 với 2 mùa phát sóng đã trở thành một phần không thể thiếu trong lịch trình của nhiều nhà đầu tư. Mùa 1 chương trình đã diễn ra trong vòng 1 năm với 250 số phát sóng – tương ứng là 250 phiên giao dịch mà chuyên gia SSI sát cánh cùng chứng sĩ, cung cấp thông tin, khuyến nghị đầu tư theo từng nhịp diễn biến thị trường. Café Chứng mùa 1 thành công ghi nhận hơn 1 triệu lượt xem trực tiếp và 25.000 lượt tương tác, hoàn thành sứ mệnh người đồng hành đáng tin cậy của mình. Tiếp nối thành công đó, từ tháng 08/2023, Café Chứng mùa 2 quay trở lại với phiên bản nâng cấp hơn, phát sóng trên cả hai kênh Fanpage và Youtube SSI, tiếp tục trực tiếp trả lời hàng trăm câu hỏi đầu tư mỗi sáng, lan tỏa kiến thức và hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra những quyết định tối ưu nhất. Dù mới quay trở lại, nhưng Café Chứng mùa 2 đã chứng minh được sức hút của mình với 135.010 lượt xem, trả lời được 6.995 câu hỏi của Nhà đầu tư chỉ sau 86 số phát sóng.



CHƯƠNG TRÌNH LIVESTREAM TƯ VẤN ĐẦU TƯ "GÕ CỬA THÁNG MỚI"

Được chính thức lên sóng từ tháng 01/2023, Chương trình Livestream "Gõ cửa tháng mới" nhận về nhiều sự ủng hộ nhiệt tình từ quý nhà đầu tư. Mỗi tháng một số, "Gõ cửa tháng mới" được xây dựng nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn cảnh về thị trường cũng như phân tích nhóm cổ phiếu tiềm năng trong tháng. Chương trình đã lên sóng 10 số với tổng số lượt xem của chương trình đạt 35.000 lượt; trung bình khoảng 3.500 lượt xem mỗi số trên 2 kênh Facebook và Youtube. Chương trình cũng được chia sẻ trên nhiều group đầu tư chứng khoán lớn với tổng lượng tương tác các bài viết đạt 3.500 và gần 1.000 lượt bình luận. Trung bình sau mỗi chương trình thường xuyên có từ 2 đến 4 bài viết trên các báo về đầu tư (như Vietnambiz, Vietstock) chia sẻ các nội dung, trích dẫn từ các chuyên gia.



CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN ĐẦU TƯ "ĐÓNG BẢNG CUỐI TUẦN"

Tổng hợp, cập nhật nhanh chóng những thông tin nổi bật trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế, "Đóng bảng cuối tuần" là chương trình giúp khán giả dễ dàng nắm bắt những thông tin quan trọng cũng như mang đến nhận định sắc bén về ngành tài chính nói chung, TTCK nói riêng mỗi tuần. Với việc tổng kết lại tin tức nổi bật trong tuần, điểm tin nhóm cổ phiếu tăng trưởng cùng các nhận định chuyên sâu từ chuyên gia phân tích hàng đầu SSI, chương trình được đánh giá là một tham khảo quan trọng giúp nhà đầu tư đưa ra được chiến lược giao dịch của mình trong tuần tới. Sau 21 số được triển khai, chương trình đã nhận được gần 500.000 lượt xem, 1.000 tương tác trên 2 kênh Facebook và Youtube. Bên cạnh đó, chương trình cũng được chia sẻ trên các hội nhóm chứng khoán lớn với hơn 6.100 lượt chia sẻ và 1.800 lượt thảo luận.



CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN ĐẦU TƯ KẾT HỢP VỚI VTVMONEY: BÍ MẬT ĐỒNG TIỀN

Hai năm đồng hành cùng khán giả, nhà đầu tư đã không còn xa lạ với chương trình "Bí mật đồng tiền" của VTV Digital do SSI đồng hành chuyên môn, phát sóng vào mỗi thứ 4 hàng tuần. Thu hút lượng khán giả trung thành xem trực tuyến mỗi số, chương trình đã giúp các khán giả tiếp cận cách tư duy tài chính hiện đại và thú vị, áp dụng thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày.

Sau 2 mùa Bí mật đồng tiền, chương trình đã triển khai 102 số với tổng số lượt xem của chương trình đạt 7 triệu lượt xem; trung bình khoảng 50.000 lượt xem mỗi số trên các nền tảng trực tuyến của VTV như VTV Money, VTV24, VTVGo và Fanpage, Youtube Chứng khoán SSI. Tổng số bài báo về chương trình khoảng 1.200 bài. Bên cạnh đó, kết quả tìm kiếm từ khóa "chương trình Bí mật đồng tiền" trên Google cho mục tin tức tạo ra hơn 40.000 kết quả, thể hiện các nội dung chuyên môn, thông tin từ các chuyên gia của chương trình được trích dẫn như một nguồn tin đáng tin cậy trên báo chí và bản tin tài chính kinh doanh trên VTV1. Các kênh báo chí thường xuyên trích dẫn nội dung từ chương trình bao gồm các kênh báo chí dành riêng cho nhà đầu tư như CafeF, Cafebiz, Vietnambiz, Vietstock, Đầu tư chứng khoán, v.v… và các kênh báo chí dành cho giới trẻ như Kênh14, Dân trí, v.v…



CHUỖI HOẠT ĐỘNG UNITOUR: MONEY HUNTER

Là chương trình kết hợp giữa ba yếu tố là tài chính, tranh biện và talkshow, "Unitour: Money Hunter" là chương trình giúp những người trẻ định hướng tư duy tài chính một cách gần gũi, dễ nhớ theo ngôn ngữ Gen Z, được triển khai tại các trường đại học lớn tại Hà Nội với sự đồng hành của SSI.

Thông qua những màn tranh biện nảy lửa, nhiều bí ẩn sẽ dần được hé mở, dẫn dắt các công dân trẻ đến gần hơn với "Vũ trụ đồng tiền", đồng thời giúp tự định hướng tư duy tài chính một cách gần gũi, dễ nhớ theo ngôn ngữ giới trẻ. Với 3 lần ghé thăm các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Trường Đại học FPT, Đại học Bách Khoa Hà Nội và Học viện Ngoại giao), chương trình đã thu hút được gần 1.000 sinh viên tham gia offline, và 15.000 lượt xem mỗi livestream trên 10 fanpage khác nhau (bao gồm fanpage chính The Moneyverse, Fanpage Chứng khoán SSI và các CLB chứng khoán, Fanpage các trường đại học).

Năm 2023, SSI cũng đã triển khai trên 30 kế hoạch truyền thông lớn nhỏ với thông điệp xuyên suốt "Vững bền lan tỏa". Phối hợp cùng các Bộ phận Kinh doanh cũng như tăng độ nhận diện của thương hiệu SSI đến với công chúng. Kết quả, năm 2023 đã có gần 60.000 bài báo về thương hiệu SSI, trong đó có trên 30.000 bài báo về các hoạt động kinh doanh, giới thiệu sản phẩm – dịch vụ và gần 16.000 bài viết trích dẫn nội dung từ các báo cáo tư vấn đầu tư của Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI (SSI Research) – các thông cáo báo chí, công bố thông tin của SSI đều được nhiều tờ báo uy tín trong nước và quốc tế đăng tải, sử dụng. Có đến hơn 30.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI, tương đương khoảng 55% thị phần thảo luận của toàn thị trường. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của các cổ đông và nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI, cũng như tầm quan trọng của hoạt động truyền thông.

Tất cả các hoạt động truyền thông của CTCP Chứng khoán SSI đều hướng tới một mục tiêu chung đó là nâng cao hiểu biết của nhà đầu tư, góp phần xây dựng một TTCK an toàn, minh bạch, trở thành kênh đầu tư sinh lời hiệu quả cho nền kinh tế.

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÍCH HỢP CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Là một công ty trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – đầu tư, ảnh hưởng của trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh hàng ngày của SSI lên môi trường và xã hội là không đáng kể.

THỐNG KÊ VÀ KIỂM SOÁT LƯỢNG TIÊU THỤ TÀI NGUYÊN TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG NGÀY

SSI đã tiến hành theo dõi việc tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng. Số liệu thống kê được thống kê tại hai địa điểm hoạt động trọng yếu, có tỷ lệ nhân sự làm việc cao nhất, là Hội Sở tại địa chỉ 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, và Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Năm 2023, tổng lượng điện tiêu thụ tại 02 địa điểm hoạt động nêu trên là 1.446.423 kWh (tăng nhẹ so với mức 1.409.968 kWh của năm 2022).

Công ty tiêu thụ 43.811 lít xăng xe tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trong năm 2023 (giảm 8% so với năm 2022), chủ yếu là từ xe ô tô phục vụ cán bộ đi làm việc, công tác, gặp gỡ khách hàng trong nội thành và các thành phố lân cận.

Lượng nước tiêu thụ phát sinh tại các văn phòng phục vụ hoạt động hàng ngày của cán bộ nhân viên Công ty, chi phí tiêu thụ nước nằm trong chi phí thuê mặt bằng văn phòng làm việc của Công ty. SSI không phát sinh tiêu thụ nước cho hoạt động kinh doanh.

Các hoạt động nhằm kiểm soát tiệu thu tài nguyên điên năng, xăng dầu và nước:

- Giám sát sử dụng thiết bị điện, điều hòa một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng. Có quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc (toàn bộ hệ thống điều hòa sẽ tắt sau 18:00 hàng ngày);
- Khuyến khích cán bộ nhân viên tổ chức các cuộc họp, gặp gỡ theo hình thức trực tuyến nhằm giảm chi phí và thời gian di chuyển;
- Lựa chọn các văn phòng làm việc có hệ thống xử lý nước và chất thải đạt tiêu chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Bên cạnh đó, với vị thế là định chế tài chính hàng đầu ở Việt Nam, SSI hiểu rằng hoạt động tư vấn huy động vốn, đầu tư của công ty có liên quan mật thiết đến quá trình thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam có nhận thức đầy đủ về tác động của doanh nghiệp tới môi trường và xã hội. Chính điều này đã thôi thúc SSI triển khai tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào các Khối Kinh doanh của Công ty.

KHỐI ĐẦU TƯ

Với danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết, danh mục đầu tư của SSI đều là các cổ phiếu vốn hóa lớn, là doanh nghiệp đầu ngành trong các lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng tốt. Đây là các doanh nghiệp có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, tuân thủ các quy định của Nhà nước về sản xuất kinh doanh cũng như minh bạch trong quản trị và vận hành doanh nghiệp.

Với danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, các tiêu chí đánh giá về tác động tới môi trường và xã hội được đội ngũ SSI thẩm định kỹ càng trước khi đầu tư. Lấy ví dụ về hai doanh nghiệp mà SSI đang đầu tư là PAN Farm – hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và Concung – hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ đồ dùng mẹ và bé. Các doanh nghiệp này từ hoạt động kinh cốt lõi đều tạo ra những tác động tích cực cho môi trường và xã hội. SSI với vai trò là một cổ đông, một nhà đầu tư cũng hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hiện các tiêu chuẩn về báo cáo, quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch nhằm hướng tới lợi ích lâu dài cho cộng đồng.

KHỐI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Là một thành viên của TTCK, SSI thấu hiểu vai trò là đơn vị tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm các nguồn vốn phục vụ cho mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh, không chỉ là nguồn vốn trong nước mà còn trên thị trường tài chính quốc tế. Trong xu hướng nguồn vốn từ các định chế tài chính trên thế giới tập trung vào các dự án "xanh", đáp ứng các tiêu chí về Môi trường – Xã hội – Quản trị, SSI đóng vai trò là đơn vị tư vấn, giúp các doanh nghiệp Việt Nam chuẩn bị hồ sơ năng lực, mục tiêu dự án đáp ứng các tiêu chí về môi trường và xã hội từ các tổ chức đầu tư. Các dự án tiêu biểu về huy động nguồn vốn đáp ứng các tiêu chí "xanh" và đem lại lợi ích cho cộng đồng mà SSI đóng vai trò đơn vị tư vấn bao gồm:

- Tư vấn giao dịch phát hành cổ phần ưu đãi cho DEG của CTCP Điện Gia Lai – Doanh nghiệp năng lượng tái tạo lớn nhất trên sàn niêm yết. DEG là định chế tài chính thuộc Ngân hàng Tái thiết CHLB Đức (Kreditanstalt für Wiederaufbau - KfW), với hoạt động chính hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động theo Chuẩn mực ESG về môi trường, xã hội và quản trị, đặc biệt tập trung phát triển ngành năng lượng tái tạo. Tại Việt Nam, DEG đã đầu tư khoảng 350 triệu USD trong 25 năm qua, tập trung vào các nhóm doanh nghiệp lớn thuộc ngành nông nghiệp, dịch vụ tài chính ngân hàng, tiêu dùng và công nghiệp.
- Tư vấn giao dịch phát hành trái phiếu cho Công ty cổ phần PAN Farm – Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giống cây trồng, lương thực, khử trùng, nông dược. Khoản trái phiếu có kỳ hạn 2 năm giúp PAN Farm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm lúa gạo cho nền nông nghiệp Việt Nam.

KHỐI QUẢN LÝ QUỸ (CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ SSI-SSIAM)

SSIAM tham gia vào sáng kiến UNPRI v**ới cam kết sẽ tuân thủ theo các Nguyên tắc về Đầu tư Có trách nhiệm của Liên Hiệp Quốc như sau:**

PRI Principles for Responsible Investment

1. **Kết hợp các vấn đề ESG vào quy trình phân tích đầu tư và ra quyết định.**
2. **Đưa tiêu chí ESG vào các chính sách và hoạt động về quyền sở hữu.**
3. **Khuyến khích việc công bố thích hợp về các vấn đề ESG của các tổ chức mà chúng tôi đầu tư.**
4. **Thúc đẩy việc chấp nhận và áp dụng các Nguyên tắc trong ngành đầu tư.**
5. **Hợp tác để nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng các Nguyên tắc.**
6. **Báo cáo về các hoạt động và tiến độ thực hiện các Nguyên Tắc.**

SSIAM đưa yếu tố ESG vào tất cả các quyết định đầu tư, đó là một phần của quy trình phân tích và quản lý rủi ro trước và sau khi đầu tư. Đối với tất cả các khoản đầu tư, Công ty áp dụng quy trình sàng lọc ESG chặt chẽ để lọc và tìm kiếm các công ty tiềm năng, chỉ đầu tư vào các ngành đóng góp cho sự phát triển của người tiêu dùng Việt Nam và toàn cầu. SSIAM đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường và xã hội tại địa phương, và cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, SSIAM không đầu tư vào các công ty liên quan đến vũ khí và vũ khí hạt nhân. Sau khi đầu tư, SSIAM chủ động thúc đẩy sự phát triển bền vững của các công ty đầu tư và cộng đồng. Hàng năm, SSIAM sẽ theo dõi tiến độ về ESG của các công ty đầu tư.

Năm 2023 là năm SSIAM đã nỗ lực phát triển xây dựng hệ thống quản lý ESG. Công ty đã thực hiện đào tạo cho chuyên gia ESG, với kế hoạch mở rộng đào tạo ESG cho bộ phận đầu tư cũng như xây dựng tuyên bố về ESG nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Bộ phận Đầu tư cùng thống nhất. Ngoài ra, SSIAM cũng đã bắt đầu triển khai thu thập và đánh giá dữ liệu ESG nội bộ để theo dõi các công ty đầu tư.

SSIAM không chỉ cố gắng tích hợp các yếu tố ESG vào các hoạt động kinh doanh chính mà còn hướng tới việc đóng góp cho môi trường xanh hơn và hướng tới một xã hội công bằng thông qua việc tham gia vào những hoạt động đẩy mạnh nền kinh tế Việt Nam theo hướng phát triển bền vững. Vào năm 2023, SSIAM đã cùng Bộ Tài chính, UBCKNN và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tham gia chuyến đi sang Châu Âu nhằm hỗ trợ các nỗ lực phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam. SSIAM cũng tham gia Diễn đàn "Phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp", do Cổng Thông tin điện tử Chính phủ tổ chức với sự tham dự của các đại diện cơ quan quản lý nhà nước, đại biểu Quốc hội, các chuyên gia kinh tế, các doanh nghiệp tài chính, v.v… để thảo luận về các vấn đề quan trọng liên quan đến thị trường TPDN và hỗ trợ cho các thay đổi của Chính phủ nhằm tăng tính minh bạch và an toàn cho nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Bên cạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi, SSI còn có công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (HOSE: PAN). PAN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến và đóng gói thực phẩm. Hoạt động kinh doanh của PAN có nhiều ảnh hưởng tới môi trường và xã hội. Là cổ đông lớn nắm giữ trên 10% vốn đồng thời có 4 đại diện SSI tham gia HĐQT của PAN, SSI đã đồng hành và thúc đẩy PAN triển khai các hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển bền vững, đem lại giá trị tích cực cho cộng đồng. PAN luôn được các tổ chức quốc tế đánh giá cao là doanh nghiệp có thực hành phát triển bền vững một cách hiệu quả, thực tế. Một minh chứng rõ nét lại tại hội nghị COP28 được tổ chức tại Dubai, PAN Group và Ngân hàng Standard Chartered đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác triển khai các giải pháp và dịch vụ tài chính theo tiêu chí ESG. Thỏa thuận này không chỉ là minh chứng cho khả năng tiếp cận các nguồn vốn xanh của PAN trên thị trường tài chính quốc tế mà còn chứng minh năng lực triển khai các dự án đáp ứng các tiêu chí ESG của các tổ chức tài chính.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Với vị thế là Công ty Chứng khoán dẫn đầu thị trường, đối với SSI trách nhiệm của một doanh nghiệp không chỉ là tập trung vào phát triển kinh doanh mà còn phải đặt mục tiêu dẫn lối và đóng góp cho sự tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế, môi trường và xã hội tại Việt Nam.

Với tinh thần vì một Việt Nam giàu mạnh, tiếp nối được những giá trị tốt đẹp đã tạo được trong suốt chiều dài lịch sử hình thành nên SSI, trên hành trình 23 năm ấy, SSI đã dành hơn 142 tỷ VNĐ ngân sách cho các hoạt động cộng đồng nhằm nỗ lực khởi xướng và đồng hành cùng các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa thiết thực, tập trung vào các hoạt động mang tính bền vững, tác động lâu dài cho sự phát triển của nhiều tỉnh thành Việt Nam và sẵn sàng chung tay mỗi khi Đất nước gặp khó khăn.

Bằng chiến lược đó, năm 2023 SSI tiếp tục dành hơn 4,82 tỷ VNĐ cho các hoạt động vì cộng đồng. Trong đó 51% ngân sách tài trợ tập trung vào việc phát triển giáo dục & đầu tư cho thế hệ trẻ, 49% ngân sách còn lại dành cho các hoạt động về an sinh xã hội.

DUY TRÌ CÁC HOẠT ĐỘNG ƯƠM MẦM VÀ PHÁT TRIỂN CHO THẾ HỆ TRẺ TƯƠNG LAI

SSI tin rằng, đầu tư vào con người chính chính là bước đi đúng đắn nhất để Việt Nam có được những thế hệ kế cận tài giỏi, đóng góp cho tương lai đất nước. Chính vì vậy, tôn chỉ hoạt động vì cộng đồng của SSI luôn đặt giáo dục là ưu tiên hàng đầu. Từ năm 2006 đến nay, SSI đã dành hơn 36% ngân sách tài trợ cho hoạt động phát triển giáo dục thông qua các các chương trình xây trường, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, tặng học bổng cho những em có thành tích tốt, khuyến khích các hoạt động của du học sinh Việt Nam trên thế giới v.v...

Với việc chú trọng phát triển thế hệ kế cận của đất nước, đặc biệt là nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao được đào tạo bài bản, SSI đã tài trợ thông qua các hoạt động tiêu biểu trong năm 2023 như:

- Đồng hành cùng Hội Thanh niên – Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ phát triển những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, trao cơ hội lan tỏa giá trị cho những tài năng Việt tỏa sáng và thành công;
- Tài trợ cho các cuộc thi tài năng sinh viên trên toàn quốc nhằm tìm và trao cơ hội tỏa sáng cho các bạn trong mọi lĩnh vực;
- Bên cạnh các hoạt động đầu tư giáo dục, trong năm 2023, SSI còn dành sự quan tâm đặc biệt đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:
- Đồng hành cùng Báo Người Lao động tài trợ học bổng cho học sinh sinh viên dân tộc thiểu số, học sinh nghèo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại vùng khó khăn cũng như chia sẻ, đồng hành hỗ trợ giúp các em và gia đình yên tâm học tập;
- Tham gia tài trợ xây dựng nhà ở tránh lũ chương trình "Điểm trường vượt lũ" theo kêu gọi từ Báo Tuổi trẻ nhằm giúp đỡ thầy và trò ở những vùng khó khăn thường xuyên bị mưa lũ và các hộ dân, gia đình chính sách nhà ở còn tạm bợ, chưa kiên cố tại tỉnh Hà Nam;
- Tài trợ 200 suất học bổng cho Quỹ Vừ A Dính cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng có tinh thần vươn lên trong học tập;
- Tài trợ cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn chương trình "Cặp lá yêu thương" để giúp các em có cơ hội học tập, giúp các em có động lực vươn lên;
- Tặng quà cho các em nhỏ tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nhân dịp Tết Trung thu;
- Kết hợp cùng Đoàn Thanh niên Ban Thời sự, Đoàn Thanh niên VTV Digital, cùng Đoàn Thanh niên huyện Mù Cang Chải tổ chức chương trình "Đông Ấm Vùng Cao cho học sinh tại trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Tà Ghềnh, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.



THÚC ĐẨY VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Thực hiện tốt tối ưu chi phí, SSI đã có được nhiều hoạt động hơn trong việc thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo.

Với phương châm tạo ra các giá trị bền vững cho xã hội, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước, quan tâm đến các vấn đề hỗ trợ cộng đồng nhằm giúp người dân có thêm kiến thức và cải tạo môi trường lao động, sản xuất kinh tế. Với triết lý "trao cần câu chứ không trao con cá", những dự án SSI lựa chọn luôn là những dự án mang tính thiết thực lâu dài, giúp cho địa phương và người dân có thêm nguồn lực phát triển kinh tế. Năm vừa qua là lần thứ 2 SSI hỗ trợ dự án "Nguồn sống lâm sinh – Hợp phần Green sea" cho Lữ Đoàn 146 với mong muốn góp phần công sức nhỏ bé vào việc tăng mật độ phủ xanh trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, đồng hành để các chiến sĩ, nhân dân vùng hải đảo thêm vững lòng ngày đêm canh giữ vùng biển, trời – chủ quyền của tổ quốc; góp phần cải thiện cảnh quan môi trường; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân yên tâm sinh sống, công tác, giữ vững chủ quyền biển, đảo. Trồng cây trên huyện đảo Trường Sa còn nhằm góp phần cải tạo tự nhiên, che chắn sóng, gió, khắc phục điều kiện khí hậu khắc nghiệt tác động từng ngày, từng giờ tới hoạt động của quân và dân biển đảo; đồng thời hỗ trợ sinh kế cho người dân và bộ đội trên đảo. Những hoạt động này sẽ góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại huyện đảo Trường Sa.

Trải qua 23 năm bền bỉ nỗ lực xây dựng một Việt Nam tươi đẹp và giàu mạnh hơn, SSI đã, đang và sẽ không ngừng phát triển để đồng hành và chia sẻ những khó khăn, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội theo tôn chỉ "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng".



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số: 421/2024/CV-SSIHO
V/v Công bố BCTC riêng, BCTC hợp nhất và Báo cáo tỷ lệ ATTC kiểm toán năm 2023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Mã chứng khoán:	SSI
Địa chỉ trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	028-38242897
Fax:	028-38242997
Người thực hiện công bố thông tin:	Nguyễn Kim Long
Chức vụ:	Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023;
2. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023;
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/3/2024 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	12 - 14
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 - 18
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	21 - 94

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2000. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.011.301.370.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp và hai (02) công ty liên kết sở hữu trực tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu*
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Viết Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Được bầu ngày 7 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày được bầu*
Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng Ủy ban	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 08 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: *11542143/E-66982547-HN*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 94, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611008 - C.T.T.N.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**65.755.288.989.500**	**48.731.915.104.609**
110	***I. Tài sản tài chính***		***65.659.269.540.690***	***48.621.880.319.731***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	493.905.528.209	1.417.807.262.731
111.1	*1.1. Tiền*		*478.598.469.030*	*907.209.511.917*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*15.307.059.179*	*510.597.750.814*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	44.072.153.174.688	30.493.056.048.092
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	4.972.970.722.803	3.507.501.552.879
114	4. Các khoản cho vay	7.4	15.134.065.013.420	11.057.163.090.177
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	415.753.839.520	381.708.255.604
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(32.695.438.612)	(37.251.669.462)
117	7. Các khoản phải thu		589.751.856.359	415.954.955.033
117.1	*7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính*	*9*	*267.997.744.808*	*269.534.422.234*
117.2	*7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*9*	*321.754.111.551*	*146.420.532.799*
117.4	*7.2.1. Dự thu cổ tức, lãi chưa đến ngày nhận*		*321.754.111.551*	*146.420.532.799*
118	8. Trả trước cho người bán	9	32.286.430.398	1.413.299.966.298
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	20.702.848.950	19.991.293.644
122	10. Các khoản phải thu khác	9	192.247.001.763	184.521.001.543
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(231.871.436.808)	(231.871.436.808)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***	***10***	***96.019.448.810***	***110.034.784.878***
131	1. Tạm ứng		18.625.123.377	28.116.569.085
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		1.451.468.687	4.458.362.981
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		63.304.503.778	74.314.488.778
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		244.890.400	365.116.300
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	24	-	504.363.766
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		12.393.462.568	2.275.883.968

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.486.038.113.148**	**3.494.467.781.872**
210	***I. Tài sản tài chính dài hạn***		***2.821.238.620.031***	***2.773.073.277.309***
212	1. Các khoản đầu tư	11	2.821.238.620.031	2.773.073.277.309
212.1	*1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*		*2.171.558.577.993*	*2.156.468.315.100*
212.3	*1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*		*649.680.042.038*	*616.604.962.209*
220	***II. Tài sản cố định***		***269.476.512.837***	***281.930.596.475***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	172.385.377.470	181.650.691.412
222	*1.1. Nguyên giá*		*408.960.853.045*	*365.210.728.483*
223a	*1.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(236.575.475.575)*	*(183.560.037.071)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	97.091.135.367	100.279.905.063
228	*2.1. Nguyên giá*		*254.746.208.312*	*237.335.021.233*
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(157.655.072.945)*	*(137.055.116.170)*
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***235.719.785.810***	***265.112.905.732***
231	1. Nguyên giá		334.221.951.291	365.497.402.113
232a	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(98.502.165.481)	(100.384.496.381)
240	***IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***	***15***	***32.113.341.467***	***25.900.319.841***
250	***V. Tài sản dài hạn khác***		***127.489.853.003***	***148.450.682.515***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	16	34.048.594.628	33.856.918.392
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	17	30.191.564.114	53.000.229.779
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	19.049.102.491	22.684.275.253
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		24.200.591.770	18.909.259.091
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**69.241.327.102.648**	**52.226.382.886.481**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**46.000.434.991.835**	**29.842.500.921.821**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***45.939.117.288.138***	***29.788.710.759.101***
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	43.168.931.078.677	27.892.289.728.472
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*43.168.931.078.677*	*27.892.289.728.472*
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	141.432.129.400	49.171.694.783
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	23	862.312.021.006	319.360.885.025
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.583.183.500	4.821.592.590
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24	359.826.258.949	114.962.879.495
323	6. Phải trả người lao động		108.456.214.320	113.560.403.706
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.041.882.063	800.864.803
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	25	67.825.737.639	58.305.774.563
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		643.333.335	129.242.424
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		446.275.600	336.491.400
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	902.843.398.147	913.074.286.244
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27	301.775.775.502	321.896.915.596
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***61.317.703.697***	***53.790.162.720***
351	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	28	52.387.159.357	52.587.159.357
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	18	8.930.544.340	1.203.003.363
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**23.240.892.110.813**	**22.383.881.964.660**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***23.240.892.110.813***	***22.383.881.964.660***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		18.291.394.836.235	18.191.406.836.235
411.1	*1.1. Vốn góp của chủ sở hữu*		*15.011.301.370.000*	*14.911.301.370.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*15.011.301.370.000*	*14.911.301.370.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*3.299.208.472.644*	*3.299.220.472.644*
411.5	*1.3. Cổ phiếu quỹ*		*(19.115.006.409)*	*(19.115.006.409)*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	(3.793.033.106)	(6.286.385.840)
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		55.243.155.795	44.775.287.721
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		61.252.419.507	61.252.419.507
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	29.1	4.696.261.511.253	3.953.892.022.051
417.1	*5.1 Lợi nhuận đã thực hiện*		*4.764.972.942.283*	*4.080.124.452.649*
417.2	*5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*(68.711.431.030)*	*(126.232.430.598)*
418	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		140.533.221.129	138.841.784.986
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**69.241.327.102.648**	**52.226.382.886.481**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		44.161.494.585	39.596.726.729
005	Ngoại tệ các loại	30.1		
	USD		*833.572,28*	*2.750.026,32*
	EUR		*101,46*	*101,41*
	GBP		*107,64*	*107,64*
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	29.4	1.499.138.669	1.489.138.669
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	29.4	1.991.468	1.991.468
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.2	4.883.569.670.000	1.177.265.220.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	30.3	13.547.260.000	10.484.320.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	30.4	337.024.380.000	76.156.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.5	10.179.573.915.500	14.641.714.640.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		-	30.000
014	Chứng quyền (Số lượng)		677.576.400	139.652.200
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	30.6	92.107.232.651.200	86.914.415.659.420
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*78.834.186.721.200*	*71.772.504.608.420*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*969.229.010.000*	*1.600.752.740.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*10.965.402.370.000*	*12.563.910.520.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*16.950.300.000*	*283.790.610.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*1.321.464.250.000*	*693.457.181.000*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30.7	862.680.390.000	655.464.810.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*838.298.400.000*	*631.083.810.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*24.381.000.000*	*24.381.000.000*
022.4	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ*		*990.000*	-
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30.8	947.743.718.700	691.209.471.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	30.9	13.436.620.000	22.654.350.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	30.10	203.534.390.000	60.083.020.000
026	Tiền gửi của khách hàng		5.274.737.029.714	4.715.407.521.167
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	4.642.998.819.420	4.014.604.735.879
027.1	*Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD*	*30.11*	*523.311.148.651*	*686.416.332.634*
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	9.364.816.809	9.594.783.385
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30.12	99.062.244.834	4.791.669.269
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.13	5.166.309.968.071	4.701.021.068.513
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*4.304.562.383.964*	*4.241.075.877.347*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*861.747.584.107*	*459.945.191.166*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	30.14	94.987.313.000	1.045.505.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30.15	4.074.931.834	3.746.164.269

Bà Võ Hồng Tuyết Nga	Bà Nguyễn Thị Hải Anh	Ông Nguyễn Hồng Nam
Người lập biểu	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		3.166.865.050.788	2.020.267.370.129
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*1.087.667.751.126*	*987.264.064.050*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*177.162.004.311*	*117.166.592.762*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*31.4*	*1.808.268.761.125*	*840.662.880.116*
01.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*93.766.534.226*	*75.173.833.201*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.4	473.679.676.164	417.213.313.455
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.4	1.568.443.996.157	1.800.882.299.866
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	31.4	6.001.639.582	2.853.002.528
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.502.190.490.196	1.706.658.107.064
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		21.536.573.014	31.657.545.454
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		42.207.836.170	27.772.143.504
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		39.690.597.703	39.748.444.936
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		28.667.066.626	45.097.009.759
11	10. Thu nhập hoạt động khác	33	308.409.667.106	243.673.821.265
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**7.157.692.593.506**	**6.335.823.057.960**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		656.269.437.300	961.590.156.565
21.1	*1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*382.339.943.197*	*529.629.983.210*
21.2	*1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*215.044.268.224*	*190.943.874.738*
21.3	*1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*3.543.936.319*	*3.270.957.126*
21.4	*1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*31.3*	*55.341.289.560*	*237.745.341.491*
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		25.722.584.854	-
24	3. Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	32	8.537.006	(1.864.347.240)
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		32.051.451.911	50.655.080.008
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	1.316.274.309.694	1.336.543.002.998
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34	9.919.666.680	9.520.844.919
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34	23.319.014.840	22.983.067.498
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	34	44.821.941.973	44.053.887.897
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	34	33.133.552.301	47.752.237.313
32	10. Chi phí hoạt động khác	34, 35	293.044.813.266	233.601.473.127
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**2.434.565.309.825**	**2.704.835.403.085**

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (trình bày lại)*
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		8.171.970.366	28.287.326.467
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		27.414.204.319	35.855.039.392
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		-	1.377.269.827
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		87.717.734.435	115.173.358.127
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**36**	**123.303.909.120**	**180.692.993.813**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		25.495.038.750	123.981.791.060
52	2. Chi phí lãi vay		1.570.439.043.267	1.030.649.945.603
55	3. Chi phí tài chính khác		41.713.608.024	261.003.468.575
60	**Cộng chi phí tài chính**	**37**	**1.637.647.690.041**	**1.415.635.205.238**
62	**VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**38**	**361.707.269.173**	**296.389.420.325**
70	**VII.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**2.847.076.233.587**	**2.099.656.023.125**
	VIII.THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		2.414.205.998	11.255.802.218
72	Chi phí khác		923.469.392	1.208.433.566
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**39**	**1.490.736.606**	**10.047.368.652**
90	**IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**2.848.566.970.193**	**2.109.703.391.777**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		2.779.261.044.973	2.408.623.128.553
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		69.305.925.220	(298.919.736.776)
100	**X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**40**	**554.094.148.635**	**412.010.222.978**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.1	543.354.773.079	458.919.223.108
100.2	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	40.2	10.739.375.556	(46.909.000.130)
200	**XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**2.294.472.821.558**	**1.697.693.168.799**
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		2.292.781.385.416	1.699.319.896.223
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		-	50.979.596.887
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.691.436.142	(1.626.727.424)

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (trình bày lại)*
300	**XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		2.493.352.734	(2.493.352.734)
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**2.493.352.734**	**(2.493.352.734)**
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		2.493.352.734	(2.493.352.734)
500	**XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**2.292.781.385.416**	**1.648.340.299.336**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	43	1.531	1.389
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	44	1.197	1.030

Bà Võ Hồng Tuyết Nga	Bà Nguyễn Thị Hải Anh	Ông Nguyễn Hồng Nam
Người lập biểu	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**2.848.566.970.193**	**2.109.703.391.777**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(2.006.045.912.098)**	**(1.704.479.483.934)**
03	Khấu hao TSCĐ		105.753.994.595	88.676.230.141
04	Các khoản dự phòng		-	(1.167.906.276)
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(68.762.944.467)	62.570.946.510
06	Chi phí lãi vay		1.570.439.043.267	1.030.649.945.603
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(237.483.528.681)	(245.547.898.154)
08	Dự thu tiền lãi		(3.378.218.475.508)	(2.642.816.759.174)
09	Các khoản điều chỉnh khác		2.225.998.696	3.155.957.416
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**375.867.299.644**	**458.123.335.265**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		270.385.557.784	428.689.216.229
13	Lỗ/(hoàn nhập) suy giảm giá trị các khoản cho vay		8.537.006	(621.440.964)
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		25.722.584.854	-
17	Lỗ khác		79.750.620.000	30.055.560.000
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(271.776.613.288)**	**(224.396.325.963)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(270.928.538.537)	(192.340.425.963)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý các tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(848.074.751)	-
21	Lãi khác		-	(32.055.900.000)
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**946.611.744.451**	**638.950.917.145**
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(13.302.569.462.734)	(18.138.358.519.047)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(1.272.679.801.295)	822.421.067.828
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(4.081.466.691.099)	12.640.724.151.277
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(371.080.443.417)	(113.245.398.753)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.536.677.426	251.819.082.850
37	Tăng phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		(711.555.306)	(19.252.746.884)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		1.377.837.316.748	(346.989.269.424)
40	Tăng các tài sản khác		(2.891.104.669)	(21.410.220.612)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		6.976.999.835	(9.070.551.600)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		33.880.427.080	(49.237.136.032)
43	Thuế TNDN đã nộp		(286.888.581.370)	(647.985.350.710)
44	Lãi vay đã trả		(1.567.902.554.040)	(1.061.026.665.523)
45	Tăng phải trả cho người bán		549.957.324.730	293.604.863.381
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		241.017.260	497.878.376
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(11.106.924.285)	(48.577.891.650)
48	Giảm phải trả người lao động		(5.097.988.501)	(24.817.961.673)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		162.065.469.750	(3.711.583.036.900)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.203.993.019.243	2.510.300.849.506
	- Tiền lãi đã thu		*3.203.752.009.297*	*2.504.871.617.347*
	- Tiền thu khác		*241.009.946*	*5.429.232.159*
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(73.735.428.497)	(115.357.167.012)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(14.693.030.538.690)**	**(7.148.593.105.457)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(98.980.292.042)	(180.336.153.966)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		47.830.771.528	38.972.728
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(346.640.000.000)	(2.900.000.000.000)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		150.000.000.000	6.909.263.969.827
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		173.831.205.477	259.926.465.721
70	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(73.958.315.037)**	**4.088.893.254.310**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	7.550.088.625.000
	Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		-	77.900.000.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(1.367.229.400)
73	Tiền vay gốc		456.844.448.643.479	339.286.560.127.152
73.2	*- Tiền vay khác*		*456.844.448.643.479*	*339.286.560.127.152*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(441.604.695.413.274)	(342.558.769.368.875)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(441.604.695.413.274)*	*(342.558.769.368.875)*
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.496.666.111.000)	(991.140.071.500)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**13.843.087.119.205**	**3.363.272.082.377**
90	**(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**(923.901.734.522)**	**303.572.231.230**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**1.417.807.262.731**	**1.114.235.031.501**
101.1	Tiền		904.053.554.501	475.673.815.170
101.2	Các khoản tương đương tiền		510.597.750.814	640.037.260.272
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.155.957.416	(1.476.043.941)
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**493.905.528.209**	**1.417.807.262.731**
103.1	Tiền		476.356.340.376	904.053.554.501
103.2	Các khoản tương đương tiền		15.307.059.179	510.597.750.814
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.242.128.654	3.155.957.416

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		380.868.384.994.775	401.931.779.713.572
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(379.889.809.880.084)	(401.311.481.102.967)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		766.740.202.121.714	651.032.593.626.488
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD (tăng/(giảm))		(163.105.183.983)	(57.733.840.955)
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(762.482.646.453.989)	(653.956.076.576.323)
11	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(33.802.031.530)	(33.183.188.851)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.472.963.417.200	5.538.971.297.450
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.952.857.475.556)	(5.675.927.619.902)
20	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**559.329.508.547**	**(2.531.057.691.488)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**4.715.407.521.167**	**7.246.465.212.655**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.715.407.521.167	7.246.465.212.655
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.701.021.068.513	7.217.469.786.713
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*686.416.332.634*	*744.150.173.589*
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		9.594.783.385	17.818.952.433
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.791.669.269	11.176.473.509

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**		**5.274.737.029.714**	**4.715.407.521.167**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		5.274.737.029.714	4.715.407.521.167
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	5.166.309.968.071	4.701.021.068.513
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*523.311.148.651*	*686.416.332.634*
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	9.364.816.809	9.594.783.385
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	30.12	99.062.244.834	4.791.669.269

Bà Võ Hồng Tuyết Nga	Bà Nguyễn Thị Hải Anh	Ông Nguyễn Hồng Nam
Người lập biểu	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		10.642.685.440.635	18.191.406.836.235	7.544.558.359.871	4.163.035.729	100.000.000.000	(12.000.000)	18.191.406.836.235	18.291.394.836.235
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*29.2*	*9.847.500.220.000*	*14.911.301.370.000*	*5.063.801.150.000*	-	*100.000.000.000*	-	*14.911.301.370.000*	*15.011.301.370.000*
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		*817.169.133.373*	*3.299.220.472.644*	*2.482.124.439.271*	*(73.100.000)*	-	*(12.000.000)*	*3.299.220.472.644*	*3.299.208.472.644*
1.3. Cổ phiếu quỹ		*(21.983.912.738)*	*(19.115.006.409)*	*(1.367.229.400)*	*4.236.135.729*	-	-	*(19.115.006.409)*	*(19.115.006.409)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		61.252.419.507	61.252.419.507	-	-	-	-	61.252.419.507	61.252.419.507
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		495.932.169.472	-	-	(495.932.169.472)	-	-	-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(3.793.033.106)	(6.286.385.840)	4.320.734.436	(6.814.087.170)	38.110.659.605	(35.617.306.871)	(6.286.385.840)	(3.793.033.106)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		33.624.236.089	44.775.287.721	11.151.051.632	-	10.467.868.074	-	44.775.287.721	55.243.155.795
6. Lợi nhuận chưa phân phối		2.927.812.985.141	3.953.892.022.051	2.711.996.861.902	(1.685.917.824.992)	2.590.307.440.461	(1.847.937.951.259)	3.953.892.022.051	4.696.261.511.253
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*29.1*	*2.798.808.974.439*	*4.080.124.452.649*	*2.461.131.643.480*	*(1.179.816.165.270)*	*2.237.380.088.847*	*(1.552.531.599.213)*	*4.080.124.452.649*	*4.764.972.942.283*
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*29.1*	*129.004.010.702*	*(126.232.430.598)*	*250.865.218.422*	*(506.101.659.722)*	*352.927.351.614*	*(295.406.352.046)*	*(126.232.430.598)*	*(68.711.431.030)*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		62.568.512.410	138.841.784.986	77.900.000.000	(1.626.727.424)	1.691.436.143	-	138.841.784.986	140.533.221.129
TỔNG CỘNG		**14.220.082.730.148**	**22.383.881.964.660**	**10.349.927.007.841**	**(2.186.127.773.329)**	**2.740.577.404.283**	**(1.883.567.258.130)**	**22.383.881.964.660**	**23.240.892.110.813**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	(3.793.033.106)	(6.286.385.840)	4.320.734.436	(6.814.087.170)	38.110.659.605	(35.617.306.871)	(6.286.385.840)	(3.793.033.106)
TỔNG CỘNG		**(3.793.033.106)**	**(6.286.385.840)**	**4.320.734.436**	**(6.814.087.170)**	**38.110.659.605**	**(35.617.306.871)**	**(6.286.385.840)**	**(3.793.033.106)**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bà Võ Hồng Tuyết Nga
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2000. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.011.301.370.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC- UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.637 người (31 tháng 12 năm 2022 là: 1.603 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.011.301.370.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 23.240.892.110.813 VND, và tổng tài sản là 69.241.327.102.648 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
   a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng.
   b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác.
   c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.
   d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở.
   e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
   f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
   g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định tại điểm c, d và e khoản 4 trên.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2022.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	75 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 12/GCN-UBCK ngày 15 tháng 04 năm 2022.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	530,5 tỷ VND	76,15%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty Quốc tế SSI	Thành lập tại Hoa Kỳ theo Đăng ký Kinh doanh số 090813396 - 4724807 ngày 27 tháng 08 năm 2009.	Kinh doanh bất động sản	18.499.870,31 USD	76,15%
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0109944126 ngày 25 tháng 03 năm 2022.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Tư vấn quản lý, lập trình...	200 tỷ VND	68,54%

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ (VND)*	*Hình thức sở hữu*
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 19 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 23). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 08 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.162.945.800.000	Trực tiếp
Quỹ Đầu tư công nghệ số và Y tế Việt Nam (tên cũ là Quỹ Đầu tư công nghệ số Việt Nam)	Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ thành viên số 38/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2021 và giấy chứng nhận điều chỉnh số 53/GCN-UBCK ngày 15 tháng 05 năm 2023.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác.	50.000.000.000	Trực tiếp

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Với kết quả kinh doanh năm 2023, tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất của Công ty là 2.294.472.821.558 VND, tăng 35,15% (tương ứng mức tăng 596.779.652.759 VND) so với năm 2022 do các nguyên nhân sau:

Tăng lợi nhuận sau thuế do:	
Tăng lãi từ các tài sản tài chính FVTPL và AFS	1.149.746.317.713
Giảm lãi từ các khoản cho vay và phải thu	(232.438.303.709)
Giảm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(204.467.616.868)
Tăng từ các chỉ tiêu doanh thu hoạt động khác, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	43.083.421.671
Giảm lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL và AFS	279.598.134.411
Giảm chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.268.693.304
Tăng các chi phí hoạt động khác, chi phí quản lý và chi phí tài chính	(316.927.068.106)
Tăng chi phí thuế TNDN	(142.083.925.657)
Tăng lợi nhuận sau thuế	**596.779.652.759**

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
   - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
   - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
   - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
   - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
   - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý/giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý/giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý/ giá trị thị trường (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT- BTC và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 48/2019/TT-BTC (sau đây gọi chung là "Thông tư 48").

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" và "*Chi phí hoạt động khác*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.16 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.17 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.19 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.20 Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Chứng quyền mua có bảo đảm (tiếp theo)

Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

4.23 Lợi ích của nhân viên

4.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.23.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.23.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.25 *Hợp đồng phái sinh tiền tệ*

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.26 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.27 *Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ*

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân;
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ bán/ cho thuê bất động sản

- Doanh thu từ bán bất động sản được ghi nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định chế độ kế toán hiện hành.
- Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.29 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.30 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.31 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.31 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.32 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.33 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.34 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.35 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.36 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền	478.598.469.030	907.209.511.917
- *Tiền mặt tại quỹ*	*960.029.526*	*383.171.462*
- *Tiền gửi ngân hàng*	*477.638.439.504*	*906.826.340.455*
Các khoản tương đương tiền	15.307.059.179	510.597.750.814
- *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng*	*15.307.059.179*	*510.597.750.814*
Tổng cộng	**493.905.528.209**	**1.417.807.262.731**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	*Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)*
a. Của Công ty	**1.317.580.441**	**172.197.196.471.642**
- Cổ phiếu	587.909.860	15.818.526.397.479
- Trái phiếu	510.642.924	103.225.045.936.931
- Chứng khoán khác	219.027.657	53.153.624.137.232
b. Của nhà đầu tư	**41.344.995.473**	**1.397.037.140.112.241**
- Cổ phiếu	40.366.559.845	853.242.933.781.944
- Trái phiếu	117.630.248	12.199.435.188.737
- Chứng khoán khác	860.805.380	531.594.771.141.560
Tổng cộng	**42.662.575.914**	**1.569.234.336.583.883**

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 *Tài sản tài chính FVTPL*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*
Cổ phiếu và chứng khoán khác niêm yết	**1.014.775.945.689**	**1.006.797.074.806**	**545.312.341.560**	**504.561.988.040**
VPB	384.885.101.433	385.288.704.000	24.445.330.307	24.503.363.700
HPG	56.113.356.069	57.405.946.000	19.282.803.312	17.873.388.000
FPT	92.036.132.250	89.066.729.300	23.803.985.453	23.378.753.500
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	481.741.355.937	475.035.695.506	477.780.222.488	438.806.482.840
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**493.864.555.823**	**493.694.236.100**	**32.345.419.551**	**31.633.886.250**
FPT	24.264.110.048	23.481.266.200	1.344.075.833	1.320.065.400
HPG	184.674.544.091	188.928.584.000	305.544.830	283.212.000
STB	164.653.856.434	160.505.670.000	7.620.371.478	7.643.722.500
ACB	29.832.121.637	30.310.434.100	931.853.679	899.936.700
Cổ phiếu niêm yết khác	90.439.923.613	90.468.281.800	22.143.573.731	21.486.949.650
Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	**263.186.085.662**	**251.045.110.813**	**576.830.917.590**	**559.224.387.540**
Trái phiếu niêm yết	**1.733.873.492.548**	**1.649.434.178.931**	**792.728.150.972**	**784.949.352.684**
Trái phiếu chưa niêm yết (1)	**10.680.989.784.540**	**10.680.989.784.540**	**12.175.839.946.558**	**12.175.839.946.558**
Chứng chỉ tiền gửi (2)	**29.990.192.789.498**	**29.990.192.789.498**	**16.436.846.487.020**	**16.436.846.487.020**
Tổng cộng	**44.176.882.653.760**	**44.072.153.174.688**	**30.559.903.263.251**	**30.493.056.048.092**

(1) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 10.041.645 trái phiếu có giá trị mệnh giá là 6.263.400.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Trong đó, giá trị mệnh giá chứng chỉ tiền gửi thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty là 23.060.000.000.000 VND và được sử dụng làm tài sản đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền của công ty phát hành là 400.000.000.000 VND.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 *Tài sản tài chính AFS*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*
Cổ phiếu niêm yết	**-**	**-**	**125.504.190.922**	**122.387.500.000**
Cổ phiếu chưa niêm yết	**383.215.748.440**	**378.474.457.054**	**241.682.764.524**	**236.941.473.138**
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300
CTCP ConCung	40.007.139.206	40.007.139.216	40.007.139.216	40.007.139.216
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	289.799.687.934	285.058.396.538	148.266.704.008	143.525.412.622
Trái phiếu chưa niêm yết	**37.279.382.466**	**37.279.382.466**	**22.379.282.466**	**22.379.282.466**
Tổng cộng	**420.495.130.906**	**415.753.839.520**	**389.566.237.912**	**381.708.255.604**

7.3 *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi và Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	4.972.970.722.803	3.507.501.552.879

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, có 4.800.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty và 9.223.375.714 VND được dùng để Ngân hàng cấp bảo lãnh.

7.4 *Các khoản cho vay*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị hợp lý (3)*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị hợp lý (3)*
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	14.672.118.042.397	14.671.676.950.385	10.871.610.987.845	10.866.613.664.983
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	461.946.971.023	461.946.971.023	185.552.102.332	185.552.102.332
Tổng cộng	**15.134.065.013.420**	**15.133.623.921.408**	**11.057.163.090.177**	**11.052.165.767.315**

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 18.186.584.760.000 VND và 15.819.406.440.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 41.995.229.417.690 VND và 31.501.024.508.310 VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	*Số đầu năm*			
	Giá mua/Giá gốc	*Chênh lệch đánh giá*		*Giá trị đánh giá lại*
		Chênh lệch tăng	*Chênh lệch giảm*	
FVTPL	**30.559.903.263.251**	**2.355.302.367**	**(69.202.517.526)**	**30.493.056.048.092**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	30.559.903.263.251	2.355.302.367	(69.202.517.526)	30.493.056.048.092
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	545.312.341.560	110.514.308	(40.860.867.828)	504.561.988.040
Cổ phiếu và Chứng chỉ Quỹ chưa niêm yết	32.345.419.551	40.634.964	(752.168.265)	31.633.886.250
Trái phiếu niêm yết	576.830.917.590	2.204.153.095	(19.810.683.145)	559.224.387.540
Trái phiếu chưa niêm yết	792.728.150.972	-	(7.778.798.288)	784.949.352.684
Chứng chỉ tiền gửi	12.175.839.946.558	-	-	12.175.839.946.558
AFS	16.436.846.487.020	-	-	16.436.846.487.020
Cổ phiếu niêm yết	125.504.190.922	4.320.734.436	(7.437.425.358)	122.387.500.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	241.682.764.524	-	(4.741.291.386)	236.941.473.138
Trái phiếu chưa niêm yết	22.379.282.466	-	-	22.379.282.466
Tổng cộng	**30.949.469.501.163**	**6.676.036.803**	**(81.381.234.270)**	**30.874.764.303.696**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 *Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính*

Các loại tài sản tài chính	*Số cuối năm*			
	Giá mua/Giá gốc	*Chênh lệch đánh giá*		*Giá trị đánh giá lại*
		Chênh lệch tăng	*Chênh lệch giảm*	
FVTPL	**44.176.882.653.760**	**18.708.722.741**	**(123.438.201.813)**	**44.072.153.174.688**
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	1.014.775.945.689	3.592.408.983	(11.571.279.866)	1.006.797.074.806
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	493.864.555.823	5.048.744.720	(5.219.064.443)	493.694.236.100
Cổ phiếu và Chứng chỉ Quỹ chưa niêm yết	263.186.085.662	7.669.708.296	(19.810.683.145)	251.045.110.813
Trái phiếu niêm yết	1.733.873.492.548	2.397.860.742	(86.837.174.359)	1.649.434.178.931
Trái phiếu chưa niêm yết	10.680.989.784.540	-	-	10.680.989.784.540
Chứng chỉ tiền gửi	29.990.192.789.498	-	-	29.990.192.789.498
AFS	**420.495.130.906**	**-**	**(4.741.291.386)**	**415.753.839.520**
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	383.215.748.440	-	(4.741.291.386)	378.474.457.054
Trái phiếu chưa niêm yết	37.279.382.466	-	-	37.279.382.466
Tổng cộng	**44.597.377.784.666**	**18.708.722.741**	**(128.179.493.199)**	**44.487.907.014.208**

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	441.092.012	4.997.322.862
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.254.346.600	32.254.346.600
Tổng cộng	**32.695.438.612**	**37.251.669.462**

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	267.997.744.808	269.534.422.234
Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính khó có khả năng thu hồi	*231.621.436.808*	*231.621.436.808*
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	321.754.111.551	146.420.532.799
3. Trả trước cho người bán	32.286.430.398	1.413.299.966.298
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	20.702.848.950	19.991.293.644
Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp	*250.000.000*	*250.000.000*
5. Các khoản phải thu khác	192.247.001.763	184.521.001.543
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(231.871.436.808)	(231.871.436.808)
Tổng cộng	**603.116.700.662**	**1.801.895.779.710**

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm	*Số dự phòng đầu năm*	*Số trích lập trong năm*	*Số hoàn nhập trong năm*	*Số dự phòng cuối năm*	*Giá trị phải thu khó đòi đầu năm*
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	231.621.436.808	231.621.436.808	-	-	231.621.436.808	231.621.436.808
- *Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh*	*231.621.436.808*	*231.621.436.808*	-	-	*231.621.436.808*	*231.621.436.808*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	250.000.000	250.000.000	-	-	250.000.000	250.000.000
- *Công ty Cổ phần Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An*	*10.000.000*	*10.000.000*	-	-	*10.000.000*	*10.000.000*
- *Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)*	*240.000.000*	*240.000.000*	-	-	*240.000.000*	*240.000.000*
Tổng cộng	**231.871.436.808**	**231.871.436.808**	**-**	**-**	**231.871.436.808**	**231.871.436.808**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tạm ứng	18.625.123.377	28.116.569.085
Chi phí trả trước ngắn hạn	63.304.503.778	74.314.488.778
- *Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng*	*1.125.098.215*	*3.515.657.458*
- *Chi phí trả trước dịch vụ*	*62.179.405.563*	*70.798.831.320*
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	244.890.400	365.116.300
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước *(Thuyết minh số 24)*	-	504.363.766
Tài sản ngắn hạn khác	12.393.462.568	2.275.883.968
- *Tiền gửi ký quỹ phái sinh của công ty chứng khoán*	*11.420.466.668*	*1.217.353.068*
- *Khác*	*972.995.900*	*1.058.530.900*
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	1.451.468.687	4.458.362.981
Tổng cộng	**96.019.448.810**	**110.034.784.878**

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Hình thức sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*	*Giá trị VND*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*	*Giá trị VND*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			2.171.558.577.993		2.156.468.315.100
- *Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)*			*2.171.558.577.993*		*2.156.468.315.100*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết *(2)*			649.680.042.038		616.604.962.209
- *Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)*	*Trực tiếp*	*12,73%*	*638.817.506.630*	*12,73%*	*606.243.226.510*
- *Quỹ Đầu tư Công Nghệ số và Y Tế Việt Nam (VDHF)*	*Trực tiếp*	*20,00%*	*10.862.535.408*	*20,00%*	*10.361.735.699*
Tổng cộng			**2.821.238.620.031**		**2.773.073.277.309**

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong số các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có 2.100 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 2.100.000.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 26.580.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 265.801.200.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	616.604.962.209	602.489.410.242
Thanh lý công ty liên kết trong năm	-	(34.621.700.000)
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	-	10.643.136.485
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm	33.075.079.829	*38.094.115.482*
- *Phần chia sẻ lãi trong năm*	*33.075.079.829*	*38.094.115.482*
Số cuối năm	**649.680.042.038**	**616.604.962.209**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	331.031.538.749	29.714.005.982	4.465.183.752	365.210.728.483
Tăng trong năm	37.762.092.015	12.013.480.000	45.650.000	49.821.222.015
Mua trong năm	*37.762.092.015*	*12.013.480.000*	*45.650.000*	*49.821.222.015*
Giảm trong năm	(3.544.860.903)	(2.139.852.400)	(386.384.150)	(6.071.097.453)
Thanh lý, nhượng bán	*(3.544.860.903)*	*(2.139.852.400)*	*(386.384.150)*	*(6.071.097.453)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	365.248.769.861	39.587.633.582	4.124.449.602	408.960.853.045
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	166.268.425.311	14.160.955.798	3.130.655.962	183.560.037.071
Tăng trong năm	55.029.329.798	3.414.101.926	486.282.883	58.929.714.607
Hao mòn trong năm	*55.029.329.798*	*3.414.101.926*	*486.282.883*	*58.929.714.607*
Giảm trong năm	(3.516.756.179)	(2.139.852.400)	(257.667.524)	(5.914.276.103)
Thanh lý, nhượng bán	*(3.516.756.179)*	*(2.139.852.400)*	*(257.667.524)*	*(5.914.276.103)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	217.780.998.930	15.435.205.324	3.359.271.321	236.575.475.575
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	164.763.113.438	15.553.050.184	1.334.527.790	181.650.691.412
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	147.467.770.931	24.152.428.258	765.178.281	172.385.377.470

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	129.407.543.403	60.855.109.293

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm (trình bày lại)
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	237.335.021.233
Tăng trong năm	34.200.316.282
Mua mới	*34.200.316.282*
Giảm trong năm	(16.789.129.203)
Thanh lý, nhượng bán	*(16.789.129.203)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	254.746.208.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	137.055.116.170
Tăng trong năm	37.389.085.978
Hao mòn trong năm	*37.389.085.978*
Giảm trong năm	(16.789.129.203)
Thanh lý, nhượng bán	*(16.789.129.203)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	157.655.072.945
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.279.905.063
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	97.091.135.367

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	69.117.983.845	77.359.440.836

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà và đất
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	365.497.402.113
Tăng trong năm	9.936.259.608
- *Tăng giá trị BĐS Đầu tư*	*276.994.700*
- *Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con*	*9.659.264.908*
Giảm trong năm	(41.211.710.430)
- *Thanh lý, nhượng bán BĐS đầu tư*	*(41.211.710.430)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	334.221.951.291
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.384.496.381
Tăng trong năm	12.180.315.094
- *Hao mòn trong năm*	*9.455.566.775*
- *Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con*	*2.724.748.319*
Giảm trong năm	(14.062.645.994)
- *Thanh lý, nhượng bán BĐS đầu tư*	*(14.062.645.994)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	98.502.165.481
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	265.112.905.732
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	235.719.785.810

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.875.070.998 VND và doanh thu từ nhượng bán bất động sản đầu tư là 51.995.925.000 VND.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí phát triển phần mềm	26.152.274.558	23.461.884.321
Chi phí xây dựng cơ bản khác	5.961.066.909	2.438.435.520
Tổng cộng	**32.113.341.467**	**25.900.319.841**

16. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ký quỹ, đặt cọc của Công ty	34.048.594.628	33.856.918.392

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dụng cụ dài hạn	30.191.564.114	53.000.229.779

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất, chi phí gia hạn dịch vụ bảo trì và bảo hành các phần mềm của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa ba mươi sáu (36) tháng.

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tạm thời không được khấu trừ thuế	4.428.450.302	4.248.099.320
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL và AFS tạm thời không được khấu trừ thuế	4.439.572.576	-
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	11.412.332	15.186.043
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	400.000.000	2.716.180.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khác	-	6.511.347.657
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.769.667.281	9.193.461.645
Tổng cộng	**19.049.102.491**	**22.684.275.253**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	3.648.590.598	471.060.475
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	(1.571.596.462)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	10.910.934.879	2.303.539.350
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(5.628.981.137)	-
Tổng cộng	**8.930.544.340**	**1.203.003.363**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

19. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
Tổng cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

20. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay và đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành:

Đơn vị tính: VND

Tài sản	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Mục đích đảm bảo*
Ngắn hạn	**34.532.623.375.714**	**19.272.500.000.000**	
Tài sản tài chính FVTPL - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 7.1)*	29.323.400.000.000	15.814.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	4.700.000.000.000	1.450.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	100.000.000.000	1.900.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm *(Thuyết minh số 7.3)*	9.223.375.714	8.500.000.000	Hợp đồng cấp bảo lãnh
Chứng chỉ tiền gửi FVTPL *(Thuyết minh số 7.1)*	400.000.000.000	100.000.000.000	Chứng quyền
Dài hạn	**2.365.801.200.000**	**2.365.801.200.000**	
Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	2.100.000.000.000	2.100.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Đầu tư vào công ty liên kết - tính theo mệnh giá *(Thuyết minh số 11)*	265.801.200.000	265.801.200.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tổng cộng	**36.898.424.575.714**	**21.638.301.200.000**	

các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay và nợ

		Số vay trong năm VND	*Số đã trả trong năm VND*	*Số cuối năm VND*
		86.525.565.084.526	94.993.244.953.138	49.450.845.932
		370.318.883.558.953	346.574.562.340.136	43.119.480.232.745
		23.630.000.000.000	16.050.000.000.000	9.980.000.000.000
		28.825.500.000.000	23.500.000.000.000	9.275.500.000.000
		17.138.000.000.000	12.038.000.000.000	7.900.000.000.000
		27.697.160.000.000	23.743.522.500.000	12.468.600.000.000
		273.028.223.558.953	271.243.039.840.136	3.495.380.232.745
		456.844.448.643.479	**441.567.807.293.274**	**43.168.931.078.677**

i điểm cuối năm là 60 triệu USD, toàn bộ các khoản vay này đã được phòng
ng.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết số dư vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn của Công ty trong năm như sau:

	Lãi suất vay %/năm	*Số đầu năm VND*
Vay ngân hàng thấu chi	Dưới 9,3	8.517.130.714.544
Vay ngắn hạn	Dưới 8,3	19.375.159.013.928
- *Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam*		*2.400.000.000.000*
- *Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam*		*3.950.000.000.000*
- *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*		*2.800.000.000.000*
- *Các ngân hàng khác (*)*		*8.514.962.500.000*
- *Vay khác*		*1.710.196.513.928*
Tổng cộng		**27.892.289.728.472**

(*) Trong đó một số khoản vay tín chấp có gốc ngoại tệ có giá trị tại thời điểm cuối năm là 60 triệu USD, toàn bộ các khoản vay này đã được phòng ngừa rủi ro bằng các hợp đồng kỳ hạn mua ngoại tệ tại các ngân hàng.

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	25.004.515.400	26.036.223.783
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)	116.427.614.000	23.135.471.000
Tổng cộng	**141.432.129.400**	**49.171.694.783**

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	*Số lượng chứng quyền đang lưu hành*	*Số lượng chứng quyền được phép phát hành*	*Số lượng chứng quyền đang lưu hành*
STB/6M/SSI/C/EU/Cash-14	35.000.000	13.273.000	-	-
STB/9M/SSI/C/EU/Cash-14	70.000.000	33.070.800	-	-
HPG/6M/SSI/C/EU/Cash-14	30.000.000	23.361.700	-	-
HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-14	30.000.000	12.386.000	-	-
MWG/6M/SSI/C/EU/Cash-14	20.000.000	18.563.300	-	-
Các chứng quyền khác	757.000.000	163.768.800	423.000.000	283.347.800
Tổng cộng	**942.000.000**	**264.423.600**	**423.000.000**	**283.347.800**

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Syspulse Singapore	9.053.664.206	-
Công ty TNHH Infobip	1.907.778.449	2.079.262.985
Phải trả tiền mua chứng khoán	830.182.547.000	289.109.896.398
Phải trả người bán khác	21.168.031.351	28.171.725.642
Tổng cộng	**862.312.021.006**	**319.360.885.025**

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	328.996.265	720.763.429
Thuế thu nhập doanh nghiệp	289.075.048.638	33.112.581.088
Thuế thu nhập cá nhân	59.736.381.284	74.377.223.838
Thuế nhà thầu	10.685.832.762	6.752.311.140
Tổng cộng	**359.826.258.949**	**114.962.879.495**

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

STT	*Chỉ tiêu*	*Số đầu năm*	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
I	**Thuế**	**114.458.515.729**	**1.308.494.416.229**	**1.063.126.673.009**	**359.826.258.949**
1	Thuế giá trị gia tăng	720.123.822	6.256.002.707	6.647.130.264	328.996.265
	Trong đó:				
	- Thuế GTGT phải nộp	*720.763.429*			*328.996.265*
	- Thuế GTGT thu lại từ Nhà nước	*(639.607)*			-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 40.1)*	32.608.856.929	543.354.773.079	286.888.581.370	289.075.048.638
	Trong đó:				
	- Thuế TNDN phải nộp	*33.112.581.088*			*289.075.048.638*
	- Thuế TNDN thu lại từ Nhà nước	*(503.724.159)*			-
3	Các loại thuế khác	81.129.534.978	758.883.640.443	769.590.961.375	70.422.214.046
	Thuế thu nhập cá nhân	*17.214.103.618*	*135.393.026.034*	*132.251.215.600*	*20.355.914.052*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*57.163.120.220*	*546.839.490.962*	*564.622.143.950*	*39.380.467.232*
	Thuế môn bài	-	*22.500.000*	*22.500.000*	-
	Thuế khác (thuế nhà thầu)	*6.752.311.140*	*76.628.623.447*	*72.695.101.825*	*10.685.832.762*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**-**	**159.675.670**	**159.675.670**	**-**
	Tổng cộng	**114.458.515.729**	**1.308.654.091.899**	**1.063.286.348.679**	**359.826.258.949**

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm	*Số đầu năm*
48.740.566.290	46.203.408.223
6.860.895.433	1.597.703.192
874.800.000	693.200.000
4.857.897.310	8.530.148.573
6.491.578.606	1.281.314.575
67.825.737.639	**58.305.774.563**

Chi phí lãi vay phải trả
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi
Phí dịch vụ
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác
Các khoản khác

Tổng cộng

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm	*Số đầu năm*
888.163.335.821	866.848.374.144
8.226.474.113	7.876.435.232
7.689.997.900	*7.337.142.900*
536.476.213	*539.292.332*
6.453.588.213	38.349.476.868
902.843.398.147	**913.074.286.244**

Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (*)
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty
Phải trả khác

Tổng cộng

(*) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

27. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm	*Số đầu năm*
173.045.737.799	205.457.270.855
128.730.037.703	116.439.644.741
301.775.775.502	**321.896.915.596**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên
Quỹ từ thiện

Tổng cộng

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	12.890.045.591
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	9.277.932.564	9.277.932.564
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.200.000.000	1.400.000.000
Tổng cộng	**52.387.159.357**	**52.587.159.357**

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu và phần doanh thu chưa thực hiện khác.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lợi nhuận đã thực hiện	4.764.972.942.283	4.080.124.452.649
Lợi nhuận chưa thực hiện	(68.711.431.030)	(126.232.430.598)
- *Lợi nhuận chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành*	(70.293.963.756)	(59.052.018.857)
- *Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá*	1.582.532.726	(67.180.411.741)
Tổng cộng	**4.696.261.511.253**	**3.953.892.022.051**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.2 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	**14.911.301.370.000**	**3.299.220.472.644**	**(19.115.006.409)**	**(6.286.385.840)**	**44.775.287.721**	**61.252.419.507**	**3.953.892.022.051**	**138.841.784.986**	**22.383.881.964.660**
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 5 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	2.294.472.821.558	-	2.294.472.821.558
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	2.493.352.734	-	-	-	-	2.493.352.734
Cổ tức SSI 2022 (10%) theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 của ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	(1.499.138.669.000)	-	(1.499.138.669.000)
Trích lập quỹ từ thiện, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 của ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	(50.979.596.886)	-	(50.979.596.886)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con phát sinh trong năm	-	-	-	-	10.467.868.074	-	-	-	10.467.868.074
Giảm khác		(12.000.000)	-	-	-	-	(293.630.327)	-	(305.630.327)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.691.436.143)	1.691.436.143	-
Số cuối năm	**15.011.301.370.000**	**3.299.208.472.644**	**(19.115.006.409)**	**(3.793.033.106)**	**55.243.155.795**	**61.252.419.507**	**4.696.261.511.253**	**140.533.221.129**	**23.240.892.110.813**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.3 *Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2023 và 1/1/2022)	4.080.124.452.649	2.798.808.974.439
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2023 và 31/12/2022)	(128.997.835.405)	(137.330.829.893)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	2.237.380.088.847	2.461.131.643.480
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	6.188.506.706.091	5.122.609.788.026
5. Số trích từ lợi nhuận	(50.979.596.886)	(185.242.719.579)
- *Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng*	*(50.979.596.886)*	*(185.242.719.579)*
6. Các khoản khác làm tăng/(giảm) lợi nhuận chưa phân phối	(2.413.333.335)	(1.813.214.691)
7. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(1.499.138.669.000)	(992.760.231.000)
- *Trả cổ tức bằng tiền*	*(1.499.138.669.000)*	*(992.760.231.000)*
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	**4.635.975.106.870**	**3.942.793.622.756**

29.4 *Cổ phiếu*

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**1.501.130.137**	**1.491.130.137**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**1.501.130.137**	**1.491.130.137**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.501.130.137	1.491.130.137
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.501.130.137*	*1.491.130.137*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(1.991.468)**	**(1.991.468)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(1.991.468)	(1.991.468)
- *Cổ phiếu phổ thông*	*(1.991.468)*	*(1.991.468)*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.499.138.669**	**1.489.138.669**
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.499.138.669*	*1.489.138.669*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

30.1. *Ngoại tệ các loại*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
USD	833.572,28	2.750.026,32
EUR	101,46	101,41
GBP	107,64	107,64

30.2. *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.231.123.470.000	843.126.510.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	600.801.200.000	324.801.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	51.645.000.000	9.337.510.000
Tổng cộng	**4.883.569.670.000**	**1.177.265.220.000**

30.3. *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	12.547.260.000	9.484.320.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	**13.547.260.000**	**10.484.320.000**

30.4. *Tài sản tài chính chờ về của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu	337.024.380.000	76.156.000.000

30.5. *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chứng chỉ quỹ	79.654.585.500	312.069.930.000
Cổ phiếu	289.239.330.000	157.864.710.000
Trái phiếu	9.810.680.000.000	14.171.780.000.000
Tổng cộng	**10.179.573.915.500**	**14.641.714.640.000**

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.6. *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	78.834.186.721.200	71.772.504.608.420
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	969.229.010.000	1.600.752.740.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	10.965.402.370.000	12.563.910.520.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	16.950.300.000	283.790.610.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.321.464.250.000	693.457.181.000
Tổng cộng	**92.107.232.651.200**	**86.914.415.659.420**

30.7. *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	838.298.400.000	631.083.810.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	24.381.000.000	24.381.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	990.000	-
Tổng cộng	**862.680.390.000**	**655.464.810.000**

30.8. *Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền	947.433.718.700	691.199.471.000
Trái phiếu	310.000.000	10.000.000
Tổng cộng	**947.743.718.700**	**691.209.471.000**

30.9. *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu	13.436.620.000	22.654.350.000

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.10. *Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu	109.708.290.000	60.083.020.000
Trái phiếu	93.826.100.000	-
Tổng cộng	**203.534.390.000**	**60.083.020.000**

30.11. *Tiền gửi Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.642.998.819.420	4.014.604.735.879
- *Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*3.951.319.917.877*	*3.809.759.568.108*
- *Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*691.678.901.543*	*204.845.167.771*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	523.311.148.651	686.416.332.634
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	9.364.816.809	9.594.783.385
Tổng cộng	**5.175.674.784.880**	**4.710.615.851.898**

30.12. *Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	94.987.313.000	1.045.505.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	4.074.931.834	3.746.164.269
Tổng cộng	**99.062.244.834**	**4.791.669.269**

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.13. Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.166.309.968.071	4.701.021.068.513
- Của Nhà đầu tư trong nước	*4.304.562.383.964*	*4.241.075.877.347*
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	*861.747.584.107*	*459.945.191.166*
Tổng cộng	**5.166.309.968.071**	**4.701.021.068.513**

30.14. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	94.987.313.000	1.045.505.000

30.15. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	4.074.931.834	3.746.164.269

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

31.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

Đơn vị tính: VND

STT	*Danh mục các khoản đầu tư*	*Số lượng bán Đơn vị*	*Tổng giá trị bán VND*	*Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND*	*Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND*	*Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND*
I	**LÃI BÁN**					
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền)	196.608.319	4.815.925.590.607	4.676.959.739.374	138.965.851.233	174.083.236.700
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) chưa niêm yết	35.328.977	470.867.213.896	438.897.375.243	31.969.838.653	616.352.523
3	Trái phiếu niêm yết	126.820.894	13.460.863.883.368	13.402.450.267.517	58.413.615.851	17.510.957.561
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết, CCTG	70.198.947	196.427.592.001.620	195.850.008.578.476	577.583.423.144	332.829.046.789
5	Lãi vị thế của hợp đồng CKPS	-	-	-	92.862.868.000	180.882.827.000
6	Lãi chứng quyền do Công ty phát hành	1.131.534.195	517.276.382.545	329.404.228.300	187.872.154.245	281.341.643.477
	Tổng cộng	**1.560.491.332**	**215.692.525.072.036**	**214.697.720.188.910**	**1.087.667.751.126**	**987.264.064.050**
II	**LỖ BÁN**					
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền)	166.391.138	4.301.355.862.471	4.514.843.525.422	(213.487.662.951)	(332.549.089.770)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000	5.100.000.000	5.250.090.000	(150.090.000)	(153.671)
3	Trái phiếu niêm yết	58.314.103	6.439.364.466.348	6.452.625.723.922	(13.261.257.574)	(6.092.692.705)
4	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết, CCTG	17.403.310	11.510.300.076.121	11.564.673.056.332	(54.372.980.211)	(43.978.771.189)
5	Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS	-	-	-	(76.646.216.000)	(121.267.354.000)
6	Lỗ chứng quyền do Công ty phát hành	408.185.605	295.011.186.789	319.432.923.250	(24.421.736.461)	(25.741.921.875)
	Tổng cộng	**650.594.156**	**22.551.131.591.729**	**22.856.825.318.926**	**(382.339.943.197)**	**(529.629.983.210)**

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2. *Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính*

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I	**Loại FVTPL**	**44.176.882.653.760**	**44.072.153.174.688**	**(104.729.479.072)**	**(66.847.215.159)**	**(37.882.263.913)**
1	***Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác***	***1.014.775.945.689***	***1.006.797.074.806***	***(7.978.870.883)***	***(40.750.353.520)***	***32.771.482.637***
	VPB	384.885.101.433	385.288.704.000	403.602.567	58.033.393	345.569.174
	HPG	56.113.356.069	57.405.946.000	1.292.589.931	(1.409.415.312)	2.702.005.243
	FPT	92.036.132.250	89.066.729.300	(2.969.402.950)	(425.231.953)	(2.544.170.997)
	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết khác	481.741.355.937	475.035.695.506	(6.705.660.431)	(38.973.739.648)	32.268.079.217
2	***Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền***	***493.864.555.823***	***493.694.236.100***	***(170.319.723)***	***(711.533.301)***	***541.213.578***
	FPT	24.264.110.048	23.481.266.200	(782.843.848)	(24.010.433)	(758.833.415)
	HPG	184.674.544.091	188.928.584.000	4.254.039.909	(22.332.830)	4.276.372.739
	STB	164.653.856.434	160.505.670.000	(4.148.186.434)	23.351.022	(4.171.537.456)
	ACB	29.832.121.637	30.310.434.100	478.312.463	(31.916.979)	510.229.442
	Cổ phiếu khác	90.439.923.613	90.468.281.800	28.358.187	(656.624.081)	684.982.268
3	***Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết***	***263.186.085.662***	***251.045.110.813***	***(12.140.974.849)***	***(17.606.530.050)***	***5.465.555.201***
4	***Trái phiếu niêm yết***	***1.733.873.492.548***	***1.649.434.178.931***	***(84.439.313.617)***	***(7.778.798.288)***	***(76.660.515.329)***
5	***Trái phiếu chưa niêm yết***	***10.680.989.784.540***	***10.680.989.784.540***	-	-	-
6	***Chứng chỉ tiền gửi***	***29.990.192.789.498***	***29.990.192.789.498***	-	-	-

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2. *Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính* (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
II	**Loại AFS**	**420.495.130.906**	**415.753.839.520**	**(4.741.291.386)**	**(7.857.982.308)**	**3.116.690.922**
1	***Cổ phiếu niêm yết***	-	-	-	***(3.116.690.922)***	***3.116.690.922***
2	***Cổ phiếu chưa niêm yết***	***383.215.748.440***	***378.474.457.054***	***(4.741.291.386)***	***(4.741.291.386)***	-
3	***Trái phiếu chưa niêm yết***	***37.279.382.466***	***37.279.382.466***	-	-	-
	Tổng cộng	**44.597.377.784.666**	**44.487.907.014.208**	**(109.470.770.458)**	**(74.705.197.467)**	**(34.765.572.991)**

31.3. *Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền*

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
	Loại Chứng quyền					
1	STB/6M/SSI/C/EU/Cash-14	13.264.303.548	3.318.250.000	9.946.053.548	-	9.946.053.548
2	STB/9M/SSI/C/EU/Cash-14	56.069.515.020	38.031.420.000	18.038.095.020	-	18.038.095.020
3	HPG/6M/SSI/C/EU/Cash-14	8.932.311.666	8.877.446.000	54.865.666	-	54.865.666
4	HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-14	8.287.546.775	10.032.660.000	(1.745.113.225)	-	(1.745.113.225)
5	MWG/6M/SSI/C/EU/Cash-14	16.303.005.813	1.299.431.000	15.003.574.813	-	15.003.574.813
6	Các chứng quyền khác	62.565.971.971	54.868.407.000	7.697.564.971	10.569.796.127	(2.872.231.156)
	Tổng cộng	**165.422.654.793**	**116.427.614.000**	**48.995.040.793**	**10.569.796.127**	**38.425.244.666**

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.4. *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.808.268.761.125	840.662.880.116
Từ tài sản tài chính HTM	473.679.676.164	417.213.313.455
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.568.443.996.157	1.800.882.299.866
Từ tài sản tài chính AFS	6.001.639.582	2.853.002.528
Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS	*5.153.564.831*	*2.853.002.528*
Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại khi bán	*848.074.751*	-
Tổng cộng	**3.856.394.073.028**	**3.061.611.495.965**

32. TRÍCH LẬP/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	8.537.006	(621.440.964)
Hoàn nhập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi	-	(1.242.906.276)
Tổng cộng	**8.537.006**	**(1.864.347.240)**

33. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cho thuê tài sản	7.875.070.998	8.220.665.660
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục ủy thác của công ty con	116.264.495.908	136.921.460.767
Doanh thu từ hoạt động bán bất động sản đầu tư của công ty con	51.995.925.000	-
Doanh thu khác (*)	132.274.175.200	98.531.694.838
Tổng cộng	**308.409.667.106**	**243.673.821.265**

(*) Bao gồm lãi từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán, doanh thu từ phí dịch vụ cung cấp mô hình nghiên cứu, doanh thu từ phí phong tỏa chứng khoán, doanh thu về phí SMS và các doanh thu khác.

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	1.316.274.309.694	1.336.543.002.998
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	9.919.666.680	9.520.844.919
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	33.133.552.301	47.752.237.313
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	23.319.014.840	22.983.067.498
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	44.821.941.973	44.053.887.897
Chi phí hoạt động khác *(Thuyết minh số 35)*	293.044.813.266	233.601.473.127
Tổng cộng	**1.720.513.298.754**	**1.694.454.513.752**

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí môi giới chứng khoán	300.518.833.589	344.101.936.315
Chi phí hoạt động lưu ký	41.922.402.416	41.971.968.707
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	774.667.313.034	764.546.096.114
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	46.973.933.323	38.840.843.250
Chi phí vật tư văn phòng	1.287.634.906	1.306.518.241
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.710.448.319	11.312.372.975
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	64.476.643.518	57.004.559.636
Chi phí dự phòng	-	75.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.851.331.398	331.081.122.989
Chi phí về vốn	58.131.534.006	72.720.002.130
Chi phí khác	63.973.224.245	31.494.093.395
Tổng cộng	**1.720.513.298.754**	**1.694.454.513.752**

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục của công ty con	73.670.346.217	81.324.601.522
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	53.120.892.103	66.304.327.225
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	23.455.025.787	21.876.488.789
Giá vốn và chi phí liên quan bán BĐS đầu tư của công ty con	31.595.477.236	-
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	75.000.000
- *Trích lập chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp*	-	*75.000.000*
Chi phí trực tiếp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác	111.203.071.923	64.021.055.591
Tổng cộng	**293.044.813.266**	**233.601.473.127**

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	8.171.970.366	28.287.326.467
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và dưới ba (03) tháng	27.414.204.319	35.855.039.392
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết *(Thuyết minh số 11)*	33.075.079.829	38.094.115.482
Lãi thanh lý công ty liên kết	-	1.377.269.827
Doanh thu hoạt động tài chính khác	54.642.654.606	77.079.242.645
Tổng cộng	**123.303.909.120**	**180.692.993.813**

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	25.495.038.750	123.981.791.060
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.570.439.043.267	1.030.649.945.603
Chi phí tài chính khác	41.713.608.024	261.003.468.575
Tổng cộng	**1.637.647.690.041**	**1.415.635.205.238**

38. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương và các khoản phúc lợi	129.634.259.517	98.197.577.456
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	11.939.377.810	8.600.900.600
Chi phí văn phòng phẩm	2.253.162.213	2.117.429.961
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.731.144.223	8.792.145.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.480.216.312	30.170.157.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.618.147.098	132.233.300.356
Chi phí khác	16.050.962.000	16.277.908.401
Tổng cộng	**361.707.269.173**	**296.389.420.325**

39. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
- *Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản*	*291.679.175*	*109.770.457*
- *Thu nhập khác*	*2.122.526.823*	*11.146.031.761*
Tổng thu nhập khác	**2.414.205.998**	**11.255.802.218**
Chi phí khác		
- *Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản*	*(60.808.105)*	-
- *Chi phí khác*	*(862.661.287)*	*(1.208.433.566)*
Tổng chi phí khác	**(923.469.392)**	**(1.208.433.566)**
Tổng cộng	**1.490.736.606**	**10.047.368.652**

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**2.848.566.970.193**	**2.109.703.391.777**
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng lợi nhuận theo kế toán	***(286.179.410.919)***	***19.146.829.922***
Các khoản điều chỉnh tăng	270.385.557.784	428.689.216.229
- *Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*215.044.268.224*	*190.943.874.738*
- *Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*55.341.289.560*	*237.745.341.491*
Các khoản điều chỉnh giảm	(556.564.968.703)	(409.542.386.307)
- *Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức*	*(26.941.672.800)*	*(27.128.801.704)*
- *Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm*	*(54.363.171.591)*	*(17.179.284.676)*
- *Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*(177.162.004.311)*	*(117.166.592.762)*
- *Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*(93.766.534.226)*	*(75.173.833.201)*
- *Lợi nhuận trước thuế từ công ty con*	*(111.129.983.753)*	*(82.299.576.402)*
- *Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết*	*(33.075.079.829)*	*(38.094.115.482)*
- *Các khoản điều chỉnh khác*	*(60.126.522.193)*	*(52.500.182.080)*
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**2.562.387.559.274**	**2.128.850.221.699**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**512.477.511.855**	**425.770.044.343**
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	**21.181.456.986**	**19.530.719.951**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	32.608.856.929	221.600.866.845
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	9.695.804.238	13.618.458.814
Điều chỉnh thuế TNDN của công ty con theo biên bản của cơ quan thuế	-	74.117.686
Thuế TNDN đã trả trong năm	(286.888.581.370)	(647.985.350.710)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**289.075.048.638**	**32.608.856.929**

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

40.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Số đầu năm	22.684.275.253	14.950.769.533
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	180.350.982	-
Thuế TNDN hoãn lại từ đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL & AFS chưa được khấu trừ thuế	4.439.572.576	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do (hoàn nhập)/ trích lập dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay	(3.773.711)	(124.151.978)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản (thu nhập)/chi phí tạm thời tính thuế	(2.716.180.588)	1.346.310.041
Thuế TNDN hoãn lại khác	(5.535.142.021)	6.511.347.657
Số cuối năm	**19.049.102.491**	**22.684.275.253**
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	1.203.003.363	41.001.835.957
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	882.366.520	(2.003.546.591)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	3.177.530.123	(10.619.082.151)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	1.571.596.462	(623.338.184)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	8.607.395.529	(33.064.213.325)
Thuế TNDN hoãn lại khác	(6.511.347.657)	6.511.347.657
Số cuối năm	**8.930.544.340**	**1.203.003.363**

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

40.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(180.350.982)	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do hoàn nhập/(trích lập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	3.773.711	124.151.978
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế	1.739.974.952	(1.346.310.041)
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	882.366.520	(2.003.546.591)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá (giảm)/tăng tài sản tài chính FVTPL và đánh giá giảm phải trả chứng quyền	8.293.611.355	(43.683.295.476)
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	**10.739.375.556**	**(46.909.000.130)**

41. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	*Số đầu năm*	*Số phát sinh*	*Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh*	*Số cuối năm*
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(6.286.385.840)	(22.381.157.369)	24.874.510.103	(3.793.033.106)

42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	4.613.055.734	11.598.939.485
- Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*2.119.703.000*	*955.803.000*
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại	*2.493.352.734*	*-*
- Lãi phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	*-*	*10.643.136.485*
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(2.425.333.327)	(5.262.370.422)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại	*-*	*(2.493.352.734)*
- Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*(2.425.333.327)*	*(2.769.017.688)*
Tổng cộng	**2.187.722.407**	**6.336.569.063**

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông. Báo cáo năm 2023 được tính trên cơ sở chưa gồm tỷ lệ trích lập các quỹ do chưa có đủ thông tin. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	2.292.781.385.416	1.648.340.299.336
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.497.494.833	1.187.083.380
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.531	1.389

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ từ thiện và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	*Số trình bày lại*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	1.699.319.896.223	1.648.340.299.336
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.187.083.380	1.187.083.380
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.432	1.389

44. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

44. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VND	2.292.781.385.416	1.648.340.299.336
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VND	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VND	2.292.781.385.416	1.648.340.299.336
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng để tính thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (*)	1.915.166.610	1.599.872.299
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	1.197	1.030

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ từ thiện và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ngoài ra, Nghị quyết 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	*Số trình bày lại*
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VND	1.699.319.896.223	1.648.340.299.336
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VND	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VND	1.699.319.896.223	1.648.340.299.336
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.297.646.272	1.599.872.299
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	1.310	1.030

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP, chào bán cổ phiếu riêng lẻ và chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng Giám đốc NDH Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,44% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

		Phải thu/(phải trả)				*Doanh thu/*
Công ty liên quan	*Giao dịch*	*Ngày 01 tháng 01 năm 2023*	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*(chi phí)*
Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	10.361.735.698	500.799.711	-	10.862.535.409	500.799.711
	Phí quản lý quỹ	260.666.574	1.065.764.384	(1.052.789.090)	273.641.868	1.065.764.384
	Giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi	-	(50.150.712.825)	50.150.712.825	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	20.205.008.929.153	(20.205.008.929.153)	-	36.934.453.751
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	1.228.128.000	2.350.000.000	(3.578.128.000)	-	2.297.000.000
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	(832.796.067.848)	(4.136.109.825.667)	4.703.218.277.998	(265.687.615.517)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	(1.525.934.400)	(44.417.915.883)	41.932.185.468	(4.011.664.815)	(44.417.915.883)
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	(200.000.000)	-	100.000.000	(100.000.000)	-
	Chi phí mua hàng hóa dịch vụ	-	(99.369.746)	99.088.152	(281.594)	(99.369.746)
	Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	(15.669.932.289.759)	15.669.932.289.759	-	-
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	571.771.109.338	32.574.280.119	-	604.345.389.457	32.574.280.119

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

		Phải thu/(phải trả)				
Công ty liên quan	*Giao dịch*	*Ngày 01 tháng 01 năm 2023*	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Doanh thu/ (chi phí)*
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.350.158.944	(1.350.158.944)	-	1.227.417.222
	Phí hoa hồng phải trả	(632.663.617)	(6.320.139.640)	5.588.441.587	(1.364.361.670)	(6.320.139.640)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	913.666.863	2.240.175.076	(2.007.831.971)	1.146.009.968	2.240.175.076
	Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ	1.314.352.577	6.127.131.183	(5.886.726.775)	1.554.756.985	6.072.528.012
	Cổ tức SSI	-	(231.737.895.000)	231.737.895.000	-	-
	Phải thu khác	-	3.977.268.353	(3.115.884.112)	861.384.241	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	460.230.748	(460.230.748)	-	460.230.748
	Cổ tức SSI	-	(2.500.001.000)	2.500.001.000	-	-
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	167.700.000	(167.700.000)	-	167.700.000
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	-	(17.512.000.000)	-	(17.512.000.000)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	-	(59.540.800)	-	(59.540.800)	(59.540.800)
	Cổ tức SSI	-	(54.901.068.000)	54.901.068.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	324.487.250	(324.487.250)	-	324.487.250
	Phí quản lý danh mục	16.653.336	199.840.081	(199.840.080)	16.653.337	199.840.081
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	675.000.000	-	(675.000.000)	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	1.112.093.412.504	(1.112.093.412.504)	-	2.722.552.764
	Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	(11.886.156.752.400)	11.886.156.752.400	-	-
	Ứng trước phí dịch vụ	(203.700.000)	-	203.700.000	-	-
	Cổ tức SSI	-	(94.237.688.000)	94.237.688.000	-	-

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

		Phải thu/(phải trả)				
Công ty liên quan	*Giao dịch*	*Ngày 01 tháng 01 năm 2023*	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Doanh thu/ (chi phí)*
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	431.212.052	(431.212.052)	-	430.864.950
	Cổ tức SSI	-	(77.697.224.000)	77.697.224.000	-	-
	Phí quản lý danh mục	6.932.152	80.726.014	(80.726.015)	6.932.151	80.726.014
	Các giao dịch khác	(4.432.110.315)	(1.730.016.945.359)	1.696.664.723.935	(37.784.331.739)	(2.195.960.854)

Thù lao của từng thành viên HĐQT (Kiêm Ủy Ban Kiểm Toán) và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

		Năm nay		Năm trước	
Họ tên	*Chức danh*	*Tiền lương*	*Thù lao*	*Tiền lương*	*Thù lao*
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Hội đồng đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban chiến lược	7.020.421.000	-	7.796.400.000	-
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	6.341.400.000	-	6.593.900.000	-
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT	-	1.373.333.335	-	1.646.000.002
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000	-	300.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	-	740.000.000	-	452.500.000

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.2 *Thông tin báo cáo bộ phận*

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	*Tự doanh*	*Kinh doanh nguồn vốn*	*Quản lý danh mục*	*Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác*	*Tổng cộng*
Năm 2023						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán (1)	3.133.307.476.416	3.206.337.173.901	672.260.386.073	145.696.876.859	125.808.795.375	7.283.410.708.624
2. Các chi phí trực tiếp	1.879.774.201.579	1.599.368.765.919	429.121.180.145	62.951.059.512	101.921.262.104	4.073.136.469.259
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	264.769.721.033	32.191.946.957	23.510.972.497	22.425.850.688	18.808.777.997	361.707.269.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**988.763.553.804**	**1.574.776.461.025**	**219.628.233.431**	**60.319.966.659**	**5.078.755.274**	**2.848.566.970.193**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023						
1. Tài sản bộ phận	15.168.708.348.625	45.722.961.914.322	7.146.111.634.126	27.279.780.054	206.523.389.437	68.271.585.066.564
2. Tài sản phân bổ	325.328.507.618	39.554.968.823	28.888.460.376	27.555.146.820	23.110.768.301	444.437.851.938
3. Tài sản không phân bổ						525.304.184.146
Tổng tài sản	**15.494.036.856.243**	**45.762.516.883.145**	**7.175.000.094.502**	**54.834.926.874**	**229.634.157.738**	**69.241.327.102.648**
4. Nợ phải trả bộ phận	10.848.000.563.524	31.007.696.148.338	3.316.184.623.380	3.776.201.551	10.737.079.324	45.186.394.616.117
5. Nợ phân bổ	301.189.178.212	36.619.995.712	26.744.940.688	25.510.558.810	21.395.952.551	411.460.625.973
6. Nợ không phân bổ						402.579.749.745
Tổng công nợ	**11.149.189.741.736**	**31.044.316.144.050**	**3.342.929.564.068**	**29.286.760.361**	**32.133.031.875**	**46.000.434.991.835**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.2 *Thông tin báo cáo bộ phận* (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	*Tự doanh*	*Kinh doanh nguồn vốn*	*Quản lý danh mục*	*Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác*	*Tổng cộng*
Năm 2022						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.564.487.585.589	2.069.341.948.380	634.691.449.893	164.950.867.701	94.300.002.428	6.527.771.853.991
2. Các chi phí trực tiếp	2.003.411.680.512	1.488.755.881.775	465.184.478.096	69.760.162.102	94.566.839.402	4.121.679.041.887
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	210.436.488.431	29.342.552.612	18.613.255.597	13.752.469.103	24.244.654.584	296.389.420.327
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**1.350.639.416.646**	**551.243.513.993**	**150.893.716.200**	**81.438.236.496**	**(24.511.491.558)**	**2.109.703.391.777**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022						
1. Tài sản bộ phận	11.088.129.508.153	33.335.022.241.333	6.163.910.276.328	101.475.639.177	202.401.748.502	50.890.939.413.493
2. Tài sản phân bổ	351.005.715.305	48.943.050.444	31.046.702.706	22.938.965.057	40.439.813.397	494.374.246.909
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	841.069.226.079
Tổng tài sản	**11.439.135.223.458**	**33.383.965.291.777**	**6.194.956.979.034**	**124.414.604.234**	**242.841.561.899**	**52.226.382.886.481**
4. Nợ phải trả bộ phận	9.815.150.558.266	16.585.113.281.252	2.770.836.107.110	74.714.649.437	8.702.763.275	29.254.517.359.340
5. Nợ phân bổ	309.743.310.715	43.189.560.226	27.397.013.962	20.242.379.742	35.685.919.460	436.258.184.105
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	151.725.378.376
Tổng công nợ	**10.124.893.868.981**	**16.628.302.841.478**	**2.798.233.121.072**	**94.957.029.179**	**44.388.682.735**	**29.842.500.921.821**

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (nhỏ hơn 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.3 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	112.927.005.638	111.502.437.193
Trên 1 – 5 năm	187.709.833.761	243.894.365.642
Trên 5 năm	157.780.929.900	180.994.645.775
Tổng cộng	**458.417.769.299**	**536.391.448.610**

45.4 *Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ*

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	3.724.080.360.105	7.582.633.082.953
Hà Nội	4.355.927.552.247	6.632.622.978.569
Nguyễn Công Trứ	774.098.371.037	1.416.740.408.426
Mỹ Đình	367.630.537.410	315.263.644.813
Hải Phòng	106.145.136.803	181.128.897.393
Tổng cộng	**9.327.881.957.602**	**16.128.389.012.154**

45.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty đánh giá rủi ro do ảnh hưởng của thay đổi lãi suất đối với Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể. Các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và cho vay của Công ty hầu hết đều có lãi suất cố định và thu hồi theo kỳ đáo hạn quy định của từng khoản mục. Các khoản vay có lãi suất cố định được xác định trong từng khế ước vay cụ thể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có khoản vay gốc ngoại tệ tại một số ngân hàng có giá trị là 60 triệu USD (tương ứng 1.422.600.000.000 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VND có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 1.500.491.310.906 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5. *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 7.3*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8* và *Thuyết minh số 9*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5. *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

				Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
	Tổng cộng	*Số dư đã dự phòng*	*Không quá hạn và không bị suy giảm*	*< 90 ngày*	*91–180 ngày*	*181 - 210 ngày*	*> 210 ngày*
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.057.163.090.177	4.997.415.362	11.052.148.323.953	7.880.271	2.519.603	1.288.736	5.662.252
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	15.134.065.013.420	441.230.012	15.133.615.005.564	4.262.093	707.919	917.029	2.890.803

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5. *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn (Đã bao gồm số dư đã trích lập dự phòng)	*Không kỳ hạn*	*Đến 01 năm*	*Từ 01 – 05 năm*	*Trên 05 năm*	*Tổng cộng*
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	**478.598.469.030**	**15.307.059.179**	-	-	**493.905.528.209**
Tài sản tài chính	**450.007.856**	**44.949.853.985.231**	**19.644.638.757.344**	-	**2.821.238.620.031**	**67.416.181.370.462**
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	44.072.153.174.688	-	-	-	44.072.153.174.688
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	4.972.970.722.803	-	2.171.558.577.993	7.144.529.300.796
Các khoản cho vay	450.007.856	461.946.971.023	14.671.668.034.541	-	-	15.134.065.013.420
Sẵn sàng để bán	-	415.753.839.520	-	-	-	415.753.839.520
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	649.680.042.038	649.680.042.038
Tài sản khác	**233.355.346.694**	**678.660.491.807**	-	**303.239.854.304**	**235.719.785.810**	**1.450.975.478.615**
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	34.293.485.028	-	-	-	34.293.485.028
Phải thu khác	233.355.346.694	567.696.360.378	-	1.650.000.000	-	802.701.707.072
Tài sản khác	-	76.670.646.401	-	-	-	76.670.646.401
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	301.589.854.304	235.719.785.810	537.309.640.114
Tổng cộng	**233.805.354.550**	**46.107.112.946.068**	**19.659.945.816.523**	**303.239.854.304**	**3.056.958.405.841**	**69.361.062.377.286**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	49.450.845.932	43.119.480.232.745	-	-	43.168.931.078.677
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	25.004.515.400	106.573.312.000	9.854.302.000	-	141.432.129.400
Chi phí phải trả	-	12.224.275.916	55.601.461.723	-	-	67.825.737.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	359.826.258.949	-	-	-	359.826.258.949
Phải trả, phải nộp khác	-	1.288.712.230.817	888.163.335.821	-	-	2.176.875.566.638
Tổng cộng	-	**1.735.218.127.014**	**44.169.818.342.289**	**9.854.302.000**	-	**45.914.890.771.303**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**233.805.354.550**	**44.371.894.819.054**	**(24.509.872.525.766)**	**293.385.552.304**	**3.056.958.405.841**	**23.446.171.605.984**

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5. *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

45.6 *Các khoản mục ngoại bảng của công ty con*

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	25.876.975.086	44.081.399.664
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	120.729.131.986	1.306.564.417.964
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	223.290.319	1.271.909.397
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	1.367.825.276	704.610.143

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Số lượng	*Giá mua*	*Giá trị giảm giá*	*Số lượng*	*Giá mua*	*Giá trị giảm giá*
HPG	135.316	5.095.149.422	(1.313.067.222)	590.984	19.553.437.234	(8.915.725.234)
MWG	86.302	4.398.686.368	(704.960.768)	315.992	21.825.729.204	(8.269.672.404)
DPR	83.200	3.328.000.000	(698.880.000)	132.700	10.104.360.000	(3.097.800.000)
PLC	22.800	840.190.000	(133.390.000)	37.700	1.390.160.000	(541.910.000)
TCB	59.796	3.097.432.800	(1.195.920.000)	148.600	7.145.949.263	(3.304.639.263)
Khác	187.953	14.590.184.681	(11.322.934.581)	13.252.898	1.065.819.415.677	(431.215.120.027)
Tổng	**575.367**	**31.349.643.271**	**(15.369.152.571)**	**14.478.874**	**1.125.839.051.378**	**(455.344.866.928)**

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.7 *Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản*

	Chỉ số năm 2023	*Chỉ số năm 2022*
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	94,97%	93,31%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	5,03%	6,69%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	66,43%	57,14%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	33,57%	42,86%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,31%	3,25%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (*) (ROE)	9,93%	7,63%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp của chủ sở hữu	15,28%	11,39%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,51%	26,05%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,43	1,64
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn]/Nợ ngắn hạn)	1,42	1,57

(*) Nguồn vốn chủ sở hữu được tính bằng Vốn chủ sở hữu trừ đi Lợi ích cổ đông không kiểm soát

46. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà Võ Hồng Tuyết Nga	Bà Nguyễn Thị Hải Anh	Ông Nguyễn Hồng Nam
Người lập biểu	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

THÔNG TIN KHÁC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT được trình bày chi tiết tại mục Cơ cấu Tổ chức.

Đa số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do UBCKNN cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
4	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
5	Hoàng Thị Minh Thủy (*)	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

(*) Miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng kể từ ngày 14/08/2023

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của CTCP Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

CỔ PHIẾU

Ngày 01/03/2023, Công ty đã hoàn thành phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Tại ngày 31/12/2023, Vốn điều lệ của SSI là 15.011.301.370.000 đồng, tương ứng 1.501.130.137 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ TRONG NĂM 2023

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2023 là 1.991.468 cổ phiếu, không thay đổi so với thời điểm tại ngày 31/12/2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2023 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

PHỤ LỤC 1:
GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ1	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ(*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	10.177.050	0,683%	10.677.050	0,711%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 500.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	5.239.498	0,351%	1.639.498	0,109%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 400.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022 Từ ngày 12/07/2023 đến ngày 14/07/2023: bán 4.000.000 cổ phiếu
3	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, Trưởng Uỷ ban Kiểm toán	292.798	0,020%	342.798	0,023%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 50.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT	0	0%	20.000	0,001%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 20.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	3.098.998	0,208%	3.298.998	0,220%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 200.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022
6	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền công bố thông tin (CBTT)	2.429.936	0,163%	2.725.036	0,182%	Tháng 01/2023: bán 4.900 cổ phiếu Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 300.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SSI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023 *(TIẾP)*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ1	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ(*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Hoàng Thị Minh Thủy (***)	Kế toán trưởng	214.550	0,014%	225.250	0,015%	Tháng 01/2023: bán 14.700 cổ phiếu Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 45.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022 Tháng 04/2023: bán 19.600 cổ phiếu
8	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty, Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ	1.086.148	0,073%	1.157.448	0,077%	Tháng 01/2023: bán 4.900 cổ phiếu Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 90.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022 Tháng 03/2023: bán 8.900 cổ phiếu Tháng 04/2023: bán 4.900 cổ phiếu
9	Phùng Thị Ngọc Linh	Em dâu của Giám đốc Tài chính	62.180	0,004%	78.000	0,005%	Tháng 01/2023: bán 12.180 cổ phiếu Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 38.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022 Tháng 06/2023: bán 10.000 cổ phiếu
10	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Duy Hưng và Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Ông Nguyễn Hồng Nam	7.725.000	0,518%	7.875.000	0,525%	Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/02/2023: mua 150.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ1	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ(*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
11	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HĐQT kiêm TGĐ SSI là Chủ tịch HĐTV và là thành viên góp 75% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	54.901.068	3,657%	58.901.068	3,924%	Từ ngày 12/07/2023 đến ngày 14/07/2023: mua 4.000.000 cổ phiếu

(*) Tại ngày 01/01/2023: Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.491.130.137 cổ phiếu
(**)Tại ngày 31/12/2023: Tỷ lệ trên 100% vốn điều lệ thực góp: 1.501.130.137 cổ phiếu
(***) Thông tin số lượng cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu cuối kỳ báo cáo được tính tại ngày 14/08/2023 do Bà Hoàng Thị Minh Thủy không còn là Người nội bộ của SSI từ ngày 14/08/2023

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

(các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con do SSI nắm giữ 100% vốn sở hữu Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là em ruột Chủ tịch HĐQT SSI
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	Công ty con do SSI nắm giữ 76,15% vốn sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch HĐQT SSI Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng giám đốc NDH
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,44% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch HĐQT SSI cũng là Chủ tịch HĐQT của PAN, công ty liên kết
Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc SSI là Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em ruột Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Công ty con sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI

SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2023 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính : VNĐ

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	404.000.000.000	-	-	404.000.000.000	
Quỹ đầu tư Công nghệ số Việt Nam	Góp vốn đầu tư	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi	-	(50.150.712.825)	50.150.712.825	-	
	Mua hàng hóa dịch vụ	-	33.887.469.042	33.887.469.042	-	-
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi	-	(23.733.222.112)	23.733.222.112	-	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả	-	(2.712.127)	2.712.127	-	(2.712.127)
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	165.378.065	2.952.268.885	(3.075.613.100)	42.033.850	2.909.018.859
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	596.081.897.683	2.490.613.037.831	(2.539.781.129.819)	546.913.805.695	-
	Phí quản lý Danh mục	(9.583.913.552)	(26.948.416.360)	22.483.846.898	(14.048.483.014)	(26.948.416.360)
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(60.320.547.960)	60.320.547.960	-	-
	Các khoản phải thu khác	-	223.440.000	(223.440.000)	-	-
	Phí giao dịch phải trả	-	(1.006.838.751)	1.006.838.751	-	(1.006.838.751)
	Phải trả khác	-	(2.805.685.758)	2.336.205.714	(469.480.044)	(1.901.192.950)
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	324.487.250	(324.487.250)	-	324.487.250
	Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	1.112.093.412.504	(1.112.093.412.504)	-	2.722.552.764
	Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	(11.886.156.752.400)	11.886.156.752.400	-	-
	Ứng trước phí dịch vụ	(203.700.000)	-	203.700.000	-	-
	Doanh thu tư vấn, dịch vụ	675.000.000	-	(675.000.000)	-	-
	Cổ tức SSI	-	(94.237.688.000)	94.237.688.000	-	-

SỐ DƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI NGÀY 31/12/2023 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán) *(tiếp)*

Đơn vị tính : VNĐ

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.350.158.944	(1.350.158.944)	-	1.227.417.222
	Phí hoa hồng phải trả	(632.663.617)	(6.320.139.640)	5.588.441.587	(1.364.361.670)	(6.320.139.640)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn đầu tư	913.666.863	2.240.175.076	(2.007.831.971)	1.146.009.968	2.240.175.076
	Cổ tức SSI	-	(231.737.895.000)	231.737.895.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu hợp đồng tư vấn	1.228.128.000	2.350.000.000	(3.578.128.000)	-	2.297.000.000
	Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	(15.669.932.289.759)	15.669.932.289.759	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi	-	20.205.008.929.153	(20.205.008.929.153)	-	36.934.453.751
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	(200.000.000)	-	100.000.000	(100.000.000)	-
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	(832.796.067.848)	(4.136.109.825.667)	4.703.218.277.998	(265.687.615.517)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	(1.525.934.400)	(44.417.915.883)	41.932.185.468	(4.011.664.815)	(44.417.915.883)
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	(99.369.746)	99.088.152	(281.594)	(99.369.746)
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	460.230.748	(460.230.748)	-	460.230.748
	Cổ tức SSI	-	(2.500.001.000)	2.500.001.000	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	167.700.000	(167.700.000)	-	167.700.000
	Nhận hợp đồng quản lý tiền gửi và khác	-	(17.512.000.000)	-	(17.512.000.000)	-
	Lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả và khác	-	(59.540.800)	-	(59.540.800)	(59.540.800)
	Cổ tức SSI	-	(54.901.068.000)	54.901.068.000	-	-
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	431.212.052	(431.212.052)	-	430.864.950
	Cổ tức SSI	-	(77.697.224.000)	77.697.224.000	-	-
	Các giao dịch khác	(4.432.110.308)	(1.730.016.945.366)	1.696.664.723.935	(37.784.331.739)	(2.195.960.854)

THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

Họ tên	Chức danh	Năm 2023	
		Tiền lương	Thù lao
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ tịch Hội đồng đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban chiến lược	7.020.421.000	
	Tổng giám đốc (từ 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020)		
Nguyễn Hồng Nam	Tổng giám đốc (từ ngày 1 tháng 8 năm 2020 đến nay)	6.341.400.000	
	Phó Tổng giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020)		
Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT		1.373.333.335
Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT		740.000.000
Hironori Oka	Thành viên HĐQT		
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT		300.000.000

PHỤ LỤC 2:
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

(Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2023 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	**325.975.583**	**21,72%**	**2**	**2**	-
	Trong nước	94.237.688	6,28%	1	1	-
	Nước ngoài	231.737.895	15,44%	1	1	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.991.468	0,13%	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
	Cổ đông khác	**1.173.163.086**	**78,15%**	**79.602**	**348**	**79.254**
	Trong nước	752.042.801	50,10%	75.885	185	75.700
	Nước ngoài	421.120.285	28,05%	3.717	163	3.554
	TỔNG CỘNG	**1.501.130.137**	**100,00%**	**79.604**	**350**	**79.254**
	Trong đó: Trong nước	846.280.489	56,38%	75.886	186	75.700
	Nước ngoài	652.858.180	43,49%	3.718	164	3.554
	Cổ phiếu quỹ	1.991.468	0,13%	-	-	-

**Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.501.130.137 cổ phiếu*

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI HÌNH

(Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2023 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Đối tượng		Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (**)
I.	**Người nội bộ và**	**4.583.000**	**15.345.828**	**19.928.828**	**1,33%**
	Hội đồng Quản trị (*)	2.085.000	12.253.846	14.338.846	0,96%
	Ban Giám đốc	1.450.000	189.498	1.639.498	0,11%
	Giám đốc Tài chính	675.000	2.050.036	2.725.036	0,18%
	Kế toán trưởng (***)	58.000	10.000	68.000	0,00%
	Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty	315.000	842.448	1.157.448	0,08%
II.	**Cổ phiếu quỹ**	-	1.991.468	1.991.468	0,13%
III.	**Công đoàn Công ty**	-	-	-	-
IV.	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	-	-	-	-
V.	**Cổ đông khác**	20.345.000	1.458.864.841	1.479.209.841	98,54%
	Trong nước	19.964.000	806.387.661	826.351.661	55,05%
	Cá nhân	19.964.000	583.799.859	603.763.859	40,22%
	Tổ chức	-	222.587.802	222.587.802	14,83%
	Nước ngoài	381.000	652.477.180	652.858.180	43,49%
	Cá nhân	381.000	23.885.250	24.266.250	1,62%
	Tổ chức	-	628.591.930	628.591.930	41,87%
TỔNG CỘNG		**24.928.000**	**1.476.202.137**	**1.501.130.137**	**100,00%**

(*) Không bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HĐQT đồng thời là Tổng giám đốc Công ty đã được liệt kê tại mục Ban Giám đốc
(**) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.501.130.137 cổ phiếu
(***) Tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông ngày 14/11/2023, Bà Nguyễn Thị Hải Anh giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty. Công ty miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với bà Hoàng Thị Minh Thủy kể từ ngày 14/08/2023

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC (SỞ HỮU TỪ 5% CP TRỞ LÊN) TÍNH ĐẾN NGÀY 14/11/2023

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước				
		-	-	-
Tổng Cộng A		**-**	**-**	**-**
B. Cổ đông lớn				
	Daiwa Securities Group Inc.	231.737.895	15,44%	-
	Đại diện: Hironori Oka	-	-	-
	Công ty TNHH Đầu tư NDH	94.237.688	6,28%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	-	-	-
Tổng Cộng B		**325.975.583**	**21,72%**	**-**
C. Cổ đông chiến lược				
	Daiwa Securities Group Inc. Đại diện: Hironori Oka	231.737.895	15,44%	-
Tổng Cộng C		**231.737.895**	**15,54%**	**-**
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)				
		-	-	-
Tổng Cộng D		**-**	**-**	**-**
Tổng Cộng (A+B+C+D)		**325.975.583**	**21,72%**	-

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.501.130.137 cổ phiếu

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Số liệu được cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2023 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp)

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.450.000	9.227.050	10.677.050	0,711%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.450.000	189.498	1.639.498	0,109%
3	Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT, Trưởng UBKT	115.000	227.798	342.798	0,023%
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT	20.000	-	20.000	0,001%
5	Hironori Oka Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Inc.	Thành viên HĐQT	- -	- 231.737.895	- -	- 15,44%
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	500.000	2.798.998	3.298.998	0,220%
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT	675.000	2.050.036	2.725.036	0,182%
9	Nguyễn Thị Hải Anh	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 14/08/2023)	58.000	10.000	68.000	0,004%
9	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty, Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ	315.000	842.448	1.157.448	0,077%
TỔNG CỘNG			**4.583.000**	**15.345.828**	**19.928.828**	**1,327%**

ĐỊA BÀN KINH DOANH

SSI cung cấp dịch vụ thông qua mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam và qua kênh giao dịch điện tử, phục vụ khách hàng trên toàn thế giới.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

PHÍA NAM

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ,
Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897
Fax: (+84) 28 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Tầng 7 Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3821 8567
Fax: (+84) 28 3821 3867

Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ

Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3622 0123
Fax: (+84) 28 3622 6667

Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3622 2666
Fax: (+84) 28 3622 2333

Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 36227788
Fax: (+84) 28 36225666

Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh

Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-SH.06, Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-SH.07, Tháp Park 2, Khu dân cư Vinhomes Central Park, 208 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84) 28 3622 2233
Fax: (+84) 28 3622 2277

Phòng giao dịch Lê Lợi

Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3636 3688
Fax: (+84) 28 3636 3668

Phòng giao dịch Công Trường Mê Linh

Tầng 24, Toà nhà Vietcombank, số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897
Fax: (+84) 28 3824 2997

PHÍA BẮC

Chi nhánh Hà Nội

Số 1C Ngô Quyền,
Phường Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại:
(+84) 24 3936 6321
(+84) 24 6288 8885
Fax: (+84 24) 3936 6311

Chi nhánh Mỹ Đình

C014 và C015, Tầng G,
Tháp The Manor, Đường Mễ Trì,
Phường Mỹ Đình 1,
Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3794 6699
Fax: (+84) 24 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng

22 Lý Tự Trọng,
Quận Hồng Bàng,
TP. Hải Phòng

Điện thoại: (+84) 225 3569123
Fax: (+84) 225 3569130

Phòng giao dịch Lê Văn Lương

Tầng 1, Tòa nhà Star City,
số 23 Lê Văn Lương,
Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3209 1256
Fax: (+84) 24 3568 0738

Phòng giao dịch Times City

Tầng 1, 2, 3 và Unit 07 Tầng 10,
Tòa nhà Century Tower,
số 458 Minh Khai,
Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 394 13383
Fax: (+84) 24 3941 3385

Phòng giao dịch Vạn Phúc

Tầng 1 và Unit 3A Tầng 3,
Tòa nhà The Imperial Suites, 01-N1,
Ngõ 40, Phố Vạn Bảo,
Phường Liễu Giai,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3773 4999
Fax: (+84) 24 3771 4999

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Số 1C Ngô Quyền,
Phường Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3936 6321
Fax: (+84) 24 3936 6337

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel : 028 38 242 897 – Fax : 028 38 242 997

www.ssi.com.vn